

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**  
**CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/7/2009)*

**VietinBank** 

VIETNAM BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 65/VBCL-G04 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 08 năm 2010)*

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

**1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam**

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3942.1030 Fax: 04. 3942.1032

Website: <http://www.vietinbank.vn>

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Lê Đức Thọ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Mobile: 0913372917

Tel: 04.39421457 Fax: 04.3942.1032

Hà Nội – 08/2010

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VIETINBANK)



VIETNAM BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

(Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội  
cấp thay đổi lần 1 ngày 30/6/2010)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

**Tên cổ phiếu** :Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**Loại cổ phiếu** :Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá** :10.000 đồng/cổ phần

**Tổng số lượng chào bán** :392.000.000 cổ phần trong đó:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 76.900.000 cổ phần
- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu: 315.100.000 cổ phần với giá 10.000đ/cổ phần

**Tổng giá trị chào bán:** 3.920.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá), trong đó:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu: 769.000.000.000 đồng mệnh giá
- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu: 3.151.000.000.000 đồng mệnh giá

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc)

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Hà Nội

Điện thoại: 04. 35562875 Fax: 04. 35562874

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ Công ty TNHH Ernst Young Việt Nam (E&Y)

Địa chỉ: 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 38315100 Fax: 04. 38315090

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1.	Rủi ro về kinh tế.....	8
2.	Rủi ro về lãi suất.....	8
3.	Rủi ro tín dụng.....	9
4.	Rủi ro về ngoại hối.....	10
5.	Rủi ro về thanh khoản.....	10
6.	Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng.....	10
7.	Rủi ro về luật pháp.....	11
8.	Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.....	12
9.	Rủi ro tác nghiệp.....	12
10.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	13
11.	Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	13
12.	Rủi ro của đợt chào bán.....	13
13.	Rủi ro khác.....	14
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	15
1.	Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)..	15
2.	Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSc).....	15
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	17
1.	Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....	17
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	19
3.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng.....	21
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	27

5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	29
6.	Hoạt động kinh doanh.....	32
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008 -2009 và Quý II/2010 .....	68
8.	Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành .....	73
9.	Chính sách đối với người lao động.....	77
10.	Chính sách cổ tức .....	80
11.	Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng .....	81
12.	Tình hình hoạt động tài chính .....	102
13.	Tài sản.....	103
13.1.	Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2009 .....	104
13.2.	Tình hình quản lý và sử dụng đất .....	104
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010-2012 .....	110
14.1.	Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam .....	110
15.1.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Vietinbank trong giai đoạn 2010-2012 như sau:.....	114
15.2.	Căn cứ để đạt kế hoạch cổ tức, lợi nhuận trên.....	118
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	120
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết .....	120
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN .....	120
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....	125
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	126
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN .....	126
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN .....	127
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: .....	127
IX.	PHỤ LỤC.....	128

**DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BIỂU ĐỒ**

Hình 1: Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 12/3/2010

Hình 2: Hệ thống tổ chức

Hình 3: Cơ cấu tổ chức chi tiết

Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)

Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)

Hình 6: Cơ cấu tổ chức: Phòng Giao dịch

Hình 7: Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2007-2009

Hình 8: Cơ cấu tiền gửi năm 2009 và giai đoạn 2007-2009

Hình 9: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay

Hình 10: Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng thời kỳ 2007-2009

Hình 11: Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2009

Hình 12: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế

Hình 13: Cơ cấu dư nợ năm 2009 theo thời gian

Hình 14: Cơ cấu dư nợ thời kỳ 2007 - 2009 theo loại hình DN

Hình 15: Cơ cấu dư nợ 2009 theo loại hình DN

Hình 16: Tỷ lệ an toàn vốn 2007-2009

Hình 17: Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2007-2009

Bảng 18: Phân loại nợ năm 2009

Hình 19: Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa thời kỳ 2007 - 2009

Hình 20: Tốc độ tăng phát hành thẻ

Hình 21: Cơ cấu đầu tư chứng khoán thời kỳ 2007 - 2009

Hình 22: Số dư và tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2007 – 2009

Hình 23: Tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2007-2009

Hình 24: Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2007-2009

Hình 25: Mạng lưới hoạt động của Vietinbank và các Ngân hàng khác

Hình 26: Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của Vietinbank và các ngân hàng khác

Hình 27: Tương quan Tổng tài sản và vốn điều lệ của Vietinbank với các ngân hàng khác năm 2009

*Hình 28: Mô hình Tập đoàn Tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam*

*Hình 29: Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của Vietinbank giai đoạn 2010-2012*

*Hình 30: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank giai đoạn 2010-2012*

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

- Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần tại thời điểm 12/3/2010*
- Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 12/03/2010*
- Bảng 3: Danh sách công ty con và công ty liên doanh của Vietinbank tại thời điểm 31/12/2009*
- Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của Vietinbank*
- Bảng 5: Vay NHNNVN*
- Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng*
- Bảng 7: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam*
- Bảng 8: Tổng hợp các dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 31/12/2009*
- Bảng 9: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động thị trường vốn*
- Bảng 10: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính*
- Bảng 11: Kết quả hoạt động Công ty Bất động sản và đầu tư tài chính NHCTVN*
- Bảng 12: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCTVN*
- Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của NHCTVN giai đoạn 2008 - 2009*
- Bảng 14: Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam 2010-2011*
- Bảng 15: Phân loại lao động tại thời điểm 31/03/2009*
- Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Vietinbank*
- Bảng 17: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2009*
- Bảng 18: Tình hình quản lý và sử dụng đất*
- Bảng 19: Một số khu đất chính do Vietinbank đang sở hữu*
- Bảng 20: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Vietinbank 2010-2012*
- Bảng 21: Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2010-2012*
- Bảng 22: Báo cáo thu nhập dự kiến giai đoạn 2010-2012*
- Bảng 23: Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2009*
- Bảng 24: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2010*

# NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 - 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua. Hơn thế nữa, năm 2007 cũng là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn do việc hội nhập mang lại, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007.

Bước vào năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội khác của nước ta. Ở trong nước, thiên tai dịch bệnh xảy ra liên tiếp trên địa bàn cả nước cũng đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống dân cư. GDP năm 2009 chỉ tăng 5,32% trong khi tỷ lệ lạm phát ở mức 6,8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch.

### 2. Rủi ro về lãi suất

Một trong những rủi ro đặc thù của ngân hàng thương mại là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch giữa lãi suất huy động đầu vào và lãi suất đầu ra do biến động của thị trường và chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động và kỳ hạn đầu tư, cho vay ra thị trường. Khi lãi suất thị trường thay đổi, những nguồn thu chính từ danh mục cho vay và đầu tư chứng khoán cũng như chi phí trả lãi đối với tiền gửi và các nguồn vay của ngân hàng đều bị tác động. Những thay đổi của lãi suất thị trường có thể tác động tiêu cực tới lợi nhuận ngân hàng do làm tăng chi phí nguồn vốn, giảm thu nhập từ tài sản, hạ thấp giá trị vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Vì vậy, sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến toàn



bộ bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập của ngân hàng. Nếu không có sự quan tâm thích đáng đến việc quản lý rủi ro lãi suất, không dự đoán được xu hướng biến động của lãi suất thì các ngân hàng có thể bị thiệt hại nặng nề từ loại rủi ro này, thậm chí rơi vào tình trạng thua lỗ dẫn đến phá sản.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, VietinBank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro như áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo thị trường; tham gia vào các hợp đồng hoán đổi lãi suất với nhiều đối tác nước ngoài; áp dụng chính sách lãi suất thả nổi trong nhiều hợp đồng tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất; chú trọng huy động vốn có thời hạn trên 1 năm.

### **3. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện và thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình theo cam kết trong hợp đồng (cho vay, bảo lãnh, các hình thức cấp tín dụng khác) làm giảm hay mất giá trị của tài sản có. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, VietinBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro tín dụng và có điều chỉnh chính sách tín dụng từng thời kỳ như: đa dạng hóa danh mục đầu tư, ban hành toàn diện và thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình cấp và quản lý tín dụng như quy định cho vay đối với các tổ chức kinh tế; quy định cho vay tiêu dùng, quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng, quy trình cho vay vốn lưu động, quy trình cho vay dự án đầu tư, quy trình kiểm tra giám sát khoản vay, quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề, xét duyệt hạn mức tín dụng, quy định mức phán quyết tín dụng theo cấp độ. Bên cạnh đó Vietinbank còn xây dựng hệ thống tính điểm xếp hạng riêng cho từng loại khách hàng như khách hàng là công ty, khách hàng là các định chế tài chính và khách hàng cá nhân; cơ cấu tổ chức bộ máy bao gồm các bộ phận độc lập: Ban hành cơ chế chính sách, Quản lý rủi ro, quan hệ khách hàng, Quản lý nợ có vấn đề và Kiểm tra giám sát độc lập; thực hiện phân cấp quyết định tín dụng từ HĐQT đến trưởng phòng giao dịch; cảnh báo rủi ro từ các ngành hàng, các khu vực kinh tế, các doanh nghiệp, tài sản bảo đảm...; cung cấp thông tin và tư vấn cho khách hàng để giảm thiểu rủi ro trong các giao dịch thương mại.

Đặc biệt để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong quyết định cấp và quản lý tín dụng, bên cạnh các phòng tín dụng trực tiếp cho vay khách hàng VietinBank đã xây dựng bộ máy quản lý rủi ro tín dụng từ Trụ sở chính đến mọi chi nhánh với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là thẩm định độc lập trước khi cấp tín dụng, phát hiện, phòng ngừa, cảnh báo sớm

rủi ro tín dụng. VietinBank thực hiện việc chấm điểm xếp hạng chi nhánh để xác định mức ủy quyền phán quyết cho chi nhánh, thực hiện kiểm tra nghiệp vụ hàng năm và chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ.

#### **4. Rủi ro về ngoại hối**

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng. Để quản trị rủi ro về ngoại hối, VietinBank thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống, trong đó quy định hạn mức trạng thái ngoại tệ cho từng chi nhánh, hạn mức đối tác về Hội sở chính. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống được kiểm soát và cân bằng kịp thời, đảm bảo cuối ngày trên bảng cân đối toàn hệ thống, trạng thái ngoại hối được duy trì ở mức hợp lý, an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật. Để giảm thiểu và phòng tránh rủi ro về ngoại hối, ngoài các quy định về trạng thái, hạn mức, nghiệp vụ mua bán ngoại tệ giao ngay, hiện tại VietinBank còn áp dụng các nghiệp vụ phái sinh như kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ.

#### **5. Rủi ro về thanh khoản**

Thanh khoản là một mắt chốt quan trọng trong công tác cân đối và điều hòa vốn – là yếu tố sống còn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là khả năng ngân hàng không thể đáp ứng các nhu cầu rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất của người gửi cũng như đáp ứng các nghĩa vụ chi trả tài chính khác. Rủi ro thanh khoản bắt nguồn từ sự không phù hợp về quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng tại thời điểm hiện tại hay trong tương lai. Mặt khác tâm lý số đông là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới rủi ro thanh khoản. Việc rút tiền hàng loạt có thể xảy ra khi thị trường kinh tế Việt Nam và thế giới có những dấu hiệu bất ổn, làm ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề thanh khoản của ngân hàng và rủi ro thanh khoản là rất lớn và thiệt hại khó lường.

Để đảm bảo tính thanh khoản, bên cạnh việc lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn hợp lý, VietinBank luôn tính toán và duy trì tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ và các quỹ dự trữ đặc biệt tại NHNN.

#### **6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ tài chính được hạch toán ngoại bảng, các nghiệp vụ này (chủ yếu là nghiệp vụ bảo lãnh tài chính và giao

dịch thư tín dụng) cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Đối với các nghiệp vụ bảo lãnh tài chính, rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng nhưng rủi ro thấp hơn so với hoạt động cho vay. Do đó, VietinBank đã phân loại bảo lãnh, thư tín dụng để cung cấp sản phẩm cho khách hàng và có các biện pháp giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong hợp đồng của khách hàng với đối tác. Đồng thời, việc phân cấp bảo lãnh, mở thư tín dụng cho khách hàng được thực hiện trên cơ sở thẩm định chặt chẽ như khoản vay theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.

Khi thực hiện phát hành các thư tín dụng thương mại trả ngay/trả chậm, khách hàng của VietinBank là Người mua/Nhà nhập khẩu hàng hóa và Bên thụ hưởng là Người bán/Nhà xuất khẩu hàng hóa, rủi ro phát sinh từ các giao dịch này khi Bên thụ hưởng đã hoàn thành nghĩa vụ mà khách hàng không thực hiện thanh toán. Lúc đó, Ngân hàng sẽ phải thanh toán cho Bên thụ hưởng thay cho khách hàng, nghĩa vụ phát sinh của khách hàng sẽ được thanh toán trong nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc. Để hạn chế rủi ro này, Ngân hàng đã có các biện pháp như kiểm soát chặt chẽ bộ chứng từ hàng hóa hoặc yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các giao dịch này khi cần thiết. Tỷ lệ ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị thư tín dụng phát hành tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng và có thể không thực hiện biện pháp đảm bảo trong trường hợp khách hàng có năng lực tài chính đủ mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phương án kinh doanh có khả thi.

## 7. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp cổ phần hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tài chính tiền tệ nên hoạt động của VietinBank được quản lý chặt chẽ bằng Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật và dưới luật của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản pháp luật của Nhà nước đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, do niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán nên Ngân hàng còn phải tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiểu được rất rõ vấn đề này, VietinBank đưa ra những biện pháp hạn chế rủi ro pháp luật của VietinBank như sau:

- VietinBank thiết lập một Bộ phận pháp chế có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo Ngân hàng, tư vấn cho các đơn vị và các cán bộ trong toàn hệ thống về các vấn đề có liên

quan tới yếu tố pháp lý nhằm giúp cho các quyết định của Ban lãnh đạo Ngân hàng, các đơn vị và các nhân trong hệ thống tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Bộ phận pháp chế cũng có trách nhiệm nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật; hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cung cấp các văn bản pháp lý cần thiết trong toàn hệ thống.

- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao kiến thức pháp lý và kỹ năng đàm phán, thương thảo, soạn thảo Hợp đồng, giải quyết tranh chấp.
- Đối với những giao dịch có giá trị lớn hoặc phức tạp, VietinBank thường thuê các Công ty Luật có uy tín trong và ngoài nước cung cấp các dịch vụ pháp lý nhằm hỗ trợ VietinBank.

## **8. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin**

Hệ thống công nghệ thông tin đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống công nghệ thông tin góp phần giúp Ngân hàng hoạt động chuyên nghiệp, xử lý kịp thời các giao dịch, đảm bảo tính an toàn và bảo mật trong công tác quản lý dữ liệu.

Rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin là những rủi ro, thiệt hại do yếu tố kỹ thuật công nghệ, những sai sót trong quá trình vận hành hệ thống gây ra. Trong những năm qua VietinBank đã chú trọng đầu tư, không ngừng nâng cấp hệ thống và đưa ra các chính sách kiểm soát bảo mật, an ninh, an toàn hệ thống dành cho nhân viên nhằm giảm thiểu những rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Hiện nay, VietinBank đã khai trương và đưa vào sử dụng Trung tâm dự phòng thông tin.

## **9. Rủi ro tác nghiệp**

Rủi ro tác nghiệp là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người v.v. trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro tác nghiệp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công cụ quản lý. Để phòng chống rủi ro này, Vietinbank đã thực hiện chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Bên cạnh đó, các quy trình trong quản lý bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nội bộ, thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý tài sản khách hàng v.v. đã được tiêu chuẩn hóa.

## 10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của Ngân hàng được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Ngoài ra, khi Ngân hàng phát hành tăng vốn, cổ phiếu bị pha loãng, thu nhập trên một cổ phiếu giảm. Giá cổ phiếu VietinBank cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

## 11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

**Pha loãng quyền biểu quyết:** Có thể có do toàn bộ số cổ phần trong đợt phát hành này là cổ phần tự do chuyển nhượng.

**Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):** trong trường hợp tất cả những yếu tố khác không đổi, với việc phát hành thêm tổng cộng 392.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến EPS của VietinBank sau đợt phát hành sẽ giảm xuống.

**Pha loãng giá thị trường:** giá cổ phiếu sẽ điều chỉnh giảm trong ngày giao dịch không hưởng quyền. Căn cứ phương án phát hành, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được nhận 0,0683 cổ phiếu trả cổ tức và được quyền mua 0,28 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Công thức tính giá cổ phiếu bị pha loãng như sau:

$$P1 = (P0 + 10.000 \times 0,28) / (1 + 0,0683 + 0,28)$$

Với: P0 là giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền;

P1 là giá điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

Ví dụ, giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P0 = 30.000 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

Giá điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ là:

$$P1 = (30.000 + 10.000 \times 0,28) / (1 + 0,0683 + 0,28) = 24.300 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

## 12. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán được tính toán kỹ lưỡng căn cứ vào tình hình thị trường, giá chào bán và mục đích huy động vốn phù hợp. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến đợt chào bán là không thể loại trừ vì ngoài những lý do khách quan không thể kiểm soát như tình hình kinh tế xã hội biến động thì các yếu tố thuộc tâm lý của nhà đầu tư sẽ ảnh hưởng đến đợt chào bán chứng khoán của VietinBank. Trong trường hợp không chào bán hết, số lượng cổ phần

còn lại sẽ được đưa ra Hội đồng Quản trị quyết định nhưng giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

### **13. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng cho hoạt động của Ngân hàng.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)

Ông Phạm Huy Hùng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Xuân Lập Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Chung Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà: Trần Thị Lệ Nga Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSc)

Đại diện: Ông Nguyễn Thọ Phùng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

Tổ chức niêm yết	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
NHTMCPCTVN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
VietinBank	Tên viết tắt của Ngân hàng TM Cổ phần Công thương Việt Nam
NHCTVN	Ngân hàng Công thương Việt Nam
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại cổ phần
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
CP	Cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ALCO	Asset - Liability Management Committee - Ủy ban Quản Lý Tài sản Nợ - Tài sản Có
ATM	Automated Teller Machine - Máy rút tiền tự động
CĐ	Cổ đông
AML	Anti-Money Laundering – Chống rửa tiền

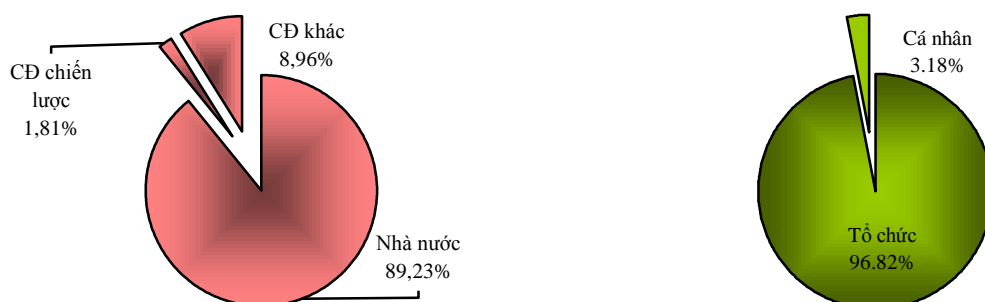


## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên gọi doanh nghiệp: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên giao dịch đối ngoại: **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**
- Tên viết tắt: **VIETINBANK**
- Logo 
- Địa chỉ doanh nghiệp: **Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- Điện thoại: **84.4. 3942.1030** Fax: **84.4. 3942.1032**
- Website: **<http://www.vietinbank.vn>**
- Slogan: **Nâng giá trị cuộc sống**
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số 142/GP-NHNN của NHNN cấp ngày 03 tháng 07 năm 2009;
- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh cấp thay đổi lần thứ nhất 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 30/06/2010;
- Vốn điều lệ hiện tại: **11.252.972.800.000 đồng, trong đó:**

**Hình 1: Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 12/03/2010**



*Nguồn: Vietinbank*

- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng bao gồm:
  - ✓ Huy động vốn: Hoạt động huy động vốn bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng bằng nội và ngoại tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kỳ phiếu, và các giấy tờ có giá khác để huy động nguồn vốn, vay từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài, vay từ NHNN, và các hình thức vay vốn khác theo quy định của NHNN.
  - ✓ Hoạt động tín dụng: Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh chính của VietinBank. Các hoạt động tín dụng của VietinBank bao gồm cấp vốn vay bằng nội và ngoại tệ, bảo lãnh, chiết khấu, cho thuê tài chính, và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
  - ✓ Hoạt động đầu tư: Các hoạt động đầu tư của VietinBank được thực hiện thông qua việc tích cực tham gia vào thị trường liên ngân hàng và thị trường vốn. Tài sản đầu tư bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHNN, Công trái xây dựng Tổ quốc, Trái phiếu giáo dục, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. Ngoài ra VietinBank còn góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp trong và ngoài nước và góp vốn liên doanh với các tổ chức nước ngoài.
  - ✓ Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: VietinBank tập trung cung cấp dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng, bao gồm thanh toán trong nước và quốc tế, thu chi hộ khách hàng, thu chi bằng tiền mặt và séc.
  - ✓ Các hoạt động khác: Bên cạnh các dịch vụ kinh doanh chính, VietinBank cung cấp một số dịch vụ bổ sung cho khách hàng bao gồm các hoạt động trên thị trường tiền tệ, kinh doanh giấy tờ có giá bằng VND và ngoại tệ, chuyển tiền trong nước và quốc tế, chuyển tiền kiều hối, kinh doanh vàng và ngoại hối, các hoạt động đại lý và ủy thác, bảo hiểm, các hoạt động chứng khoán thông qua các công ty con, dịch vụ tư vấn tài chính, dịch vụ quản lý vốn, dịch vụ thấu chi, dịch vụ thẻ, gửi và giữ tài sản, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, dịch vụ ngân hàng qua điện thoại, dịch vụ ngân hàng điện tử, v.v.
- ✓ Sản phẩm và dịch vụ cung cấp
  - Cho vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và đầu tư
  - Dịch vụ huy động tiền gửi dân cư (ngắn, trung, dài hạn)

- Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài nước
- Dịch vụ chứng khoán
- Dịch vụ mở và sử dụng tài khoản
- Dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu
- Các dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước
- Dịch vụ tư vấn tài chính tiền tệ
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- Dịch vụ chiết khấu và tái chiết khấu
- Dịch vụ ngân hàng điện tử Internet Banking, Phone Banking, Mobile Banking và SMS Banking
- Dịch vụ thẻ (thẻ tín dụng quốc tế, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước)
- Dịch vụ chuyển tiền kiều hối
- Dịch vụ bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Dịch vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh
- Cho thuê tài chính
- Hoạt động ngân hàng đại lý
- Các dịch vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Ngân hàng.

## **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank), tiền thân là Ngân hàng Công thương Việt Nam, được thành lập dưới tên gọi Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26 tháng 03 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy NHNNVN và chính thức được đổi tên thành “*Ngân hàng Công thương Việt Nam*” theo quyết định số 402/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 14 tháng 11 năm 1990.

Ngày 27 tháng 03 năm 1993, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 về việc thành lập NHCTVN thuộc NHNNVN. Ngày 21 tháng 09 năm 1996, được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 về việc

thành lập lại NHCTVN theo mô hình Tổng Công ty Nhà nước được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 1994 của Thủ tướng Chính Phủ.

Ngày 23 tháng 09 năm 2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký quyết định 1354/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 02 tháng 11 năm 2008, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng Công thương tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần.

Ngày 03/07/2009, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 14/GP-NHNN thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. NHTMCP Công thương Việt Nam chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp ngày 03/07/2009.

Ngày 16/7/2009 cổ phiếu của VietinBank chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là CTG.

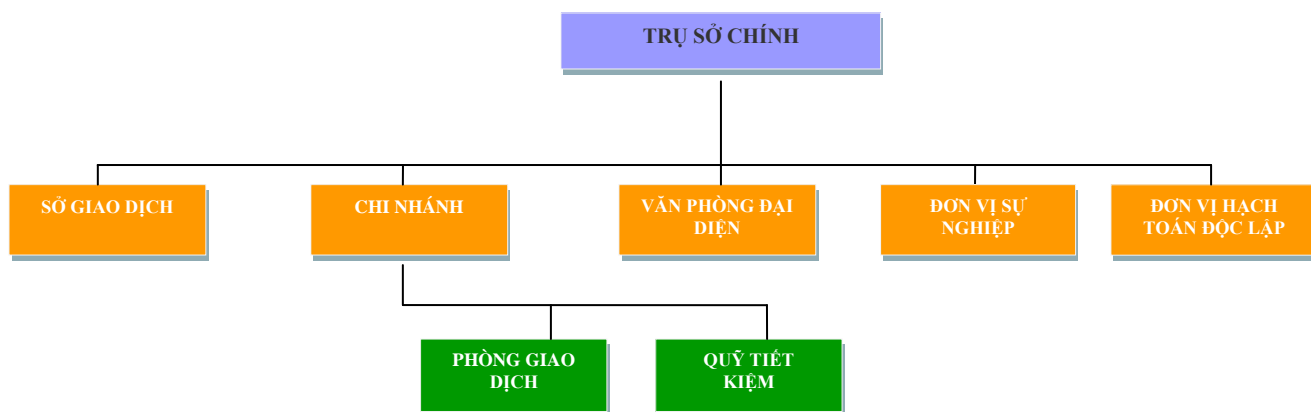
Trải qua 22 năm xây dựng và phát triển đến nay, VietinBank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với mạng lưới hoạt động được phân bố rộng khắp tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đến 31/12/2009, hệ thống mạng lưới của VietinBank bao gồm 01 Hội sở chính; 01 Sở Giao dịch; 149 chi nhánh; 695 phòng giao dịch; 98 quỹ tiết kiệm; 1.092 máy rút tiền tự động (ATM); 02 Văn phòng đại diện; và 04 Công ty con bao gồm Công ty cho thuê tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (VietinBankSc) và Công ty Bất động sản và đầu tư tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty Bảo hiểm Ngân hàng công thương Việt Nam; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, NHCT còn góp vốn liên doanh vào Ngân hàng Indovina, góp vốn vào 08 công ty trong đó có Công ty cổ phần Chuyển mạch Tài chính quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương, Công ty CP Thép Thái Nguyên v.v.

Ngân hàng hiện tại có quan hệ đại lý với 900 ngân hàng, định chế tài chính tại trên 90 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Năm 2009 VietinBank đã đạt được kết quả: Tổng tài sản tăng 25%, tổng nguồn vốn tăng 27%, cho vay nền kinh tế tăng 32%, lợi nhuận tăng 36% so với năm trước, nợ xấu 0,6%.

### 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

#### 3.1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

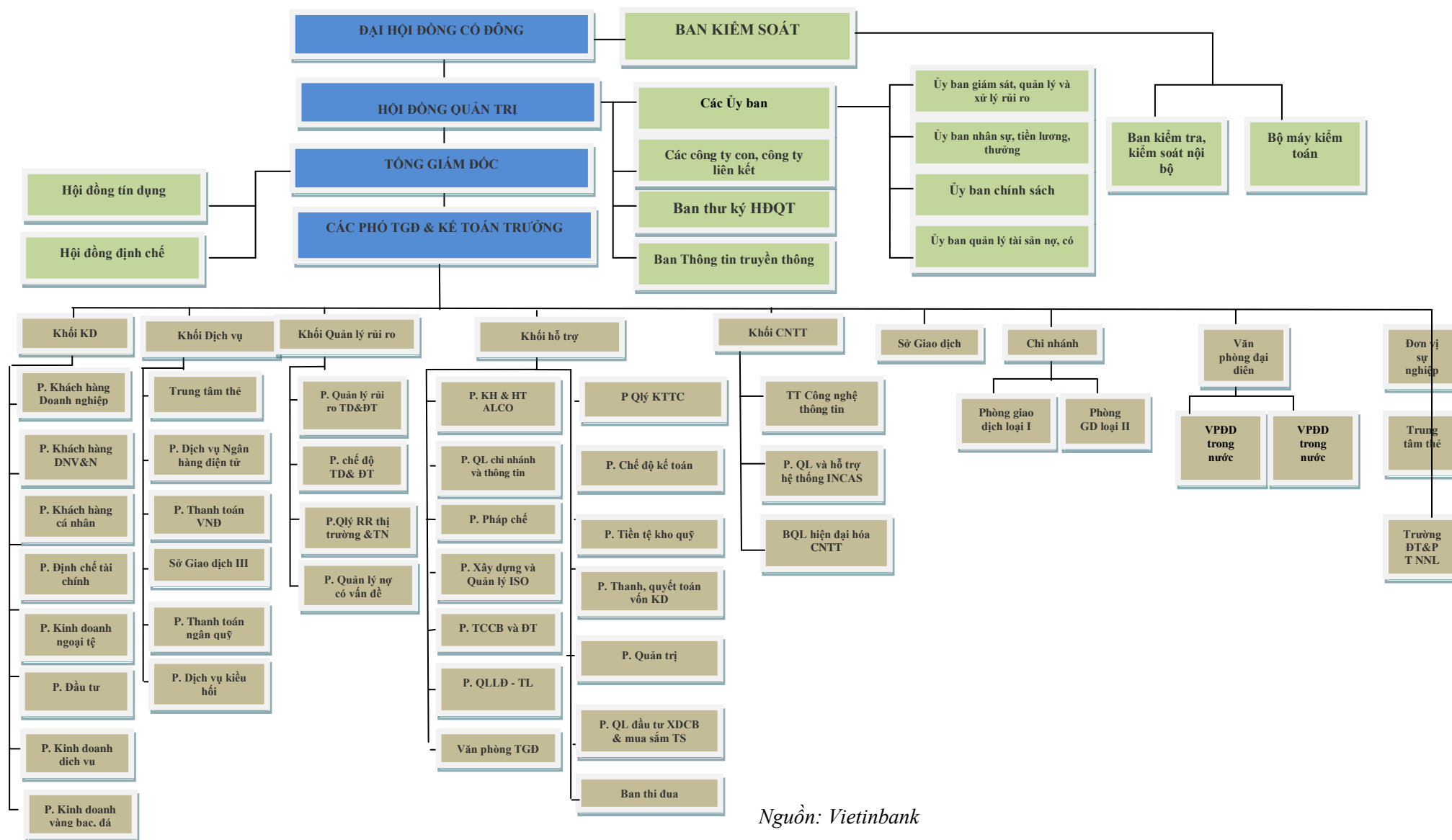
Hình 2: Hệ thống tổ chức



(Nguồn: VietinBank)

#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của NHTMCP Công thương Việt Nam

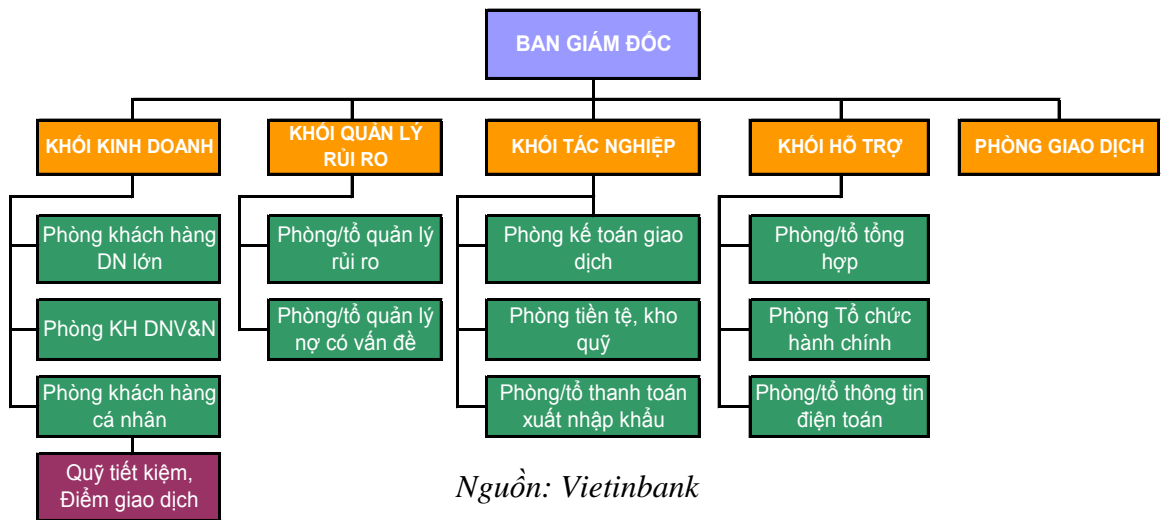
Hình 3: Cơ cấu tổ chức chi tiết



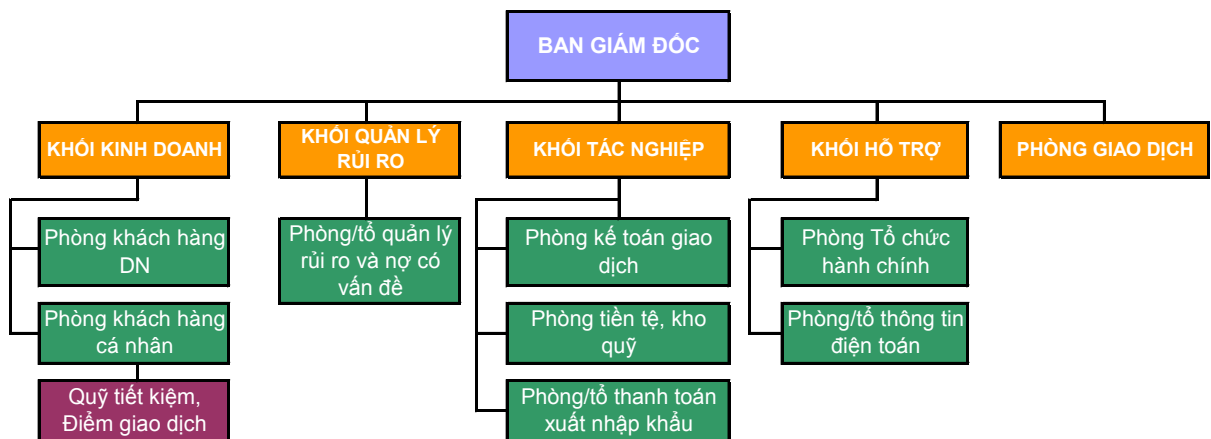
Nguồn: Vietinbank

Các chi nhánh của NHCT được cơ cấu theo hai mô hình tổ chức sau:

**Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)**

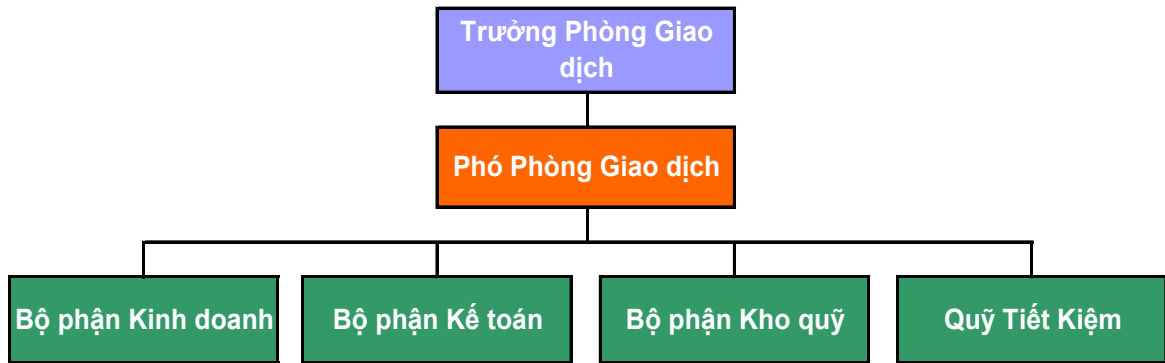


**Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)**



Cơ cấu tổ chức của Phòng Giao dịch được thể hiện như sau:

**Hình 6: Cơ cấu tổ chức: Phòng Giao dịch**



*Nguồn: Vietinbank*

**Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Vietinbank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

**Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Ngân hàng, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

- Ông Phạm Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Xuân Lập - Ủy viên HĐQT
- Bà Phạm Thị Hoàng Tâm - Ủy viên HĐQT
- Ông Trần Xuân Châu - Ủy viên HĐQT
- Bà Đỗ Thị Thủy - Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Hồng Vân - Ủy viên HĐQT
- Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Ủy viên HĐQT

Trực thuộc HĐQT có các ủy ban:

- Ủy ban giám sát và quản lý rủi ro



- Ủy ban nhân sự, tiền lương, thưởng
- Ủy ban Tài sản Nợ - Có
- Ủy ban chính sách

### **Ban Điều hành**

Ban Điều hành bao gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại như sau:

- Ông Phạm Xuân Lập - Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Mạnh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Du - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Bà Bùi Như Ý - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Đức Thọ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Võ Minh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Chung - Kế toán trưởng

### **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

- Bà Trần Thị Lệ Nga - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thơm - Ủy viên
- Bà Phan Thị Quý - Ủy viên

### **Các bộ phận trực thuộc hội sở chính**

- **Hội đồng tín dụng:** Quyết định cấp giới hạn tín dụng, khoản tín dụng có giá trị lớn; Xem xét nhất trí và trình HĐQT thông qua với những khoản vay và tổng khoản vay lớn; Quyết định định hướng ngành hàng mục tiêu, nhóm khách hàng mục tiêu, nhóm khách hàng có khả năng tăng trưởng tín dụng, nhóm khách hàng cần hạn chế tăng trưởng tín dụng của VietinBank; Quyết định điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí xác định nhóm khách hàng; Quyết định các vấn đề phức tạp khác có liên quan tới hoạt động tín dụng; Đề xuất để Tổng giám đốc trình HĐQT quyết định thông qua tỷ lệ tăng trưởng, cơ cấu tín dụng hàng năm của

VietinBank. Hội đồng tín dụng bao gồm Hội đồng tín dụng trụ sở chính và hội đồng tín dụng cơ sở.

- **Hội đồng định chế:** Chức năng về đối ngoại và quan hệ hợp tác, bán sản phẩm dịch vụ của VietinBank cho các định chế tài chính trong và ngoài nước và tạo ra lợi nhuận. Nhiệm vụ chi tiết bao gồm: Phát triển quan hệ đối ngoại và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với 1 số định chế trong và ngoài nước; Phân tích, đánh giá thẩm định năng lực tài chính và hoạt động kinh doanh của các Định chế tài chính, định hạn mức tài trợ thương mại, đầu tư tiền gửi ở nước ngoài...; Tham gia ý kiến trong việc phát hành, bảo lãnh, tái bảo lãnh, xác nhận L/C; Phân tích, đánh giá tình hình kinh tế tài chính tiền tệ các nước; Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiên cứu việc đóng mở tài khoản NOSTRO, Xây dựng biểu phí ngoại tệ; Phát triển mở rộng dịch vụ chi trả kiều hối, séc du lịch, kinh doanh ngoại tệ mặt...; Xây dựng và bảo vệ kế hoạch cho vay trả nợ nước ngoài với NHNN; Tiếp cận bộ tài chính, NHNN và các tổ chức quốc tế để làm ngân hàng phục vụ dự án ODA; Cung cấp thông tin cần thiết về thị trường tài chính tiền tệ, kinh tế thế giới; Soạn thảo phát hành báo cáo thường niên; Sửa đổi bổ sung ban hành mới danh sách chữ ký ủy quyền của VietinBank.
- **Các Khối nghiệp vụ,** bao gồm:
  - **Khối kinh doanh và khối dịch vụ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ trực tiếp kinh doanh, tạo lợi nhuận cho Ngân hàng.
  - **Khối quản lý rủi ro:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng (Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tác nghiệp...)
  - **Khối hỗ trợ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
  - **Khối Công nghệ Thông tin:** Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tin học để phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển hoạt động kinh doanh, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động chính xác, liên tục, thông suốt và an toàn.

#### 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

##### 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của VietinBank

**Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần tại thời điểm 30/6/2010**

TT	Cổ đông lớn	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	(%)
1	Cổ đông Nhà nước	1.004.085.500	10.040.855.000.000	89,23%

(Nguồn: VietinBank)

**Ghi chú:**

Theo Công văn số 563/TTg-KTTH ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại NHTMCP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước, cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Ngân hàng TMCP CTVN và thực hiện mua phần vốn phát hành cho cổ đông Nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1063/VPCP\_KTTH ngày 13/02/2010 của Văn Phòng Chính phủ.

Căn cứ Công văn số 3956/NHNN-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2009 về việc giới thiệu cán bộ tham gia HĐQT, BKS Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam bao gồm:

- Ông Phạm Huy Hùng - đại diện 40%
- Ông Phạm Xuân Lập - đại diện 30%
- Bà Phạm Thị Hoàng Tâm - đại diện 18,90%

**4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có**

**4.3. Cơ cấu cổ đông của Vietinbank tại thời điểm 12/3/2010**

**Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 12/3/2010**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
<b>Phân theo tính chất sở hữu</b>				
1	Cổ đông Nhà nước	1.004.085.500	10.040.855.000.000	89,23%
2	Nhà đầu tư chiến lược	20.324.580	203.245.800.000	1,81%
3	Cổ đông bên ngoài	100.887.200	1.008.872.000.000	8,96%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.125.297.280</b>	<b>11.252.972.800.000</b>	<b>100,00%</b>
<b>Phân theo loại hình sở hữu</b>				
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>1.089.457.034</b>	<b>10.894.570.340.000</b>	<b>96,82%</b>
a	Trong nước	1.077.393.598	10.773.935.980.000	95,74%
b	Nước ngoài	12.063.436	120.634.360.000	1,07%
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>35.840.246</b>	<b>358.402.460.000</b>	<b>3,18%</b>
a	Trong nước	35.548.996	355.489.960.000	3,16%
b	Nước ngoài	291.250	2.912.500.000	0,03%
	<b>Tổng</b>	<b>1.125.297.280</b>	<b>11.252.972.800.000</b>	<b>100,00%</b>
<b>Phân theo loại cổ phiếu</b>				

1	Cổ phiếu của Nhà nước	1.004.085.500	10.040.855.000.000	89,23%
2	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Nhà đầu tư chiến lược	20.324.580	203.245.800.000	1,81%
3	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Công đoàn	26.800.000	268.000.000.000	2,38%
4	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của CĐ nội bộ	202.318	2.023.180.000	0,02%
5	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	73.884.882	738.848.820.000	6,57%
	<b>Tổng</b>	<b>1.125.297.280</b>	<b>11.252.972.800.000</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: VietinBank)

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

**5.1. Cổ đông lớn**

Nhà nước là cổ đông lớn của VietinBank nắm giữ 89, 23% vốn điều lệ.

**5.2. Công ty con và công ty liên doanh**

Bên cạnh các hoạt động chính của một ngân hàng thương mại, NHCT còn thực hiện các hoạt động khác như đầu tư vào các công ty con và Công ty liên doanh, liên kết. Đến 31/12/2008, NHCT đã góp vốn vào 3 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 100% vốn điều lệ, 1 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 75,6% vốn điều lệ và 1 Ngân hàng liên doanh với tỷ lệ 50%

**Bảng 3: Danh sách công ty con và công ty liên doanh của Vietinbank tại thời điểm 31/12/2009**

STT	Tên	Sở hữu của Vietinbank (%)	Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH một thành viên Cho thuê tài chính NH TMCP CT VN	100	500 tỷ đồng
2	Công ty CP Chứng khoán NHCTVN	75,6	790 tỷ đồng
3	Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP CT VN	100	30 tỷ đồng

STT	Tên	Sở hữu của Vietinbank (%)	Vốn điều lệ
4	Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm NH TMCP CT VN	100	300 tỷ đồng
5	Ngân hàng Liên doanh Indovina	50	125 triệu USD

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của VietinBank*

**Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương:**

- Giới thiệu chung: Là công ty con của Ngân hàng Công thương Việt nam, hạch toán độc lập, thành lập theo quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 ngày 26/01/1998 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 112446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28/03/1998.

Từ tháng 8 năm 2009, Công ty được VietinBank chấp thuận và NHNN chuẩn y chuyển sang mô hình Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đến tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 500 tỷ đồng.

- Trụ sở chính: 18 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà nội
- Điện thoại: 04-38233045 Fax 04-3733579
- Ngành nghề kinh doanh: cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản cho thuê theo mục đích kinh doanh hợp pháp; Tư vấn, nhận bảo lãnh khách hàng về những dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính, thực hiện các nghiệp vụ khác khi được NHNN và các cơ quan chức năng cho phép.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

- Giới thiệu chung: được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 01 tháng 9 năm 2000 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 07/2000/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2000 và Giấy phép điều chỉnh số 156/UBCK-GP ngày 10/10/2008 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. Tháng 4 năm 2009 Công ty thực hiện thành công đợt IPO và chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần. Ngày 31/7/2010 cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở GDCK Thành phố Hà Nội với mã giao dịch là CTS. Vốn điều lệ sau khi chuyển đổi là 789,934 tỷ đồng, VietinBank nắm 75,6% vốn điều lệ.
- Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 04-39741763 Fax 04-39741760

- Hoạt động chính: các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính và lưu ký chứng khoán.

**Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam**

- Giới thiệu chung: hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 416000331 ngày 09/10/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Trụ sở chính: 76 Nguyễn Văn Cừ, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08-39203982 Fax: 08-38367093
- Ngành nghề kinh doanh: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất, xử lý các tài sản đảm bảo nợ vay, cơ cấu lại nợ tồn đọng, mua bán nợ tồn đọng....

**Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: tiền thân là Công ty liên doanh Bảo Hiểm Châu Á - Ngân Hàng Công Thương, một liên doanh giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty TNHH Tokyo Marine Insurance Singapore với tỷ lệ góp vốn 50/50, được thành lập theo Giấy phép số 21/GP/KDBH ngày 21/12/2002. Ngày 17/12/2008, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC5/KDBH cho phép chuyển đổi Công ty liên doanh Bảo hiểm Châu Á - Ngân hàng Công thương thành Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam , trên cơ sở Ngân hàng Công thương Việt Nam mua lại toàn bộ vốn góp của phía đối tác nước ngoài trong Công ty liên doanh để trở thành Công ty trực thuộc hạch toán độc lập 100% vốn của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Trụ sở chính: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 04-39425650 Fax: 04-39425646
- Lĩnh vực kinh doanh chính: các loại sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ theo quy định của pháp luật, kinh doanh tái bảo hiểm liên quan đến các loại nghiệp vụ bảo hiểm nói trên, quản lý các quỹ đầu tư, góp vốn, mua cổ phần...

**Ngân hàng liên doanh Indovina**

- Giới thiệu chung: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina (IVB) là Ngân hàng liên doanh đầu tiên của Việt Nam được thành lập ngày 21 tháng 11 năm 1990 theo Giấy phép của Ủy Ban Nhà Nước về hợp tác và đầu tư số 135/GP sau được thay bằng Giấy phép số 08/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 10 năm 1992. Các bên liên doanh là Ngân hàng Công thương Việt Nam và Ngân hàng

Cathay United (CUB) của Đài Loan, là một thành viên hoàn toàn trực thuộc của Tập đoàn Tài chính Cathay - tập đoàn tài chính lớn nhất Đài Loan

- Trụ sở chính: 46-48-50 Phạm Hồng Thái, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08-3822 4995 Fax: 08-3823 0131
- Lĩnh vực hoạt động chính: cung cấp các dịch vụ ngân hàng như tiền gửi, cho vay, dịch vụ thẻ, L/C, chuyển tiền...

## **6. Hoạt động kinh doanh**

### **6.1. Hoạt động kinh doanh chính**

#### **6.1.1. Tình hình huy động vốn**

Trong giai đoạn 2004 – 2008, thị trường tiền tệ đã có nhiều biến động về lãi suất trong nước và quốc tế, lạm phát và cạnh tranh giữa các TCTD trong nước về huy động vốn đã ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của các NHTM nói chung và Vietinbank nói riêng. Đến năm 2009 và đầu năm 2010, thị trường đã tương đối bình ổn, tuy nhiên những biến động trong năm 2008 vẫn tác động tiêu cực đến thị trường. Mặc dù môi trường đầy thách thức, VietinBank đã thành công trong việc tăng cường các hoạt động huy động vốn bằng cách áp dụng chiến lược huy động vốn với quan điểm đảm bảo hoạt động kinh doanh song song với việc tuân thủ các quy định hiện hành. Các chiến lược huy động vốn của VietinBank như sau:

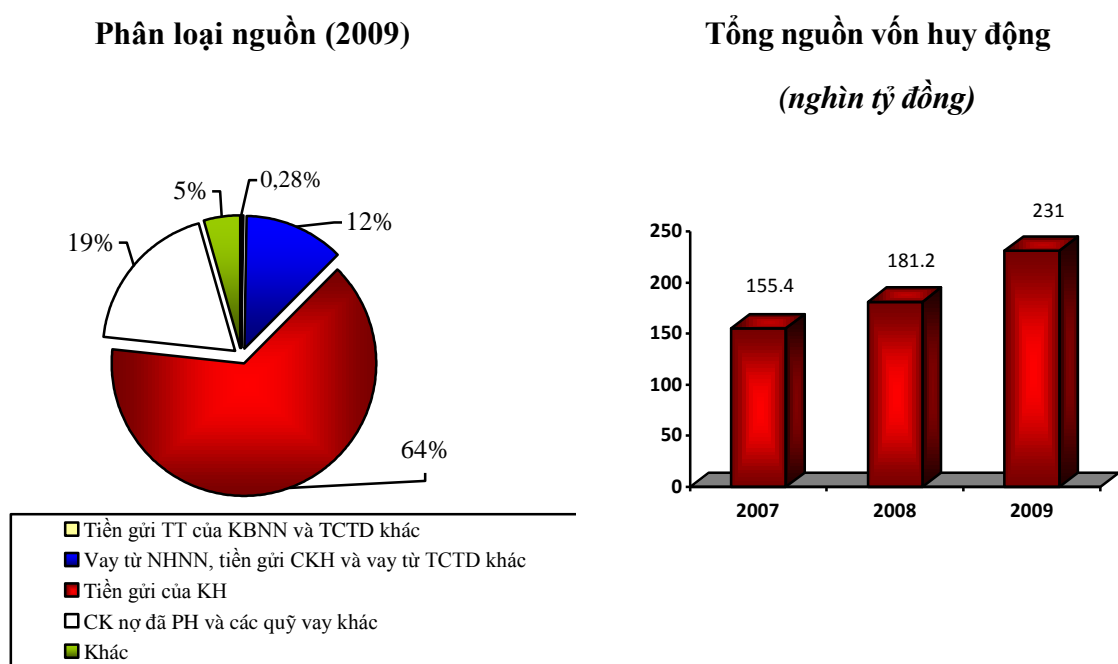
- Phát triển các sản phẩm mới với sự hỗ trợ của các hoạt động khuyến mại có trọng điểm và tích cực quảng bá sản phẩm dịch vụ tới các cá nhân.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy định về tiền gửi tiết kiệm, về phát hành giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng.
- Áp dụng các sản phẩm huy động mới trong thị trường nội địa và quốc tế, đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi, linh hoạt về thời hạn và lãi suất huy động như sản phẩm tiết kiệm rút gốc linh hoạt, sản phẩm tiết kiệm lãi suất bậc thang theo thời gian và theo số dư tiền gửi, tiết kiệm lãi suất thả nổi, phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi v.v., phối hợp với các bộ phận chức năng khác để phát triển sản phẩm thẻ nhằm tăng cường khả năng huy động vốn.
- Áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt dựa trên yếu tố cung - cầu, cũng như lãi suất khác nhau giữa các chi nhánh của Ngân hàng. Vietinbank có hệ thống mạng lưới rộng khắp trên toàn quốc nên có thể khai thác tối đa lợi thế của từng vùng, miền để huy động và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.

Nguồn vốn huy động của Ngân hàng bao gồm:

- Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước và các TCTD khác;

- Vay từ NHNN;
- Tiền gửi có kỳ hạn và vay từ các TCTD khác;
- Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng;
- Các nguồn vốn vay khác.

**Hình 7: Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2007-2009**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2007, 2008, 2009 VietinBank*

**Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của VietinBank**

Chỉ tiêu	2008		2009		Quý II/2010	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
Tiền gửi thanh toán của KBNN và các TCTD	1.968.678	1,13	642.941	0,29	1.842.049	0,82
Vay từ NHNN, tiền gửi CKH và tiền vay từ các TCTD khác	7.625.709	4,36	28.087.905	12,73	25.069.284	11,14
Tiền gửi của khách hàng	121.634.466	69,54	148.530.242	67,33	155.131.205	68,97
Chứng khoán nợ đã phát hành và các quỹ vay khác	43.676.827	24,97	43.330.350	19,64	42.878.876	19,06
<b>Tổng</b>	<b>174.905.680</b>	<b>100</b>	<b>220.591.438</b>	<b>100</b>	<b>224.921.414</b>	<b>100</b>

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009 và Quý II/1010 của VietinBank)*



(\*): Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2010 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm cập nhật vào Bản cáo bạch là báo cáo chưa soát xét.

**Vay Ngân hàng Nhà nước:**

Chi tiết các khoản vay NHNNVN như sau:

**Bảng 5: Vay Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam**

Chỉ tiêu	2008		2009		Quý II/2010 (*)	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
Vay hỗ trợ các khoản nợ khoanh cho DNNN bằng VND	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Vay hỗ trợ nạn nhân bị thiên tai	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Vay hỗ trợ các DNNN	43.547	41,9	16.879	0,13	0	0,00
Vay thực hiện dự án Hiện đại hóa ngân hàng bằng ngoại tệ	60.444	58,1	55.359	0,42	0	0,00
Vay thương mại bằng VND	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Vay theo hồ sơ tín dụng	0	0,00	0	0,00	25.000.000	99,72
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các GTCG	0	0,00	13.003.510	99,45	0	0
Vay khác	0	0,00	0		3.413	0,014
Nợ trong hạn (Vay NHNN bằng ngoại tệ)	0	0,00	0		52.818	0,21
Nợ quá hạn	0	0,00	0	0,00	13.052	0,05
<b>Tổng</b>	<b>103.991</b>	<b>100</b>	<b>13.075.748</b>	<b>100</b>	<b>25.069.284</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009 và Quý II/2010 của VietinBank)*

Vay từ NHNN để hỗ trợ các khoản nợ khoanh do tình trạng “treo” của các khoản nợ trước đây cấp cho các DNNN theo chỉ định của Chính Phủ. Các khoản vay này không chịu lãi suất và có thời hạn 5 năm, có thể được gia hạn khi đáo hạn tùy thuộc vào tình hình thu nợ thực tế. Từ năm 2006 VietinBank đã giải quyết xong các khoản nợ này.

Các khoản vay đặc biệt là các khoản vay từ NHNN nhằm hỗ trợ người dân bị thiên tai trong năm 1997 và 1999 theo hướng dẫn của Chính phủ. Các khoản vay này chịu lãi suất 0% đến 2,4%/năm.

Vay để cho vay lại nhằm giải quyết các khoản nợ của các DNNN là số tiền nhận được từ NHNN, cho doanh nghiệp vay lại nhằm giải quyết các khoản nợ giữa các DNNN theo chương trình thanh toán nợ giữa các DNNN của Chính phủ. Các khoản vay này chịu lãi suất 0%/năm.

Vay bằng ngoại tệ để thực hiện Dự án Hiện đại hoá Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán là các khoản vay lại NHNN từ vốn vay World Bank để thanh toán cho nhà cung cấp Hệ

thống CNTT của VietinBank. Các khoản vay này có thời hạn 20 năm và chịu lãi suất từ 2,86% đến 3,89%/năm (lãi suất LIBOR 6 tháng + chênh lệch 1,5% + phí dịch vụ 0,2%).

Trong các khoản vay khác năm 2008 gồm các khoản vay khác chiếm tỷ trọng nhỏ như: vay thực hiện dự án hiện đại hóa ngân hàng và vay hỗ trợ các DNNN.

Nhằm giảm bớt áp lực về tình hình thanh khoản tại thời điểm cuối năm, Ngân hàng tiến hành vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 8%/năm.

(\*): Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2010 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm cập nhật vào Bản cáo bạch là báo cáo chưa soát xét.

### Tiền gửi của khách hàng

Tính đến thời điểm 31/12/2008, tiền gửi của khách hàng là 121.634 tỷ đồng tăng 7,93% so với 112.693 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2007, trong đó có sự đóng góp lớn của tăng trưởng tiền gửi có kỳ hạn bằng cả VND và ngoại tệ. Đến năm 2009, tốc độ tăng trưởng tiền gửi của khách hàng vẫn tiếp tục phát triển, tăng 22,11% so với năm 2008 đạt 148.530 tỷ đồng.

**Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng**

Chỉ tiêu	2008		2009		Quý II/2010 (*)	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>25.714.122</b>	<b>21,14</b>	<b>35.584.000</b>	<b>23,96</b>	<b>31.966.515</b>	<b>20,61</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	22.819.421	18,76	31.911.986	21,49	27.723.502	17,87
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	185.771	0,15	185.004	0,12	n/a	n/a
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.689.947	2,21	3.470.021	2,34	4.243.012	2,74
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	18.983	0,02	16.989	0,01	n/a	n/a
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>92.359.117</b>	<b>75,93</b>	<b>105.915.064</b>	<b>71,31</b>	<b>116.702.692</b>	<b>75,23</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	22.866.272	18,80	28.710.857	19,33	99.775.874	64,32
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	49.513.818	40,71	56.101.145	37,77	n/a	n/a
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.280.258	5,16	7.112.136	4,79	16.926.817	10,91
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	13.698.769	11,26	13.990.926	9,42	n/a	n/a
<b>Chứng chỉ tiền gửi (CCTG)*</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>1.140.121</b>	<b>0,77</b>	<b>1.224.786</b>	<b>0,79</b>
CCTG bằng VND	0	0,00	605.068	0,41	n/a	n/a
CCTG bằng ngoại tệ	0	0,00	535.053	0,36	n/a	n/a
<b>Tiền ký quỹ</b>	<b>2.824.594</b>	<b>2,32</b>	<b>4.952.377</b>	<b>3,33</b>	<b>5.237.211</b>	<b>3,38</b>
Bằng VND	2.085.590	1,71	4.055.112	2,73	n/a	n/a
Bằng ngoại tệ	739.004	0,61	897.265	0,60	n/a	n/a

Chỉ tiêu	2008		2009		Quý II/2010 (*)	
	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%	(triệu VND)	%
<b>Chuyển tiền phải trả</b>	<b>99.467</b>	<b>0,08</b>	<b>155.115</b>	<b>0,10</b>	-	-
Bằng VND	60.930	0,05	71.968	0,05	-	-
Bằng ngoại tệ	38.537	0,03	83.147	0,06	-	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>637.166</b>	<b>0,52</b>	<b>783.565</b>	<b>0,53</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>121.634.466</b>	<b>100</b>	<b>148.530.242</b>	<b>100</b>	<b>155.131.205</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009 và Quý II/2010 của VietinBank

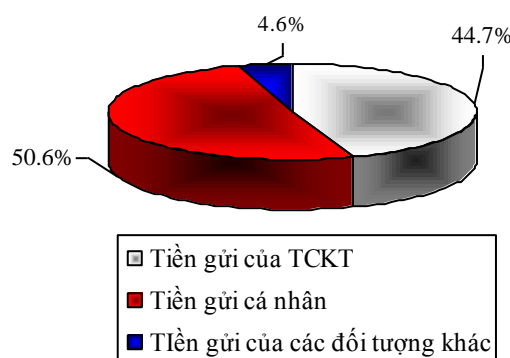
Ghi chú: (\*) năm 2009: Tiền gửi vốn chuyên dùng

(\*): Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2010 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm cập nhật vào Bản cáo bạch là báo cáo chưa soát xét.

Tiền gửi của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất 50,64% tổng lượng tiền gửi. Đứng thứ 2 là tiền gửi của các tổ chức kinh tế là 44,73%

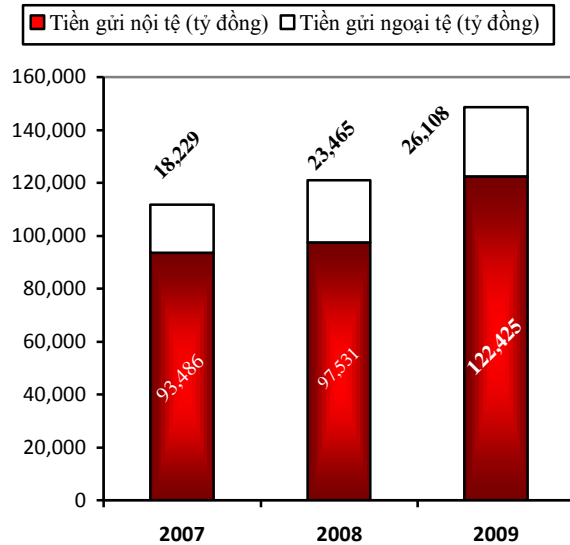
Tỷ lệ tiền gửi bằng VND ngày càng tăng lên (đặc biệt là tiền gửi có kỳ hạn) do NHCT có chiến lược huy động tiền gửi bằng đồng nội tệ. NHCT là ngân hàng trong nhóm dẫn đầu về nguồn tiền gửi nội tệ.

**Hình 8: Cơ cấu tiền gửi năm 2009 và giai đoạn 2007-2009**



Cùng với vai trò ngày càng quan trọng của tiền gửi bằng đồng nội tệ, NHCT đã mở rộng cơ cấu kỳ hạn của tiền gửi để đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn với mức lãi suất cao hơn thay vì tiền gửi không kỳ hạn.

Theo các quy định của NHNN, NHCT phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới hình thức dự trữ bắt buộc. VietinBank đã tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN về tính toán và duy trì dự trữ bắt buộc tại NHNN.



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất VietinBank 2007-2009

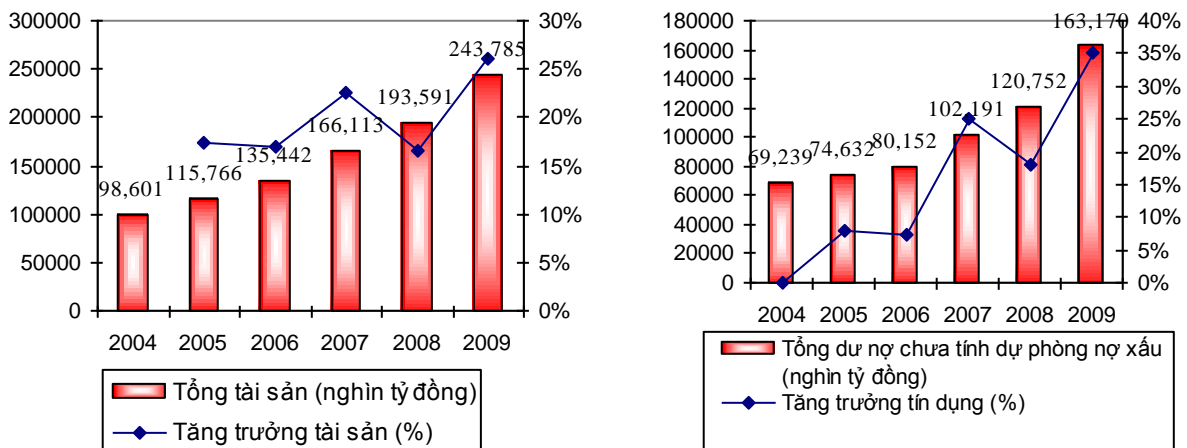
Để tăng cường bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, VietinBank đã tham gia mua bảo hiểm tiền gửi tại Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam - Một tổ chức tài chính trực thuộc Chính phủ, đảm bảo bất kỳ khi nào VietinBank mất khả năng thanh toán, tiền gửi của người gửi tiền vẫn được chi trả

**6.1.2. Hoạt động tín dụng**

*a. Quy mô hoạt động tín dụng*

Cùng với sự tăng trưởng mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong thời gian gần đây, VietinBank đạt tốc độ tăng trưởng mạnh về tài sản. Từ năm 2003 đến năm 2008, tổng tài sản của VietinBank đã tăng hơn 2 lần, từ 94.979 tỷ đồng lên khoảng 193.590 tỷ đồng. Sự tăng trưởng này chủ yếu là do tăng dư nợ cho vay từ 61.752 tỷ đồng năm 2003 lên 120.752 tỷ đồng năm 2008. Đến năm 2009, Tổng Tài sản của VietinBank đạt trên 243 ngàn tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt trên 163 ngàn tỷ đồng, tăng 35% so với năm 2008

**Hình 9: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay**



Nguồn: Vietinbank

Kể từ khi thành lập, hoạt động cho vay là phần trọng tâm trong chiến lược kinh doanh của VietinBank. Tuy nhiên, kể từ năm 2005 tốc độ tăng trưởng hàng năm của tổng tài sản và dư nợ cho vay giảm. Tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của VietinBank giảm do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do VietinBank có chiến lược chuyển dịch cơ cấu hoạt động trực tiếp sang kinh doanh dịch vụ - phù hợp với thông lệ quốc tế và hoạt động của ngân hàng hiện đại.

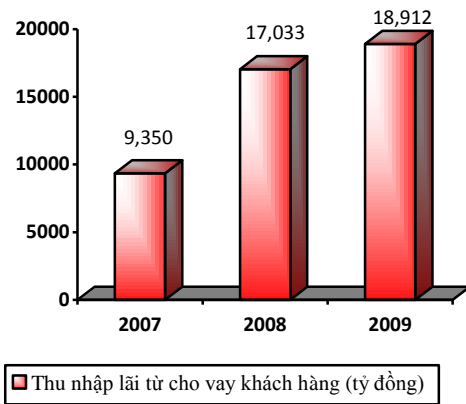
Mặt khác, VietinBank đã nhận thức rõ việc quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay và điều hành hoạt động tín dụng sát hơn với các quy định quốc tế cũng như các quy định của NHNN về quản trị rủi ro theo Basel II về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, đảm bảo tỷ lệ an toàn trong hoạt động. VietinBank đã nỗ lực xây dựng các hệ thống chính sách, quản lý và theo dõi, đảm bảo cho các khoản vay được kiểm soát chặt chẽ, an toàn và hiệu quả với chiến lược là củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng. VietinBank đã hoàn thành vượt mức đề án xử lý đã được Chính phủ phê duyệt nên tốc độ tín dụng tăng chậm hơn tốc độ tăng trưởng tổng tài sản.

Những năm gần đây, tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản có sinh lời giảm, trong khi các hoạt động dịch vụ của ngân hàng như: hoạt động kinh doanh nguồn vốn, chuyển tiền kiều hối, bảo lãnh và tái bảo lãnh, tài trợ thương mại v.v. tăng mạnh. Trong tương lai, các hoạt động tài chính ngoài cho vay như tiền gửi và đầu tư dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hoá danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro cũng như đảm bảo tính thanh khoản của VietinBank.

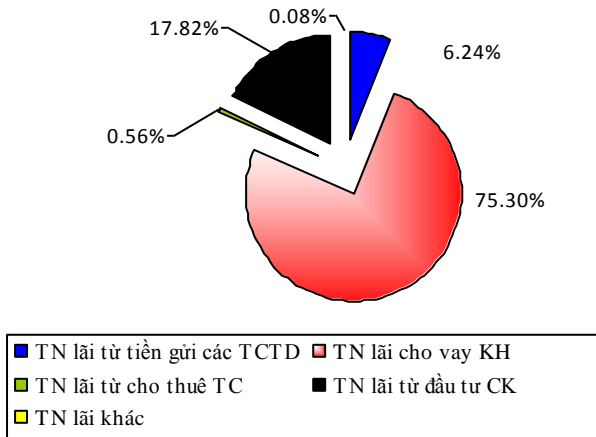
*b. Hiệu quả của hoạt động tín dụng*

Thu nhập lãi và thu nhập lãi thuần từ hoạt động cho vay tăng trưởng mạnh qua các năm:

**Hình 10: Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng và các khoản thu nhập tương tự thời kỳ 2007-2009**



**Hình 11: Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2009**

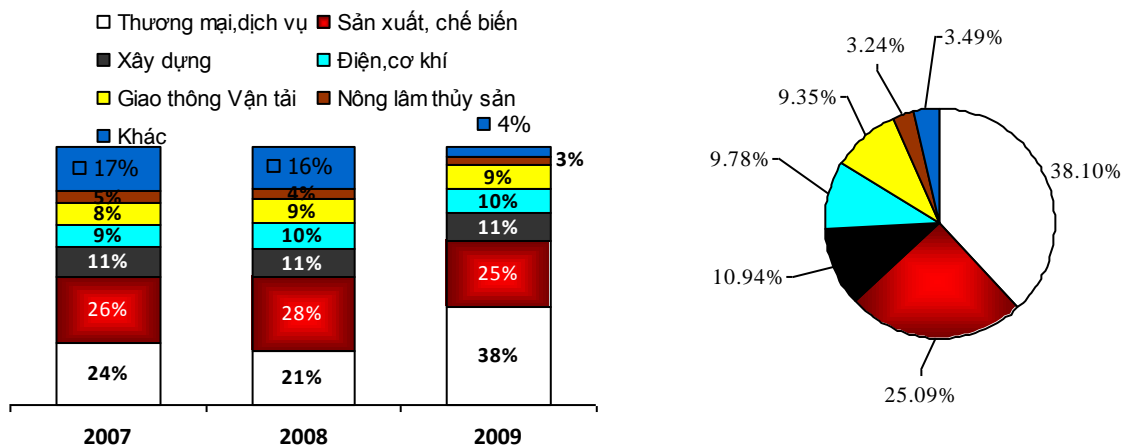


Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2007-2009 VietinBank

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ hoạt động cho vay trong năm 2009 đạt mức 18.912 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2008.

c. Cơ cấu dư nợ

**Hình 12: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế**  
**Cơ cấu dư nợ giai đoạn 2007-2009**      **Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế 2009**



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2009 VietinBank

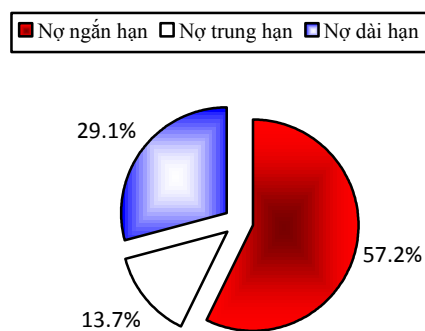
Sự phát triển của danh mục tín dụng theo ngành hàng phản ánh tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước. Dư nợ tín dụng của VietinBank đối với các ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 7% tổng dư nợ tín dụng năm 2004 và giảm xuống còn 3,25% năm 2009. Trong năm 2009, dư nợ tín dụng của ngành thương mại và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 38,17%, tiếp đến là ngành công nghiệp chế biến và sản xuất chiếm tỷ trọng 25,14%. Xu thế này phù hợp với chiến lược tín dụng của VietinBank giai đoạn sắp tới -

tập trung vào các ngành đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam đó là: Thương mại, Sản xuất và Chế biến, Xây dựng, Điện, Năng lượng và Dầu khí, Viễn thông.

Ngoài ra, hầu hết các chi nhánh của VietinBank được đặt tại trung tâm các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu đô thị lớn nên thế mạnh của Ngân hàng là tập trung tín dụng vào các ngành hàng này. Chiến lược tín dụng của VietinBank tới năm 2010 là hạn chế tín dụng đối với các ngành đã phát triển đến giai đoạn bão hoà và kém cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập của Việt Nam.

**Hình 13: Cơ cấu dư nợ năm 2009 theo thời gian**

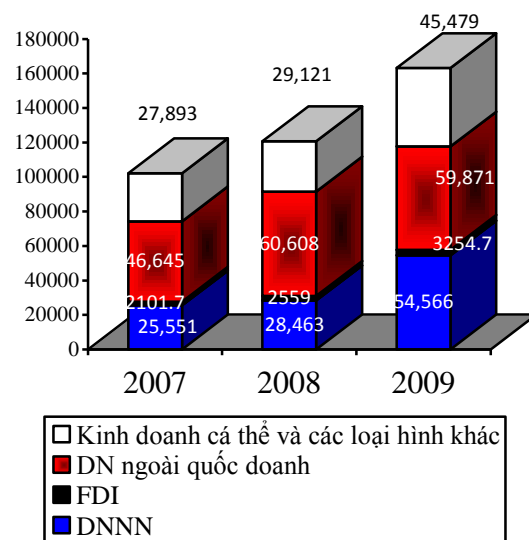
Trong năm 2009, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nợ của Vietinbank với 57,2%, thấp hơn so với tỷ trọng 58,1% tổng dư nợ trong năm 2008.



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2009 VietinBank*

Đa dạng hoá danh mục tín dụng theo thành phần kinh tế cũng đã được chú trọng. Năm 2004, khách hàng truyền thống của VietinBank chủ yếu là các DNNN (chiếm khoảng 45% dư nợ tín dụng) gồm nhiều doanh nghiệp Nhà nước địa phương. Tuy nhiên, năm 2005, các khoản tín dụng DNNN giảm còn 38%, tín dụng đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty tư nhân tăng lên 46%. Xu thế này tiếp tục phát triển trong năm 2009, trong đó cho vay DNNN chỉ chiếm 33,40% tổng dư nợ, cá nhân và các loại khác chiếm 27,9%. Chiếm khoảng 38,70%, phần còn lại là

**Hình 14: Cơ cấu dư nợ thời kỳ 2007 - 2009 theo loại hình DN**



doanh nghiệp ngoài quốc doanh và FDI.

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2007 - 2009 VietinBank*

Yếu tố chính dẫn đến sự thay đổi này là do chiến lược tín dụng của VietinBank có sự thay đổi cho phù hợp với diễn biến chung của nền kinh tế, nhằm tăng hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro.

**Tín dụng doanh nghiệp**

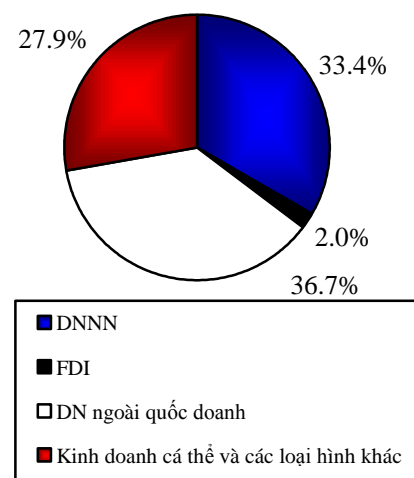
Hoạt động kinh doanh chính của VietinBank là cung cấp tín dụng cho khách hàng là doanh nghiệp. Từ hoạt động tín dụng truyền thống là cho vay công nghiệp, thương nghiệp, VietinBank đã mở rộng sản phẩm tín dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ và đầu tư phát triển. VietinBank không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn có các dự án trọng điểm, an toàn, có hiệu quả và có khả năng trả nợ tốt, mặt khác để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, VietinBank cũng rất chú trọng phát triển sản phẩm tín dụng đối với khối các DNVVN.

Các khách hàng lớn của VietinBank bao gồm các Tập đoàn và Tổng Công ty như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng công ty Thép, Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Vinaconex, Tổng công ty Xăng dầu (Petrolimex), Tổng công ty Bru chính viễn thông Việt Nam v.v.

Các dự án tín dụng lớn VietinBank đã ký kết trong đầu năm 2009 bao gồm: Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Khuất 200 triệu USD; Dự án tổ hợp Boxit nhôm Lâm Đồng trị giá 72 triệu USD; Dự án cao ốc Bitexco TP HCM trị giá 15,6 triệu USD (đồng tài trợ với Ngân hàng Đầu tư và phát triển; Dự án Nhiệt điện Quảng Ninh 2 trị giá 60 triệu USD; Dự án Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng trị giá 84 triệu USD.

Dư nợ cho vay doanh nghiệp NN hiện chiếm 33,40% tổng dư nợ, cá nhân và

**Hình 15: Cơ cấu dư nợ 2009 theo loại hình DN**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2009 VietinBank*



các loại hình khác chiếm khoảng 27,9%, phần còn lại là doanh nghiệp tư nhân, FDI, kinh tế tập thể.

Với định hướng phát triển nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngay từ năm 2003, VietinBank đã thành lập bộ phận chuyên trách phục vụ khách hàng DNVVN xuyên suốt từ Trụ sở chính tới các chi nhánh. Đồng thời VietinBank cũng rất chú trọng việc phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với các DNVVN. Ngoài các sản phẩm dịch vụ áp dụng với mọi đối tượng khách hàng, bằng nguồn vốn tự huy động hoặc kết hợp với các nguồn vay quốc tế, VietinBank đã thiết kế tới 9 chương trình tín dụng cho DNVVN với dư nợ của các Chương trình này khoảng 1.100 tỷ đồng.

VietinBank thực hiện chính sách không phân biệt đối xử đối với mọi qui mô doanh nghiệp, loại hình, thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, để thu hút và giữ vững các khách hàng tốt, NHCT đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ phi tài chính như cung cấp thông tin, tư vấn, đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo, hỗ trợ khách hàng tham gia các sự kiện v.v. miễn phí cho DNVVN. Ngân hàng cũng đã khai thác nhiều nguồn vốn ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước như SMEDF, JBIC, KFW..., phối kết hợp với nguồn vốn thương mại của VietinBank thiết kế nhiều sản phẩm tín dụng dành riêng cho DNVVN. VietinBank là NHTM duy nhất được lựa chọn quản lý 2 quỹ bảo lãnh tín dụng dành cho DNVVN và là Ngân hàng có Website riêng phục vụ đối tượng khách hàng này (<http://www.vietinbank.vn/sme>). Với nỗ lực phát triển khách hàng DNVVN, VietinBank được Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước, Cục Phát triển DNVVN - Bộ KHĐT, các đối tác các Tổ chức trong và ngoài nước như Bộ Tài chính, NHNN, Hiệp hội DNVVN, các đối tác v.v. ghi nhận là tổ chức luôn đi tiên phong trong phục vụ các DNVVN. VietinBank hiện là đại diện Việt Nam duy nhất ký kết thoả thuận với các tổ chức tài chính APEC vì sự phát triển của DNVVN, đồng thời tham gia Ban chấp hành và ký Thoả thuận hợp tác với các Hiệp hội DNVVN Việt Nam, Hiệp hội các DNVVN Công thương để tạo tiền đề phát triển nhóm khách hàng này.

Tín dụng doanh nghiệp của VietinBank chủ yếu là bằng VND, phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp và nền kinh tế cũng như chính sách quản lý ngoại hối của NHNN. VietinBank đã cung cấp các sản phẩm tín dụng đa dạng cho doanh nghiệp bao gồm:

- **Cho vay từng lần:** VietinBank áp dụng phương thức cho vay từng lần cho mọi khách hàng có nhu cầu vay vốn khi khách hàng đáp ứng được các điều kiện vay vốn theo quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của Ngân hàng. Căn cứ vào kế hoạch

sản xuất kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng v.v. khách hàng sẽ được cấp cho một khoản tín dụng cụ thể, trong một khoảng thời gian nhất định.

- **Cho vay theo hạn mức tín dụng:** phương thức này được áp dụng đối với khách hàng vay có nhu cầu vay vốn thường xuyên, có uy tín trong quan hệ thanh toán, tín dụng với Ngân hàng, sản xuất kinh doanh ổn định, mặt hàng đa dạng. Căn cứ vào phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng, tài sản bảo đảm tiền vay, NHCT và khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.
- **Cho vay theo dự án đầu tư:** VietinBank cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng:** Phương thức cho vay này áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu dự phòng nguồn vốn tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo khả năng chủ động về tài chính khi thực hiện sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đời sống. Trong thời hạn hiệu lực rút vốn của hợp đồng khách hàng phải trả phí cam kết theo mức quy định của VietinBank.
- **Cho vay hợp vốn (đồng tài trợ):** VietinBank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, VietinBank hoặc một tổ chức tín dụng khác làm đầu mỗi dàn xếp. Cho vay hợp vốn được thực hiện theo quy chế đồng tài trợ của NHNN và hướng dẫn của VietinBank.

Ngoài ra, tùy theo nhu cầu của khách hàng và thực tế phát sinh, VietinBank sẽ xem xét cho vay theo các phương thức khác phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng thời kỳ và không trái với quy định của pháp luật như cho vay trả góp, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, vay VND lãi suất USD, vay bảo đảm bằng bộ chứng từ xuất khẩu, vay thấu chi, nhận ủy thác cho vay, các sản phẩm bảo lãnh, chiết khấu, đồng tài trợ v.v.

### **Tín dụng cá nhân**

VietinBank cấp cho khách hàng cá nhân nhiều loại sản phẩm tín dụng, bao gồm chủ yếu hai nhóm sản phẩm:

- **Cho vay sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển:** bao gồm cho vay cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, xây dựng thương mại, đầu tư, dài hạn, cho vay nông nghiệp và phát triển nông thôn ...

- **Cho vay tiêu dùng:** mua nhà, xây dựng và sửa chữa nhà, mua ô tô, du học, chữa bệnh...

Các phương thức cho vay cũng rất linh hoạt, bao gồm cho vay từng lần, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay trả góp v.v. Khách hàng chủ yếu là những người tiêu dùng có mức sống khá và CBCNV có mức thu nhập cao.

Theo số liệu thống kê 31/12/2009 của VietinBank, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân chiếm khoảng 21,14% trong tổng dư nợ. Trong giai đoạn hiện nay, đây chưa phải lĩnh vực kinh doanh trọng tâm trong chiến lược tín dụng của VietinBank.

**Chính sách tín dụng**

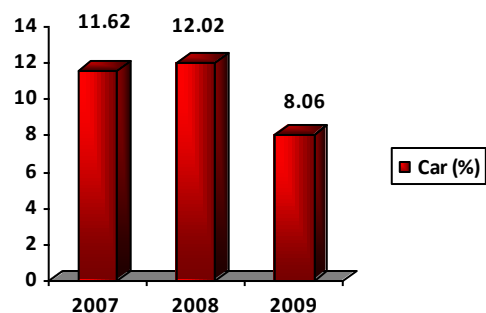
Chính sách tín dụng của VietinBank thực hiện theo cơ chế thị trường, tín dụng trên cơ sở an toàn, hiệu quả, xếp hạng khách hàng, không phân biệt thành phần kinh tế. Chính sách tín dụng của VietinBank phù hợp với các quy định của pháp luật và từng bước hướng tới chuẩn mực quốc tế, dẫn dắt hoạt động tín dụng theo mục tiêu, định hướng đặt ra của VietinBank và dành ưu đãi về giới hạn tín dụng, lãi suất cho các khách hàng chiến lược.

VietinBank đã hoàn thiện, ban hành lại và ban hành mới đầy đủ hệ thống các văn bản, cơ chế nghiệp vụ tín dụng, qui định cụ thể hóa các điều kiện lựa chọn khách hàng, cấp tín dụng, quy trình cho vay bảo lãnh, quy trình nhận và xử lý tài sản đảm bảo, triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001. Hiện nay VietinBank đã có bộ phận chuyên trách soạn thảo và ban hành các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa để đảm bảo ngày càng phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường.

*d. Mức độ an toàn vốn*

Tỷ lệ an toàn vốn (Capital Adequacy Ratio – CAR) là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh năng lực tài chính của các ngân hàng. Chỉ tiêu này được dùng để xác định khả năng của ngân hàng trong việc thanh toán các khoản nợ có thời hạn và đối mặt với các rủi ro khác như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành.

**Hình 16: Tỷ lệ an toàn vốn 2007-2009**



*Nguồn: VietinBank*

$$CAR = [(Vốn cấp I + Vốn cấp II) / (Tài sản đã điều chỉnh rủi ro)] * 100\%$$

Đây cũng là một trong 5 tiêu chuẩn quan trọng nhất mà các ngân hàng thương mại phải đáp ứng để đảm bảo an toàn hoạt động, theo định hướng quản lý rủi ro của Ngân hàng

Nhà nước theo từng thời kỳ (4 tiêu chuẩn còn lại bao gồm yêu cầu vốn tự có, tỷ lệ khả năng chi trả (thanh khoản), giới hạn cho vay và bảo lãnh thương mại, giới hạn sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn).

Theo Điều 4 Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN, tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phải duy trì tỷ lệ tối thiểu 8% giữa vốn tự có so với tổng tài sản có rủi ro – theo đúng tiêu chuẩn của Basel I do Ủy ban giám sát các ngân hàng Basel ban hành. Tuy nhiên, trên thế giới, việc áp dụng hệ số an toàn vốn tối thiểu hiện phổ biến theo tiêu chuẩn của Basel II với mức 12%.

*e. Nợ khó đòi và rủi ro lãi suất*

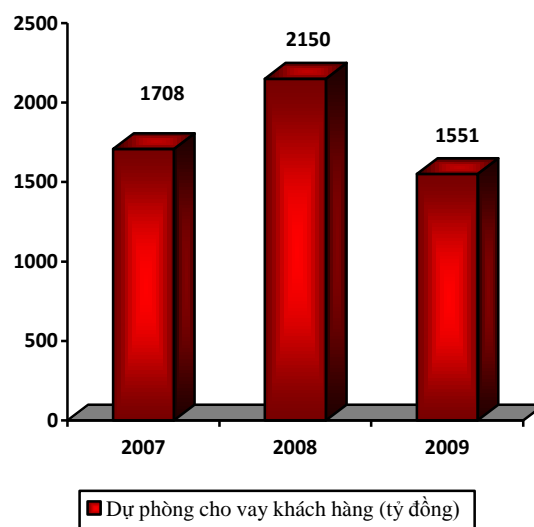
Việc phân loại các khoản nợ ở VietinBank tuân theo quy định của NHNN, theo đó các khoản nợ được xếp vào 5 nhóm: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, và Nợ có khả năng mất vốn. Việc phân loại nợ theo khách hàng, mỗi khách hàng chỉ thuộc duy nhất một nhóm nợ (bao gồm cả các cam kết ngoại bảng) và tất cả các khoản nợ đều phải phân loại vào nhóm của khoản nợ có trạng thái nợ xấu nhất. Nguyên tắc trích dự phòng rủi ro là trừ giá trị tài sản đảm bảo.

Hàng ngày, hệ thống tín dụng sẽ nhắc nhở các cán bộ tín dụng về các khoản nợ đến hạn các khoản nợ sắp đến hạn và các khoản nợ quá hạn. Cán bộ tín dụng sẽ liên

hệ yêu cầu khách hàng thanh toán phần gốc và lãi đúng hạn cũng như đôn đốc khách hàng trả các khoản nợ quá hạn. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ, hệ thống sẽ tự động chuyển khoản nợ sang loại thấp hơn theo quy định.

Các khoản nợ thuộc nhóm Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là các khoản nợ xấu (NPL), Phòng Quản lý nợ có vấn đề quản lý, thường xuyên theo dõi, đề xuất trình Ban lãnh đạo các biện pháp xử lý thu hồi nợ.

**Hình 17: Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2007-2009**



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2007-2009

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 bổ sung sửa đổi Quyết định 493, VietinBank thực hiện trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho từng nhóm nợ như sau, trong đó dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể, và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

**Bảng 7: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam**

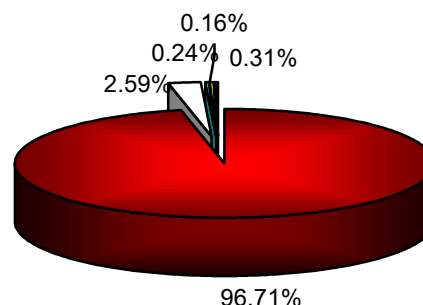
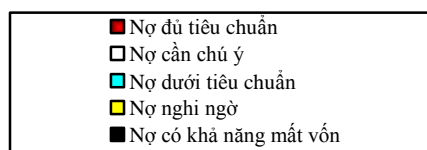
Nhóm nợ	Tỷ lệ trích dự phòng cụ thể	Tỷ lệ trích dự phòng chung
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	Không	0,75%
2. Nợ cần chú ý	5%	0,75%
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	20%	0,75%
4. Nợ nghi ngờ	50%	0,75%
5. Nợ có khả năng mất vốn	100%	0,00%

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2009 VietinBank*

Theo Đề án tái cơ cấu của VietinBank (VietinBank bắt đầu tái cơ cấu về tài chính vào 31/12/2000) tổng nợ tồn đọng cần xử lý là 9.485 tỷ đồng, chiếm 27% giá trị các khoản vay. Số nợ tồn đọng phát sinh sau đó là 529 tỷ đồng. Sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu, VietinBank đã xử lý được 9.762 tỷ đồng nợ tồn đọng, đạt 102,9% kế hoạch của Đề án xử lý nợ tồn đọng. VietinBank đã hoàn thành đề án xử lý nợ tồn đọng được Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc NHNN phê duyệt. Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank tại 31/12/2006 là 1,41%, 2,3% và 1,82% vào thời điểm cuối năm 2007 và 2008 cho thấy tình hình quản lý nợ xấu của VietinBank đã được cải thiện. Đặc biệt, trong năm 2009, tỷ lệ nợ xấu của VietinBank chỉ ở mức 0,61%, thấp nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**Hình 18: Phân loại nợ năm 2009**

Nhóm nợ	Dư nợ thời điểm 31/03/2010
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	170.847.494.800.490
2. Nợ cần chú ý	4.615.341.978.853
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	415.424.123.853
4. Nợ nghi ngờ	278.779.720.376
5. Nợ có khả năng mất vốn	545.561.594.514



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2010 VietinBank

**Bảng 8: Tổng hợp các dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 31/12/2009**

STT	Tên Dự án	Số tiền cam kết đã thẩm định và ký kết cấp tín dụng	Ghi chú (Dự án đồng tài trợ: x)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đầu tư khai thác phần dưới mức - 50 Mỏ than Hà Lầm – Công ty cổ phần than Hà Lầm	1.065 tỷ đồng	x
2	Dự án thủy điện Cần Đơn	Số tiền kí HĐTD 541,520 trđ, 18,630,607 USD trong đó NHCT cho vay 51%	NHCT Hà Tây và Bình Phước làm đầu mối
3	Dự án Nhà máy xi măng Chinfon Hải Phòng	Số tiền kí HĐTD 960 tỷ và 60 triệu USD trong đó NHCT cho vay 100 tỷ	ĐTT với NH Ngoại thương
4	Dự án đầu tư tàu chở dầu Vinalines Galaxy	54.297.890 USD	
5	Dự án đầu tư tàu chở hàng khô Vinalines Global	65.179.350 USD, trong đó NHCT cho vay 31,500,000 USD	ĐTT với Cathay United Bank và Indovina Bank
6	Dự án đầu tư tàu chở hàng khô Seabee	15.645.000 USD	

STT	Tên Dự án	Số tiền cam kết đã thẩm định và ký kết cấp tín dụng	Ghi chú (Dự án đồng tài)
7	Dự án phóng vệ tinh viễn thông Vinasat	86,16 triệu USD	Dự án đồng tài trợ NHCT Việt Nam là đầu mỗi thu xếp vốn
8	Dự án mua tàu vận tải dầu khí trọng tải 49.000 tấn của Cty Vận tải Biển Đông	47.000.000 USD	
9	Dự án BOT Quốc lộ 1A - Đoạn Tránh Thành phố Thanh Hoá	383 tỷ đồng	
10	Dự án giai đoạn I Nhà máy Bia Sài Gòn - Sông Lam	893,6 tỷ đồng	
11	Dự án giai đoạn I Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	779 tỷ đồng	
12	Dự án Tổ hợp khách sạn 5 sao của Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh	389,3 tỷ đồng	x
13	Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ tài chính của Công ty TNHH SXKD XNK Bình Minh	31,5 triệu USD	x
14	Dự án Khu công nghiệp và đô thị VSIP Bắc Ninh của Cty CP phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam Singapore	38 triệu USD	
15	Dự án Đuôi hơi nhà máy điện Phú Mỹ 2.1	20 triệu USD	x
16	Dự án Đuôi hơi nhà máy điện Phú Mỹ 2.1 mở rộng	40 triệu USD	Dự án đồng tài trợ NHCT Việt Nam là đầu mỗi thu xếp vốn
17	Dự án thủy điện Sê San 3	609 tỷ đồng	x
18	Dự án thủy điện Buôn Kướp	350 tỷ đồng	x
19	Dự án thủy điện Bản Vẽ	966 tỷ đồng	Dự án đồng tài trợ NHCT Việt Nam là đầu mỗi thu xếp vốn
20	Dự án thủy điện Sông Ba Hạ	681 tỷ đồng	Dự án đồng tài trợ NHCT Việt Nam là đầu mỗi thu xếp vốn
21	Dự án thủy điện Sê San 4	500 tỷ đồng	x

STT	Tên Dự án	Số tiền cam kết đã thẩm định và ký kết cấp tín dụng	Ghi chú (Dự án đồng tài)
22	Dự án thủy điện Sông Tranh 2	600 tỷ đồng	Dự án đồng tài trợ NHCT Việt Nam là đầu mỗi thu xếp vốn.
23	Dự án thủy điện Sơn La	5.000 tỷ đồng	X
24	Dự án đầu tư xây dựng cao ốc phức hợp Ngân Bình	1.650 tỷ đồng	
25	Dự án cảng Cái Cui	669 tỷ đồng	
26	Dự án đầu tư tàu dịch vụ dầu khí đa năng	670 tỷ đồng	
27	Đầu tư 26 máy bay	60 triệu USD	
28	Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	200 triệu USD	
29	Nhà máy Đạm Cà Mau	220 triệu USD	
30	Dự án xây dựng mạng 3G	1.100 tỷ đồng	
31	+ Dự án Xi măng Cẩm Phả	1.830 tỷ đồng	
	+ Dự án Xi măng Hải Phòng	74 triệu USD	

(Nguồn: VietinBank)

### 6.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

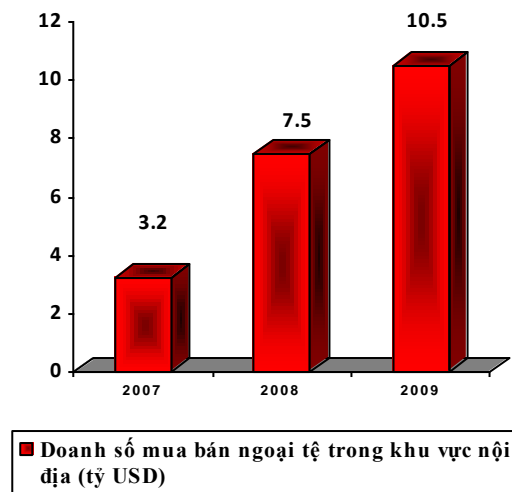
Trong năm 2009, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam lần lượt đạt trên 56,5 tỷ USD và 67,5 tỷ USD, tăng so với mức 62,7 tỷ USD năm 2007. Tổng giá trị vốn ODA cam kết đạt 8 tỷ USD, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt gần 25,1 tỷ USD. Đó là những điều kiện thuận lợi cho kinh doanh ngoại tệ.

Với thị trường trọng điểm là thị trường nội địa, các khách hàng chính của Vietinbank chủ yếu là các khách hàng có quan hệ kinh doanh xuất - nhập khẩu trong các lĩnh vực then chốt như Công nghiệp và Thương mại, Giao thông vận tải; Dầu và khí đốt; Điện, Bru chính viễn thông; nông lâm, thủy hải sản. VietinBank đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua ngoại tệ của khách hàng, trong đó có Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Minh Phú,...



Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa trong năm 2007 đạt 3,2 tỷ USD, tăng 27,48% so với năm 2006 (đạt 2,5 tỷ USD), trong năm 2008 là 7,5 tỷ USD, tăng 134% so với năm 2007. Năm 2009, doanh số mua bán ngoại tệ của VietinBank là 10.5 tỷ USD, tăng 40% so với năm 2008, chiếm khoảng 7% thị phần trong mảng kinh doanh này.

**Hình 19: Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa thời kỳ 2007 - 2009**



Nguồn: VietinBank

Nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý, VietinBank đã đưa ra các hạn mức khác nhau, được áp dụng tại Trụ sở chính, bao gồm:

- Hạn mức dành cho đối tác
- Hạn mức để chặn thua lỗ
- Hạn mức dành cho mỗi nhân viên giao dịch tự doanh trên thị trường ngoại hối quốc tế.

Các hoạt động kinh doanh ngoại tệ của VietinBank do Phòng Kinh doanh Ngoại tệ thực hiện, và được hỗ trợ bởi các phòng ban nghiệp vụ khác. Tất cả các chi nhánh tuy không có phòng kinh doanh ngoại tệ riêng, nhưng đều được phép thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ với các tổ chức và cá nhân, theo quy định của NHNN và VietinBank.

NHNN đã cấp phép cho các định chế tài chính cung cấp 4 hình thức kinh doanh ngoại hối, bao gồm: giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi và giao dịch quyền chọn. VietinBank đang thực hiện các hoạt động này đúng theo quy định của NHNN, đáp ứng được các nhu cầu về dịch vụ ngoại tệ của thị trường.

**6.1.4. Hoạt động kinh doanh thẻ**

VietinBank có kế hoạch trở thành ngân hàng phát hành thẻ hàng đầu Việt Nam bằng việc phát triển hoạt động kinh doanh thẻ với sự đa dạng về sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh với thương hiệu uy tín và phong cách chuyên biệt. việc coi chi nhánh là kênh chủ lực, đồng thời phát triển mạnh các kênh gián tiếp và kênh tự động VietinBank chủ trương tăng cường phân phối các sản phẩm và dịch vụ thẻ tới khách hàng với việc coi

chi nhánh là kênh chủ lực, đồng thời phát triển mạnh các kênh gián tiếp và kênh tự động.

### ***Thẻ nội địa***

Thống kê đến cuối năm 2009, Vietinbank đã thu hút trên 3 triệu khách hàng cá nhân dùng thẻ ATM với gần 1.000.000 thẻ mới được mở trong năm 2009. Tính đến cuối năm 2009, số thẻ ghi nợ nội địa của Vietinbank đạt trên 3,2 triệu thẻ. Thị phần thẻ của VietinBank chiếm 17% thị trường thẻ trong nước. Hoạt động kinh doanh thẻ thực sự trở thành một dịch vụ ngân hàng hiện đại mang tính nền tảng, là mũi nhọn cho chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, mở ra một hướng mới cho việc huy động vốn, giúp giảm lãi suất đầu vào cho VietinBank.

VietinBank hiện đang sở hữu mạng lưới ATM với 1.292 máy, đặt tại trụ sở các chi nhánh, các phòng giao dịch của Ngân hàng, khu dân cư tập trung, cơ quan, trường học, v.v trên toàn quốc. Riêng trong năm 2009, có 1.330 POS được lắp mới. Thẻ E-Partner được cải tiến nhiều chức năng và tiện ích, đáp ứng ngày càng nhiều dịch vụ thông qua thẻ như tự động nhận tiền kiều hối qua thẻ, thanh toán tiền điện, cước viễn thông trực tuyến, mua các loại thẻ viễn thông trả trước của Vinaphone, Mobiphone v.v., gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại ATM, thanh toán vé tàu với Công ty Đường sắt Sài Gòn, Đường sắt Hà Nội tại các chi nhánh và ATM của VietinBank, tra cứu, thông báo biến động số dư tài khoản qua SMS, nạp tiền tài khoản viễn thông qua SMS (dịch vụ VNTopup) v.v.

Tính đến hết năm 2009, số dư tiền gửi đảm bảo thanh toán thẻ ATM đạt 2.066 tỷ đồng, tăng 68% so với năm 2008 và gần gấp đôi so với năm 2007.

Ngày 23/05/2008, hệ thống Banknetvn (gồm 14 ngân hàng với 3.480 máy ATM và 11.750 POS, chiếm gần 67% thị phần về máy ATM tại Việt Nam) đã kết nối thành công với hệ thống Smartlink. Trong giai đoạn đầu kết nối 2 liên minh thẻ này, VietinBank trở thành 1 trong 3 ngân hàng đầu tiên trong liên minh Banknetvn kết nối thành công với 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink (gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam). Với việc kết nối thành công này, chủ thẻ E-partner của VIETINBANK không chỉ thực hiện giao dịch được tại hệ thống các ATM của các ngân hàng trong liên minh Banknetvn mà còn thực hiện được giao dịch tại hệ thống ATM của 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink với hơn 3.600 máy trên toàn quốc và 90% thị phần thẻ trên thị trường thẻ Việt Nam. Trong thời gian tới VietinBank dự định sẽ liên thông Banknet với một tổ chức thẻ của Trung Quốc thông qua liên kết của SmartLink với tổ chức này.

### ***Thẻ quốc tế***

Tính đến hết năm 2009, VietinBank đã phát hành được gần 20.000 thẻ Cremium (thẻ tín dụng quốc tế VISA, MasterCard), trong đó phát hành mới trong năm 2009 trên 9.800 thẻ. VietinBank có kế hoạch tăng gấp đôi số lượng thẻ ghi nợ và gấp 5 lần số lượng thẻ tín dụng quốc tế vào năm 2010.

Các sản phẩm thẻ Cremium hạng Vàng, Chuẩn, Xanh với hạn mức tín dụng từ dưới 10 triệu đến 300 triệu đồng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng. Chủ thẻ thường xuyên được tham gia các chương trình loyalty, Marketing khuyến khích chi tiêu.

Do VietinBank thực hiện chiến lược thận trọng trong lựa chọn khách hàng cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng nên chưa có trường hợp khách hàng thanh toán chậm. Hiện nay, VietinBank chưa cho phép rút tiền vượt quá hạn mức nhưng VietinBank cũng dự kiến sẽ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng dựa trên cơ sở đánh giá quá trình sử dụng tín dụng của từng khách hàng.

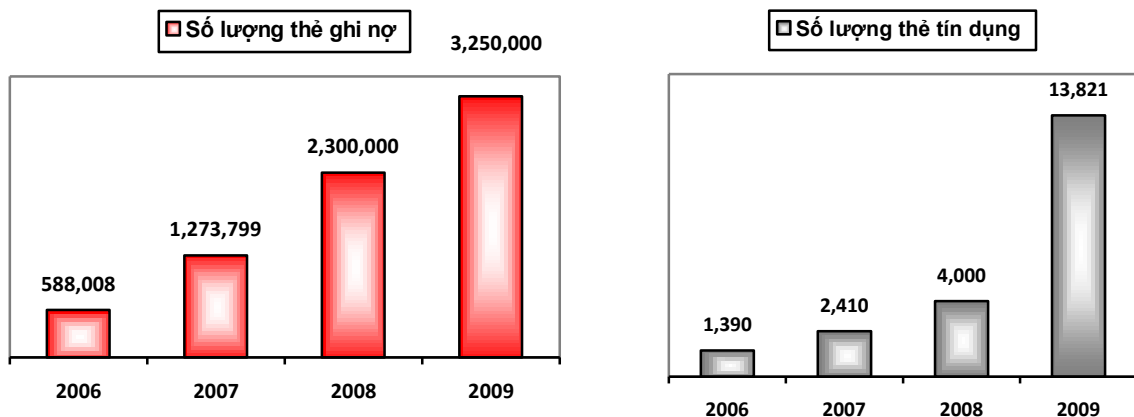
**Hoạt động thanh toán thẻ**

VietinBank đã chính thức trở thành ngân hàng thương mại thứ hai ở Việt Nam thực hiện kết nối thành công thẻ tín dụng quốc tế với hệ thống ATM của VietinBank từ tháng 12 năm 2005, cho phép chủ thẻ Visa và Master có thể rút tiền tại máy ATM của VietinBank. Ngoài ra, VietinBank cũng là ngân hàng đầu tiên chấp nhận thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV.

Doanh số thanh toán thẻ năm 2009 đạt 623,5 tỷ đồng xấp xỉ bằng năm 2008. Nguyên nhân chủ yếu do nền kinh tế Thế giới và Việt nam đang trong giai đoạn phục hồi sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Hệ thống VietinBank chấp nhận các loại thẻ VISA, MasterCard, JCB, với tổ chức thẻ thanh toán DinerClub, Amex, hiện VietinBank đang xúc tiến các bước đàm phán để trở thành ngân hàng đại lý thanh toán cho tổ chức này.

**Hình 20: Tốc độ tăng phát hành thẻ**



Nguồn: VietinBank

**6.1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư**

**Hoạt động góp vốn**

Các hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết ngày càng được mở rộng và tăng trưởng. VietinBank hiện đang góp vốn vào 04 công ty con (trong đó VietinBank nắm giữ 100% vốn của 03 công ty con và 75,6% của 01 công ty con) và 01 công ty liên

doanh. Giá trị sổ sách của các khoản góp vốn tính đến 31/03/2010 là 1.174 tỷ đồng, đầu tư vào công ty liên doanh là 1.002 tỷ đồng tính theo mệnh giá. Đối với hoạt động góp vốn liên doanh liên kết, giá trị ròng của các khoản đầu tư tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu đạt 579,5 tỷ đồng năm 2007, tăng 30% so với năm 2006 và năm 2008 đạt 761,33 tỷ đồng, tăng 31,3% so với năm 2007. Đến năm 2009, tỷ lệ này tăng 31,6%.

Bên cạnh đó, VietinBank còn đầu tư vào một số tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế khác với tỷ lệ cổ phần không chi phối, bao gồm NHTMCP Sài Gòn Công thương, NHTMCP Gia Định, Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung Ương, Công ty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam, và Công ty CP Xi măng Hà Tiên II, Cao su Phước Hòa, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên, Công ty CP đầu tư và kinh doanh vàng Việt Nam... Tại thời điểm 31/12/2009, tổng mức đầu tư vào các tổ chức này trị giá 166,446 tỷ đồng theo giá trị ghi sổ.

Thông qua các hoạt động đầu tư, VietinBank đang nỗ lực mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của mình với định hướng chiến lược sau:

- Tập trung và ưu tiên hàng đầu cho những hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực mà VietinBank có khả năng riêng biệt, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính.
- Thiết lập các mối quan hệ chiến lược với các đối tác, hợp tác lâu dài với các công ty và doanh nghiệp lớn, cụ thể là với các tổ chức trong nước và quốc tế có thế mạnh và tiềm năng chiến lược.
- Phát triển các hoạt động của các công ty mà VietinBank đầu tư.
- Phát triển cơ cấu và quản lý danh mục đầu tư một cách chủ động và hiệu quả.
- VietinBank kiểm soát và gây ảnh hưởng đối với phần vốn đầu tư thông qua việc quản lý các công ty mà VietinBank đầu tư dưới các hình thức:
  - ✓ Với công ty mà VietinBank nắm giữ 100% vốn: VietinBank bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, xây dựng điều lệ công ty và cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động chủ yếu của công ty;
  - ✓ Với các công ty mà VietinBank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Ngân hàng có thể đề xuất đại diện của mình là các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, những người tham gia xây dựng điều lệ công ty và đồng thời là cổ đông của công ty;
  - ✓ Với các công ty VietinBank nắm giữ cổ phần không chi phối: tham gia với tư cách là cổ đông của công ty.

## **Hoạt động đầu tư chứng khoán**

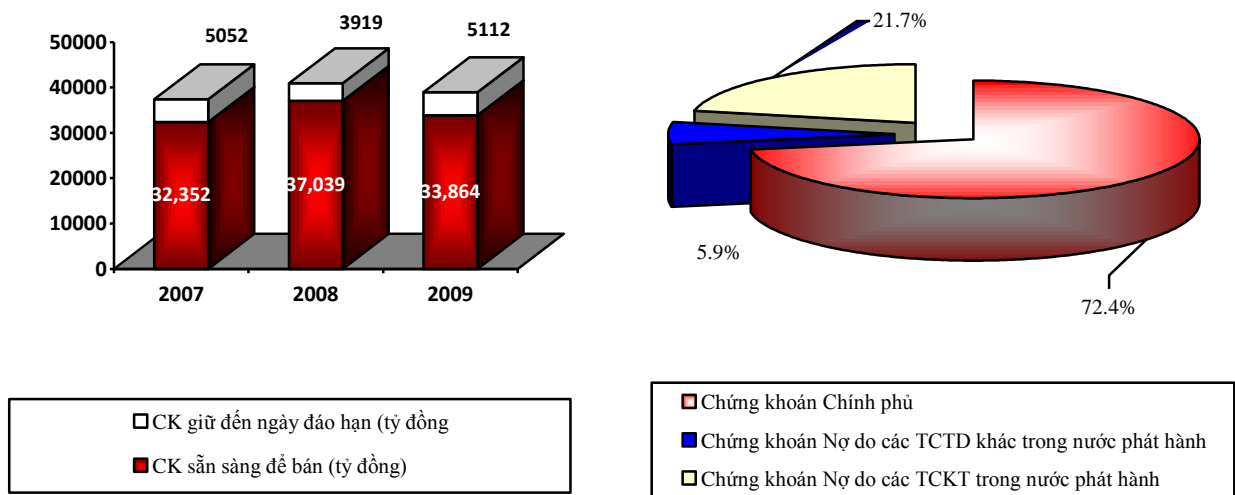
### ***Chứng khoán đầu tư***

Ngoài các chứng khoán vốn nêu trên VietinBank cũng mở rộng danh mục đầu tư vào các công cụ nợ như Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu Kho bạc, Tín phiếu NHNN, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. với số dư hàng chục nghìn tỷ đồng và trở thành nhà tạo lập thị trường, thúc đẩy thị trường trái phiếu Việt Nam phát triển. Danh mục trái phiếu do VietinBank nắm giữ có mức sinh lời tốt, tính thanh khoản cao, góp phần rất lớn vào việc bảo đảm thanh khoản cho ngân hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tính đến 31/12/2009, số dư chứng khoán đầu tư (hoàn toàn là các công cụ nợ) của Ngân hàng là 38.977 tỷ đồng. Danh mục chứng khoán được đa dạng hóa bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán là 33.864 tỷ đồng và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn 5.112 tỷ đồng.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Đến thời điểm 31/12/2009, số dư khoản chứng khoán kinh doanh là 302,427 tỷ đồng giảm mạnh so với năm 2008, trong đó chứng khoán nợ là 232,868 tỷ đồng chiếm 77% giá trị chứng khoán kinh doanh, chứng khoán vốn 69,559 tỷ đồng chiếm 23% giá trị chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2009, số dư dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là 3,39 tỷ đồng.

**Hình 21: Cơ cấu đầu tư chứng khoán đầu tư thời kỳ 2007 - 2009**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán giai đoạn 2007-2009*

Đầu tư vào giấy tờ có giá là biện pháp quan trọng để VietinBank chuyển dịch cơ cấu tài sản có, nâng cao khả năng sinh lợi, giảm thiểu rủi ro, và tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết, đồng thời góp phần không nhỏ vào các công trình xây dựng trọng điểm của Nhà nước và đầu tư phát triển trong các ngành kinh tế xã hội.

### **6.1.6. Dịch vụ ngân hàng quốc tế**

#### **Dịch vụ ngân hàng điện tử**

Là một phần trong Dự án Hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán do Ngân hàng Thế giới tài trợ, VietinBank đã bắt đầu thực hiện cung cấp dịch vụ Internet Banking từ tháng 3/2005 khi VietinBank bắt đầu triển khai hệ thống INCAS tới tất cả các chi nhánh trên toàn quốc. Từ đó đến nay, VietinBank đã liên tục hoàn thiện, bổ sung thêm một số dịch vụ mới như VietinBank At home cho phép khách hàng doanh nghiệp có thể thực hiện các giao dịch ngân hàng tại nhà, dịch vụ SMS banking cho phép khách hàng thực hiện chuyển khoản giữa các tài khoản ATM trong cùng hệ thống, vắn tin tài khoản, lịch sử giao dịch cung như thông báo biến động số dư qua tin nhắn với độ bảo mật, an toàn cao bằng công nghệ tiên tiến và phương thức xác thực mạnh. Mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng các dịch vụ trên phần nào đã đáp ứng được yêu cầu ngày một tăng của khách hàng, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của VietinBank trên lĩnh vực này.

VietinBank sẽ tiếp tục tham gia vào Dự án Hiện đại hóa ngân hàng và Hệ thống thanh toán giai đoạn 2 do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Dự án này tập trung vào các mảng sau: Trung tâm liên lạc - Call center, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại cố định, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động, các giải pháp thương mại điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử.

#### **Tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế**

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank – là ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại với hơn 155 chi nhánh trên toàn quốc, có quan hệ đại lý với gần 1000 ngân hàng trên toàn cầu. VietinBank đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp cho khách hàng những dịch vụ thanh toán quốc tế, những giải pháp tài trợ thương mại tối ưu.

Năm 2009, cùng với việc áp dụng chính sách lãi suất, phí dịch vụ hợp lý, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đã được tăng lên đáng kể. Doanh số nhập khẩu đạt 7,97 tỷ USD (chiếm thị phần 11%). Doanh số xuất khẩu đạt 4,59 tỷ USD (chiếm thị phần 8%). Doanh số bảo lãnh đạt 780 triệu USD, tăng 51% so với năm 2008. Các sản phẩm tài trợ thương mại chủ yếu của VietinBank bao gồm: Thư tín dụng, nhờ thu, bảo lãnh, chuyển tiền, bao thanh toán. Khách hàng sử dụng các dịch vụ tài trợ thương mại của VietinBank bao gồm các tập đoàn trong nước và quốc tế, và các DN VVN, trong đó có nhiều tổng công ty và tập đoàn lớn như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Xi măng...

VietinBank hiện đang cung cấp các sản phẩm dịch vụ Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại:

- Thư tín dụng:
  - Phát hành, thanh toán thư tín dụng nhập khẩu
  - Xác thực, thông báo thư tín dụng xuất khẩu
  - Xác nhận thư tín dụng, chuyển nhượng thư tín dụng
  - Thương lượng, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
- Bảo lãnh:
  - Phát hành, thanh toán thư bảo lãnh
  - Xác thực, thông báo thư bảo lãnh
  - Phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng, xác nhận thư bảo lãnh
  - Đòi tiền theo thư bảo lãnh
- Nhờ thu:
  - Tiếp nhận, thông báo và thanh toán bộ chứng từ nhờ thu nhập khẩu
  - Tiếp nhận, chiết khấu và thu hộ bộ chứng từ nhờ thu xuất khẩu
- Chuyển tiền:
  - Chuyển tiền thanh toán mậu dịch theo hợp đồng
  - Chuyển tiền thanh toán phi mậu dịch: kiều hối, du học, chữa bệnh...
- Các dịch vụ khác:
  - Khai thác vốn ngắn hạn, trung và dài hạn từ các tổ chức tín dụng khác hỗ trợ cho nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại;
  - Mua bán chuyển nhượng các khoản thu, bao thanh toán tương đối (Factoring) và bao thanh toán tuyệt đối (Forfaiting);
  - Tư vấn giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại hiện đại;
  - Cung cấp dịch vụ INSOURCING (xử lý giao dịch cho các định chế tài chính khác) về thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

Với định hướng phát triển và tiềm lực của một ngân hàng hiện đại, Sở giao dịch III (hiện nay là Sở giao dịch) – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã được thành lập vào tháng 04/2008 với chức năng trực tiếp xử lý tập trung toàn bộ các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; khai thác các nguồn vốn ngân hàng trung và dài hạn từ các định chế tài chính để hỗ trợ cho hoạt động tài trợ thương mại của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; cung cấp dịch vụ tư vấn giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; cung cấp dịch vụ INSOURCING cho các ngân hàng khác trong thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

Sở giao dịch được trang bị những thiết bị và công nghệ hiện đại có khả năng xử lý từ xa các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; có đội ngũ lãnh đạo và cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, tận tình, năng động, được đào tạo chuyên nghiệp và không ngừng học hỏi với mục tiêu nhằm mang đến cho khách hàng các dịch vụ thanh

toán quốc tế và tài trợ thương mại có chất lượng cao, đồng đều, nhanh chóng, chính xác, an toàn, tiện lợi theo tiêu chuẩn quốc tế, với văn hoá phục vụ văn minh, hiện đại.

### **Dịch vụ chuyển tiền kiều hối**

Doanh số chi trả kiều hối của VietinBank năm 2009 là 920 triệu USD, chiếm khoảng 15% tổng lượng kiều hối chuyển về Việt Nam năm 2009. Bên cạnh sản phẩm chuyển tiền kiều hối truyền thống (điện Swift qua ngân hàng), VietinBank đã triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh như Western Union, Wells Fargo ExpressSend, VietinBank e-Remit, v.v. Thu nhập từ dịch vụ kiều hối bao gồm phí thanh toán 0,05%, tối thiểu 2USD/giao dịch cộng thêm 0,15% nếu rút tiền bằng ngoại tệ. Đối với dịch vụ chuyển tiền nhanh, phí dịch vụ trong khoảng 0,6% - 0,7% tổng số tiền chi trả.

Dịch vụ chuyển tiền kiều hối ngày càng có tiềm năng phát triển do lượng tiền Việt kiều và người Việt Nam lao động tại nước ngoài chuyển về ngày càng nhiều. VietinBank chủ yếu chi trả kiều hối bằng USD, EUR và VND. Thị trường trọng điểm bao gồm Mỹ, Đài Loan, Hàn quốc, Malaysia, Nhật, Séc, Úc và các nước Trung đông.

Trong kế hoạch phát triển giai đoạn 2008 - 2010, VietinBank sẽ tiếp tục việc mở rộng mạng lưới chuyển tiền kiều hối tới các thị trường quốc tế lớn, nơi có số lượng lớn người Việt Nam sinh sống và làm việc, trong khi thị trường nội địa chủ yếu được xác định là Tp Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Thuận, Đà Nẵng, Huế, các tỉnh phía Bắc có nhiều lao động xuất khẩu như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An. VietinBank cũng lên kế hoạch cung cấp các dịch vụ có giá trị gia tăng như dịch vụ chi trả kiều hối tận nhà.

#### **6.1.7. Dịch vụ thu/chi hộ**

Dịch vụ thu/chi hộ được cung cấp cho các khách hàng chiến lược có cân đối tài khoản tiền gửi lớn tại VietinBank hoặc khách hàng hoặc có khối lượng thu chi tiền mặt, chuyển khoản lớn như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Hiện tại, khoảng 70% các chi nhánh của VietinBank cung cấp dịch vụ này cho các khách hàng tại các khu công nghiệp và khu chế xuất. VietinBank hiện không thu phí đối với dịch vụ này. VietinBank cũng đã triển khai thành công dịch vụ thu hộ Ngân sách bao gồm thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu.

#### **6.1.8. Dịch vụ cho thuê kết sắt và cất giữ tài sản**

Dịch vụ này đã được VietinBank Chi nhánh Tp. HCM và Chi nhánh Đà Nẵng triển khai từ đầu năm 2006. Doanh thu từ dịch vụ này tuy chưa phản ánh hết tiềm năng vốn có của nó nhưng đã cho thấy khả năng phát triển dịch vụ này trong tương lai gần. Trong thời



gian tới, dịch vụ này sẽ được cung cấp tại tất cả các chi nhánh của VietinBank trên các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước.

**6.1.9. Dịch vụ thu đổi Séc du lịch**

Được giới thiệu lần đầu vào năm 1994, dịch vụ Thu đổi séc du lịch được cung cấp tại các Phòng giao dịch, quầy giao dịch và quầy tiết kiệm. Hiện nay, 50% các chi nhánh đã cung cấp dịch vụ này tới khách hàng với doanh thu thu đổi hàng năm đạt từ 3 - 5 triệu USD.

Dịch vụ Thu đổi séc du lịch bao gồm việc đổi séc du lịch Amex và các loại séc du lịch do các định chế có uy tín phát hành bằng USD và EUR. Điều này thể hiện nỗ lực của Ngân hàng trong việc tăng doanh thu từ phí dịch vụ. VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thu séc của các tổ chức nước ngoài như là một cách giới thiệu các dịch vụ ngân hàng khác và nhằm nâng cao thương hiệu “Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam”.

**6.1.10. Hoạt động kinh doanh chứng khoán (Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)**

Năm 2000, VietinBank thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc) theo mô hình Công ty TNHH một thành viên với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng và do VietinBank sở hữu 100% vốn. VietinBankSc đã tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng tại thời điểm 26/06/2007. Tính đến 31/12/2008, vốn chủ sở hữu của VietinBankSc đạt 600.106 tỷ đồng, vốn điều lệ của VietinBankSc là 500 tỷ đồng. Tổng vốn điều lệ của VietinBankSc tại thời điểm chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần là 789,934 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng Công thương nắm 75,6% vốn điều lệ

Các hoạt động chính của VietinBankSc bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư và tài chính.

**Bảng 9: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động thị trường vốn**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	Quý II/2010
1. Tổng tài sản	888.499	1.109.067	1.119.876	1.025.716
2. Vốn chủ sở hữu	429.054	600.849	851.963	808.483
3. Doanh thu	205.371	174.390	284.000	93.201
4. Chi phí (*)	83.950	161.227	102.539	81.474
5. Lợi nhuận trước thuế	121.421	13.163	120.000	11.736
6. Lợi nhuận sau thuế (LNST)(*)	98.226	13.096	60.059	9.072

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	Quý II/2010
7. LNST/Tổng tài sản (%)(*)	11,05	1,18	5,36	0,88%
8. LNST/Vốn chủ sở hữu (%)(*)	22,89	2,18	7,05	1,12%

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2007, 2008, 2009 và Quý II/2010 của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam*

*Ghi chú: (\*) số liệu tính từ 01/7/2009 đến 31/12/2009.*

Trong 8 năm hoạt động, lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán của VietinBankSc đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao về quy mô cũng như hiệu quả. Tính đến 31/12/2009, tổng tài sản của VietinBankSc đạt 1.119 tỷ đồng, doanh thu đạt 284 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tính trong giai đoạn từ 01/7/2009 đến 31/12/2009 đạt 60,06 tỷ đồng. So với năm 2008 doanh thu năm 2009 tăng 63%; lợi nhuận trước thuế năm 2009 cũng tăng mạnh so với năm 2008 và xấp xỉ bằng năm 2007. Các chỉ tiêu sinh về hệ số sinh lời trong năm 2009 cũng bắt đầu tăng mạnh, LNST/Tổng tài sản và LNST/Vốn chủ sở hữu tính từ 01/7/2009 đến 31/12/2009 năm 2009 lần lượt đạt 5,36% và 7,05%. Đây là bước phát triển vượt bậc của VietinBankSc trong năm sau một giai đoạn trầm lắng trong năm 2008.

Công ty Chứng khoán VietinBankSc là thành phần nòng cốt trong tầm nhìn chiến lược của VietinBank nhằm phát triển các hoạt động kinh doanh có thu phí, cụ thể là sự phát triển trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư.

#### **6.1.11. Hoạt động cho thuê tài chính (Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính VietinBank)**

Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính VietinBank là một trong những công ty hoạt động sớm trong lĩnh vực cho thuê tài chính ở Việt Nam. Công ty là thành viên hạch toán độc lập, được VietinBank cấp 100% vốn điều lệ, tính đến 31/12/2009 là 500 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào hoạt động cho thuê tài chính, quản lý vốn đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, tư vấn và nhận bảo lãnh cho khách hàng về các dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính.

**Bảng 10: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	Quý II/2010
1. Tổng tài sản	839.051	992.147	1.231.461	1.295.322
2. Vốn chủ sở hữu	348.652	368.113	609.245	644.366

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	Quý II/2010
3. Dư nợ cho thuê tài chính	612.515	736.254	815.735	1.085.246
3. Doanh thu	80.670	123.810	134.643	101.813
4. Chi phí	62.335	94.026	78.893	9.318
5. Lợi nhuận trước thuế	18.335	29.784	53.360	38.211
6. Lợi nhuận sau thuế (LNST)	13.202	21.444	44.000	35.369

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2007, 2008, 2009 và Quý II/2010 của Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài Chính Ngân hàng Công thương Việt Nam*

**6.1.12. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản (Công ty Quản lý Nợ và khai thác tài sản VietinBank)**

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 09/2000 theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/07/2000 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank, là công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng quản lý các khoản nợ xấu và khai thác các tài sản xiết nợ, thế chấp do VietinBank chuyển sang. VietinBank đã đạt được kết quả đáng kể trong xử lý nợ tồn đọng, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank.

**Bảng 11: Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	Quý II/2010
Tổng tài sản	137.343	96.601	73.088	72.128
Nguồn vốn chủ sở hữu	27.830	30.677	31.565	30.368
Thu nhập	2.143	5.949	6.275	2.521
Chi phí	4.338	5.272	4.779	2.201
Lợi nhuận trước thuế	(2.195)	677	1.558	319

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2007, 2008 và 2009 và Quý II của Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản VietinBank*

**6.1.13. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Công ty TNHH Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam – Bảo Ngân)**

Mục tiêu của Công ty TNHH Bảo hiểm NHCT Việt Nam – Bảo Ngân là:

- Đáp ứng tốt nhất nhu cầu bảo hiểm cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động/ sinh sống tại Việt Nam, đặc biệt là các khách hàng vay vốn của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Luôn luôn đảm bảo khả năng tài chính để thực hiện trách nhiệm và cam kết với khách hàng.
- Áp dụng công nghệ quản lý hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hướng tới việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ phù hợp nhất, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng và phát triển lực lượng lao động bao gồm cả đội ngũ Đại lý có chuyên môn nghiệp vụ cao, tận tâm phục vụ và đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng.
- Hợp tác với các công ty bảo hiểm khác trên thị trường để cùng đóng góp vào sự phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam.

**Bảng 12: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCT Việt Nam**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2009	Quý II/2010
Tổng tài sản	457.033	462.581
Nguồn vốn chủ sở hữu	332.678	355.703
Doanh thu (*)	77.800	54.181
Chi phí	18.088	32.988
Lợi nhuận trước thuế	41.799	22.863
Lợi nhuận sau thuế	31.586	22.863

*(\*) Doanh thu từ thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm*

**6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**

VietinBank thành lập Ban Quản trị rủi ro và Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) để giám sát và quản lý toàn diện các loại rủi ro trong kinh doanh. Thành viên của ALCO bao gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng bộ phận quản lý rủi ro, trưởng bộ phận kinh doanh, dịch vụ và trưởng các bộ phận liên quan khác.

VietinBank đã xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, trong đó Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và thông qua các chiến lược và chính sách quản trị rủi ro của VietinBank, trong khi Ban Điều hành có trách nhiệm thực hiện và phát triển các chiến lược và chính sách đã được thông qua đó. Chức năng quản trị rủi ro của VietinBank hiện do Khối quản trị rủi ro (RMG) thực hiện. Khối này được tách riêng khỏi các giao dịch trực tiếp và thực hiện báo cáo trực tiếp lên Ban Điều hành.

Khối quản trị rủi ro bao gồm 6 phòng ban có trách nhiệm quản trị các loại rủi ro khác nhau, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, và rủi ro tác nghiệp:

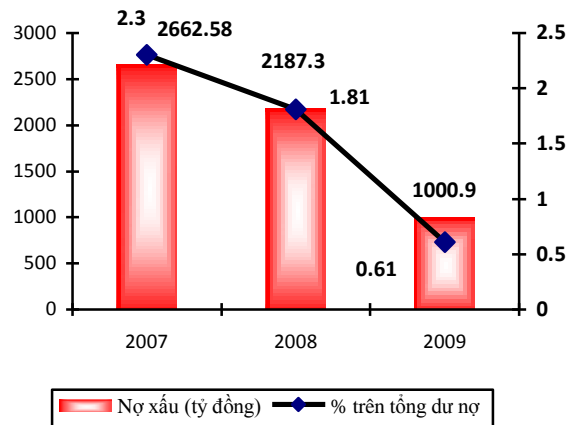
- Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, đầu tư (CIRM): có chức năng quản trị rủi ro tín dụng và đầu tư
- Phòng Chế độ tín dụng, đầu tư: có chức năng tham mưu HĐQT xây dựng chiến lược tín dụng, đầu tư; Khung chính sách tín dụng, đầu tư; Hệ thống đo lường, quản lý và giám sát rủi ro tín dụng, đầu tư; các quy trình nghiệp vụ tín dụng, đầu tư.
- Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp: có chức năng quản trị về rủi ro phát sinh từ thị trường và tác nghiệp
- Phòng Quản lý nợ có vấn đề
- Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ
- Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO đảm nhiệm về kế hoạch kinh doanh và hỗ trợ quản lý tài sản nợ và tài sản có; Quản lý tài sản nợ/có được thực hiện trên cơ sở quản trị về rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ. Quá trình thực hiện được thông qua việc phân tích và dự báo các luồng tiền vào/ra trong hệ thống. Đồng thời căn cứ vào biến động nguồn vốn và sử dụng vốn thực tế để đưa ra các quyết định về quản lý và điều hành vốn đảm bảo đạt hiệu quả kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thanh toán toàn hệ thống. Phòng pháp chế phụ trách quản trị các rủi ro pháp lý.

### Quản trị rủi ro tín dụng

VietinBank đã xây dựng chiến lược cho vay từ năm 2005, trong đó nêu rõ đối tượng khách hàng mục tiêu, vị trí, và lĩnh vực cần hướng tới. Khách hàng mục tiêu là các công ty lớn có tình hình tài chính lành mạnh và năng lực cao,

**Hình 22: Số dư và tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2007 - 2009**

còn khách hàng tiềm năng là các DNVVN (SMEs) và cá nhân. Thị trường mục tiêu là các thành phố lớn, các khu vực kinh tế có tiềm năng, các khu vực đô thị và khu công nghiệp đang phát triển. Các lĩnh vực, ngành nghề mục tiêu VietinBank hướng tới bao gồm lĩnh vực công nghiệp, thương mại, và dịch vụ.



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 2007-2009

VietinBank đã đưa ra chính sách quản trị rủi ro tín dụng ban hành vào cuối năm 2004. Các nguyên tắc chung của chính sách này bao gồm: đa dạng hóa danh mục đầu tư, quá trình xem xét và phê chuẩn đa cấp, hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng để làm cơ sở cấp tín dụng và quản lý quan hệ tín dụng với khách hàng, chức năng độc lập của các thành viên /bộ phận tham gia vào quá trình cấp tín dụng, hệ thống quy định, quy trình cấp tín dụng, quy trình giám sát thường xuyên và kiểm soát hạn mức tín dụng....Hiện nay VietinBank đang trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống tính điểm tín dụng tự động hướng theo các Chuẩn mực quốc tế, thống này đã bắt đầu được thực hiện trong năm 2009 và sẽ triển khai tích cực trong năm 2010.

Căn cứ vào thị trường mục tiêu và chiến lược tín dụng tổng thể của VietinBank cũng như kết quả tình hình hoạt động tín dụng trong quá khứ, sự thay đổi của thị trường và nhu cầu vốn dự kiến, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư đề xuất mức tăng trưởng tín dụng của VietinBank, các giới hạn tín dụng toàn hệ thống theo sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, ngành hàng, thành phần kinh tế, khách hàng, nhóm khách hàng v.v. Các đề xuất của Phòng sau đó sẽ được trình Tổng giám đốc để trình HĐQT phê duyệt.

Chức năng quản trị rủi ro tín dụng hàng ngày của VietinBank do các Phòng Chế độ tín dụng và đầu tư, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư, và Phòng Quản lý nợ có vấn đề, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO cùng phối hợp đảm trách. Thêm vào đó, Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ tiến hành các đánh giá định kỳ và đánh giá đột xuất đối với các hoạt động cấp tín dụng của VietinBank để đảm bảo các hoạt động này phù hợp với các hướng dẫn của VietinBank và các quy định của pháp luật.

Chức năng định giá tài sản bảo đảm hiện do các phòng Khách hàng và quản lý rủi ro tại chi nhánh đảm trách tại thời điểm cho vay và định giá lại theo quy định của VietinBank. Tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo được giới hạn theo tỷ lệ phần trăm giá trị của từng loại tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo được định giá lại ít nhất 1 lần/năm (tùy theo loại tài sản) hoặc đột xuất.

### **Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng**

Sau khi nhận và kiểm tra đơn đề nghị cấp tín dụng của khách hàng cùng với các hồ sơ vay vốn, chuyên viên tín dụng thuộc bộ phận khách hàng tiến hành thẩm định khoản vay: tư cách pháp lý của khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng tài chính của khách hàng, hiệu quả, tính khả thi của phương án/dự án vay vốn, tình hình vay trả nợ của khách hàng, tình hình tài sản đảm bảo, xác định phương thức cho vay, lãi suất v.v. và lập Tờ trình thẩm định tín dụng.

Trong một số trường hợp (tùy thuộc vào các điều kiện cấp tín dụng của VietinBank), bộ phận khách hàng sẽ chuyển đơn đề nghị cấp tín dụng và hồ sơ, tài liệu liên quan sang bộ phận quản lý rủi ro. Tại đây, chuyên viên quản lý rủi ro tín dụng sẽ tiến hành thẩm định độc lập và lập Báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng, trong đó đánh giá mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Việc cấp tín dụng được xem xét căn cứ vào định hướng cấp tín dụng hàng năm của HĐQT, thông tin thu thập từ khách hàng, nhu cầu sử dụng tín dụng của khách hàng, xếp hạng khách hàng, kết quả thẩm định tín dụng và thẩm định rủi ro tín dụng v.v.

Tờ trình thẩm định của chuyên viên tín dụng và báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng của chuyên viên quản lý rủi ro (trường hợp phải thẩm định rủi ro tín dụng) cùng hồ sơ tín dụng sẽ được trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng được xác định trên cơ sở (i) mức phán quyết tín dụng: định kỳ được xem xét lại hàng năm căn cứ vào phân cấp quản lý khách hàng, năng lực trình độ của cấp được xem xét (tại Trụ sở chính), quy mô, năng lực trình độ cán bộ, kết quả hoạt động v.v. (tại chi nhánh); (ii) việc đáp ứng các điều kiện tín dụng của khách hàng: điều kiện tín dụng được xây dựng, chỉnh sửa, thay đổi tuân theo các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn đảm bảo an toàn và tính cạnh tranh của VietinBank

Khoản tín dụng sau khi được người có thẩm quyền phê duyệt sẽ được bộ phận quản lý rủi ro giám sát tùy thuộc vào mức độ rủi ro của khoản tín dụng đó, trong suốt quá trình

đàm phán ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo, hoàn thiện hồ sơ tín dụng và nhập vào hệ thống INCAS.

Hiện tại, VietinBank chưa thiết lập quy trình nghiên cứu đánh giá khách hàng toàn diện, nhưng trong thời gian sắp tới, VietinBank sẽ cân nhắc xây dựng chính sách “Hiểu biết về khách hàng của bạn” (KYC), “Chống rửa tiền” (AML) để ngăn ngừa việc người vay sử dụng ngân hàng như là công cụ để thực hiện các giao dịch bất hợp pháp.

VietinBank hiện đang triển khai 3 hệ thống tính điểm khác nhau dành cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và nhóm khách hàng định chế tài chính. Tuy nhiên, đây đều là các quá trình tính toán thủ công và còn nhiều đánh giá mang tính định tính của cán bộ quản lý khách hàng.

### **Quản trị rủi ro thị trường và tác nghiệp**

Tháng 3/2006, VietinBank đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp (MORM) để theo dõi các rủi ro trong hoạt động và rủi ro thị trường của VietinBank, với chức năng chính là phát triển các chính sách, thủ tục và hệ thống cảnh báo sớm đối với các rủi ro hoạt động và thị trường.

Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO và Phòng Đầu tư dựa trên các thông tin thị trường mới nhất để phân tích các thay đổi về tỷ lệ lãi suất. Đối với hoạt động tín dụng, VietinBank áp dụng lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung và dài hạn, thậm chí tùy tình hình biến động của lãi suất trên thị trường có thể áp dụng cả lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay ngắn hạn. Việc đầu tư chứng khoán hiện nay được tập trung vào các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp. Danh mục đầu tư của ngân hàng bao gồm hầu hết là trái phiếu Kho bạc Nhà nước, các loại trái phiếu chính phủ khác và một số trái phiếu an toàn khác. Hàng tháng, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO chuẩn bị báo cáo về các chỉ số tài chính chủ yếu và các tỷ lệ an toàn theo yêu cầu của NHNN và trình Ban điều hành hoặc Ban Tổng giám đốc để xem xét và thông qua.

Là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt nam, VietinBank đã đưa ra chiến lược quản trị rủi ro (được ghi nhận trong chiến lược kinh doanh tổng thể của VietinBank cho giai đoạn 2005 – 2010) và những quy định về quản trị rủi ro tác nghiệp (Quyết định 220 được HĐQT ban hành tháng 5/2007) nhằm thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro tác nghiệp. Ngoài ra VietinBank đã có bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ được thiết lập từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bộ máy này chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của VietinBank nhằm



phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận và sai sót, đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ đảm bảo hoạt động kinh doanh của VietinBank tuân thủ pháp luật, an toàn, hiệu quả.

### **Quản trị rủi ro pháp lý**

Rủi ro pháp lý của VietinBank do Phòng Pháp chế phụ trách, với chức năng chính là tư vấn và đào tạo về pháp lý cho các đơn vị kinh doanh và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của VietinBank. Đối với những trường hợp cụ thể, ví dụ bảo lãnh phát hành trái phiếu, bảo lãnh phát hành ra nước ngoài, cấp tín dụng cho các dự án lớn, VietinBank có thể thuê công ty luật bên ngoài tư vấn. Các chi nhánh cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình. Tuy nhiên, với các vấn đề pháp lý phức tạp hoặc do sai phạm của nhân viên cần được báo cáo lên Phòng Pháp chế tại Trụ sở chính để giải quyết. Đối với sản phẩm mới triển khai, Phòng Pháp chế sẽ xem xét các khía cạnh pháp lý để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành.

### **Quản trị rủi ro thanh khoản**

VietinBank đã thành lập Ủy ban quản trị tài sản nợ, tài sản có (ALCO), thực hiện chức năng quản lý tài sản Nợ - Có và kiểm soát rủi ro thanh khoản. Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO có trách nhiệm chính là lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn, duy trì khả năng thanh khoản. Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO báo cáo trực tiếp hàng tháng lên Ban điều hành, Ủy ban ALCO và Hội đồng quản trị để cập nhật tình hình thanh khoản hiện tại của VietinBank và dự báo tình trạng thanh khoản cho tháng tiếp theo. VietinBank tuân thủ các quy định hiện hành của NHNN trong việc quản trị khả năng thanh khoản. Do có khối lượng lớn Giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ nên tạo cho VietinBank khả năng thanh khoản đáng kể.

Hiện nay, VietinBank đang theo dõi khả năng thanh khoản bằng việc tính toán các tỷ lệ thanh toán theo các hướng dẫn của NHNN và thường xuyên báo cáo với NHNN. Để đảm bảo chủ động trong thanh khoản và phòng tránh các sự cố bất ngờ xảy ra, VietinBank tính toán và duy trì một tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ, các Giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao và các công cụ khác (chiếm khoảng 25% - 30% tổng tài sản). Do đó, VietinBank luôn bảo đảm tốt khả năng thanh khoản.

### 6.3. Thị trường hoạt động

#### Mạng lưới hoạt động

Tính đến 31/12/2009, mạng lưới hoạt động của VietinBank phân bố rộng trên 62 tỉnh, thành phố trong cả nước, bao gồm:

- 01 Hội sở chính;
- 01 Sở Giao dịch;
- 149 chi nhánh
- 695 phòng giao dịch;
- 98 quỹ tiết kiệm;
- 1.092 máy rút tiền tự động (ATM);
- 02 Văn phòng đại diện;
- 04 Công ty con bao gồm: Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (VietinBankSC), Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng công thương Việt Nam;
- 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm: Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực.

#### Mạng lưới khách hàng

Khách hàng và đối tác của VietinBank gồm có:

- Các tổ chức tài chính ngân hàng: VietinBank có mối quan hệ chặt chẽ với hầu hết các tổ chức tài chính ngân hàng tại Việt Nam bao gồm các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, Công ty tài chính, các công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư
- Các tổ chức kinh tế: Với vai trò là 1 trong 4 ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất, VietinBank cung cấp dịch vụ cho phần lớn các tập đoàn và tổng công ty như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)..., Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng, Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn. Bên cạnh đó các khách hàng tổ chức của VietinBank còn có các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty cổ phần trong cả nước.
- Các cá nhân: hiện nay VietinBank đã triển khai rộng rãi các dịch vụ cho cá nhân như huy động tiền gửi có kỳ hạn, cho vay phát triển kinh tế gia đình, cho vay tiêu dùng, cho vay mua nhà trả góp ...

Thị trường hoạt động của VietinBank bao phủ khắp các ngành nghề trong đó có nông lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, công nghiệp khai mỏ, sản xuất và phân phối điện khí đốt, xây dựng, thương mại, xuất nhập khẩu, khách sạn nhà hàng....

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008 -2009 và Quý II/2010**

**7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008-2009 và Quý II/2010**

**Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2008 – 2009 và Quý II/2010**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2008	2009 Từ 01/01/09 đến 02/7/2009	2009 Từ 03/07/09 đến 31/12/2009	Quý II/2010 (*)
<b>Tài sản, nguồn vốn</b>				
Tổng tài sản	193.590.357	218.561.995	243.785.208	294.637.802
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	18.273.849	26.444.874	24.045.152	33.654.828
Cho vay và tạm ứng khách hàng	118.601.677	136.385.609	161.619.376	184.806.682
Đầu tư vào chứng khoán	40.959.079	35.538.416	38.977.048	54.806.752
Tổng nợ phải trả	181.254.198	204.985.759	231.007.895	278.039.693
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.824.710	6.876.423	15.012.157	19.499.962
Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	121.634.466	139.413.318	148.530.242	155.131.205
Vốn chủ sở hữu	12.336.159	13.381.740	12.572.078	16.403.367
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Thu nhập hoạt động	8.694.253	4.252.033	5.428.316	7.062.305
Chi phí hoạt động	(4.957.685)	(2.251.726)	(3.163.552)	(3.293.000)
Dự phòng rủi ro	(1.300.180)	78.575	(586.475)	(813.084)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự	3.736.568	2.000.307	2.264.764	2.956.221

Chỉ tiêu	2008	2009 Từ 01/01/09 đến 02/7/2009	2009 Từ 03/07/09 đến 31/12/2009	Quý II/2010 (*)
trữ rủi ro tín dụng				
Lợi nhuận trước thuế	2.436.388	2.078.882	1.678.289	2.143.136
Lợi nhuận sau thuế	1.804.464	1.589.461	1.248.283	1.620.136
<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>				
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	1,35%	1,01%	0,72%	0,79%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	21,2%	15,53%	13,35%	17,04%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	28,02%	48,89%	30,91%	34,29%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân	1,00%	0,77%	0,56%	0,60%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,7%	11,87%	9,60%	12,88%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	20,75%	37,38%	30,20%	25,92%

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009 và Quý II/2010 của VietinBank*

Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

*Điều chỉnh số liệu tại ngày 02/7/2009*

Cho mục đích chuyển đổi doanh nghiệp của VIETINBANK từ Ngân hàng TM nhà nước thành Ngân hàng TMCP, vào ngày 02/7/2009, VIETINBANK đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 02/7/2009 nhằm xác định vốn nhà nước tại VIETINBANK trước thời điểm chính thức chuyển đổi và hoạt động như là một ngân hàng TMCP từ ngày 03/7/2009. Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập dựa trên tình hình thực tế kinh doanh của VIETINBANK cho giai đoạn nói trên và các chính sách, quy định của các cơ quan chức năng có ảnh hưởng đến hoạt động của VIETINBANK cho đến thời điểm đó.

Tuy nhiên, đến ngày 23/12/2009, VIETINBANK đã nhận thêm một số hướng dẫn của cơ quan chức năng như quyết định của cơ quan liên bộ và Ngân hàng Nhà nước về việc tính toán quỹ lương cho VIETINBANK và sau đó là Ngân hàng TMCP Công thương

Việt Nam cho năm 2009 và cơ sở để phân loại nợ và trích lập dự phòng cho báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến 02/7/2009. Ngoài ra, một số chi phí phát sinh trong giai đoạn trên cũng đã được quyết toán vào nửa cuối năm 2009 và các số liệu này ảnh hưởng trực tiếp đến số liệu trên các báo cáo tài chính hợp nhất của VIETINBANK cho giai đoạn từ 01/01/2009 đến 02/7/2009.

Do vậy, ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu tại ngày 02/7/2009 theo các văn bản hướng dẫn bổ sung nói trên.

Ngoài ra, trong năm 2009, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2008 của VIETINBANK. Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu tại ngày 02/7/2009 theo các điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh nói trên đến số liệu tài chính tại ngày 02/7/2009 được trình bày cụ thể trong Báo cáo kiểm toán của VIETINBANK tại ngày 31/12/2009, mục 46 “Thuyết minh báo cáo tài chính”.

(\*): Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2010 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm cập nhật vào Bản cáo bạch là báo cáo chưa soát xét.

## **7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo**

### **a. Nhân tố thuận lợi**

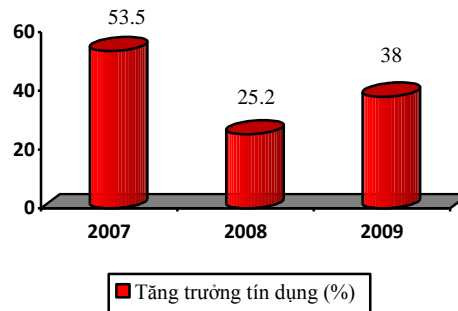
#### **Tiềm năng phát triển của ngành tài chính - ngân hàng**

Trong thời gian qua, ngành ngân hàng đã có sự tăng trưởng nhanh chóng cả về số lượng và quy mô. Số lượng ngân hàng tăng từ 9 ngân hàng trong năm 1991 lên 102 ngân hàng vào đầu năm 2009. Số lượng ngân hàng tăng lên tập trung vào 2 khối ngân hàng thương mại cổ phần (38 ngân hàng) và ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài (63 ngân hàng). Điều này cho thấy sức hấp dẫn của ngành ngân hàng Việt Nam đối với các nhà đầu tư trong nước cũng như các tổ chức tài chính quốc tế. Về cơ cấu thị phần, đến cuối năm 2009, các Ngân hàng TM quốc doanh chiếm khoảng 52% tổng tài sản trong hệ thống, các NHTM CP chiếm khoảng 38%, phần còn lại thuộc về khối các ngân hàng có vốn nước ngoài.

Bên cạnh sự tăng trưởng về số lượng, quy mô hoạt động của hệ thống ngân hàng cũng tăng trưởng mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng hoạt động tín dụng và huy động tiền gửi ở mức rất cao, đạt trung bình trên 35% năm trong

#### **Hình 23: Tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2007-2009**

suốt giai đoạn 2002-2008. Trong năm 2009, tỷ lệ này khoảng 38%.



Nguồn: VietinBank

Bên cạnh đó tiềm năng thị trường đối với ngành ngân hàng còn rất lớn. Số lượng người dân Việt Nam sử dụng các dịch vụ ngân hàng còn khiêm tốn. Với dân số gần 87 triệu người nhưng chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản ngân hàng tại Việt Nam, trong số đó 6 triệu tài khoản được mở trong hai năm gần đây, với khoảng 50% tổng số giao dịch vẫn sử dụng tiền mặt, 4 triệu người sử dụng thẻ tín dụng. Điều này cho thấy chỉ khoảng 8% dân số có tài khoản ngân hàng - một tỷ lệ nằm trong số thấp nhất toàn cầu (Nguồn: ADB), như ở Singapore, tỷ lệ này là 95%, ở Malaysia là 65%, ở Thái Lan là 46%. Do vậy thị trường ngân hàng trong nước còn nhiều tiềm năng phát triển.

**VietinBank là Thương hiệu lớn có mạng lưới hoạt động rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước**

Tiền thân là một trong bốn Ngân hàng thương mại Nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, VietinBank có tổng tài sản chiếm hơn 10% trong toàn bộ hệ thống ngân hàng. Nguồn vốn luôn tăng trưởng qua các năm, tăng mạnh kể từ năm 1996, đạt bình quân hơn 20%/năm, đặc biệt có năm tăng 35% so với năm trước. Trong năm 2008, VietinBank là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu tại Việt Nam và quốc tế.

Với mạng lưới hoạt động phân bố trên 62 tỉnh, thành phố có mặt tại tất cả các thành phố lớn, như Hà Nội (13 chi nhánh và 01 sở giao dịch), Tp. HCM (18 chi nhánh), các khu công nghiệp, khu kinh tế thương mại, vùng đông dân cư, VietinBank có lợi thế cung cấp các dịch vụ truyền thống, dịch vụ hiện đại và các dịch vụ giá trị gia tăng đến với mọi thành phần kinh tế.

**Hệ thống công nghệ thông tin ngân hàng hiện đại**

Hiện tại, hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT của VietinBank đã và đang được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, tạo tiền đề cho việc phát triển các dịch vụ mới trong tương lai theo mô hình ngân hàng hiện đại. Toàn bộ hệ thống mạng trải rộng khắp cả nước và luôn có phương án dự phòng đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt và đảm bảo cho việc giao dịch trực tuyến với “Hệ thống ngân hàng lõi”. Với hệ thống máy chủ mạnh, hệ thống lưu trữ đủ lớn được thiết kế theo hướng tập trung hoá và ảo hoá nhằm đảm bảo cho Hệ

thống ngân hàng lõi (Core Banking) hoạt động ổn định, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển trong vòng 03 đến 05 năm tới v.v.

**Hoàn thành việc cổ phần hóa và phát hành lần đầu ra công chúng trong năm 2009**

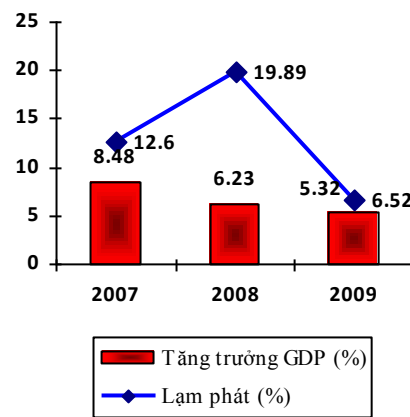
Năm 2009, VietinBank đã hoàn thành việc chuyển đổi từ Ngân hàng Nhà nước sang mô hình Ngân hàng cổ phần và chào bán thành công lần đầu ra công chúng. Đây là đợt chào bán thành công nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2008. Đến ngày 16/7/2009, cổ phiếu của VietinBank với mã giao dịch là CTG đã chính thức niêm yết giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM. Sau khi chuyển đổi, chiến lược của VietinBank là Xây dựng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững. Phấn đấu trở thành một Tập đoàn Tài chính ngân hàng mạnh trong khu vực vào năm 2015 đó là Tập đoàn hoạt động dựa trên hai trụ cột là Ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư; tiếp tục mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động thông qua việc phát triển mạng lưới, thành lập và liên kết thành lập các công ty kinh doanh trên lĩnh vực tài chính tiền tệ, ngân hàng và các lĩnh vực kinh doanh liên quan khác.

**b. Nhân tố khó khăn**

**Diễn biến bất lợi của nền kinh tế Việt Nam và thế giới**

Những diễn biến trái chiều của nền kinh tế Việt Nam và thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong đó có các ngân hàng. Sau một năm 2008 đầy những biến động bất lợi từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam vẫn cho thấy khả năng tăng trưởng và giữ tỷ lệ lạm phát ở mức tương đối thấp. Tuy nhiên, những tàn dư của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vẫn còn âm ỉ và tác động đến thị trường tài chính nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Chính các yếu tố này tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

**Hình 24: Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2007-2009**



Nguồn: Tổng cục thống kê

Cùng với sự biến động mạnh của thị trường tiền tệ là sự thay đổi lớn của cơ cấu nguồn vốn theo hướng kỳ hạn ngắn dần, luồng tiền vào ngân hàng bị tác động bởi nhiều yếu tố như lạm phát, suy giảm kinh tế, tỷ giá ngoại tệ, tâm lý... mang lại rủi ro thị trường cho các tổ chức tín dụng Sự suy giảm liên tục của thị trường chứng khoán, thị trường bất

động sản trong nước, ảnh hưởng xấu của nền kinh tế thế giới tạo ra nhiều sức ép và khó khăn cho doanh nghiệp là khách hàng của ngân hàng.

### **Khó khăn do áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt**

Trên thị trường tài chính – ngân hàng hiện nay có 5 ngân hàng thương mại nhà nước, 39 ngân hàng thương mại cổ phần, 5 ngân hàng liên doanh, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 40 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 53 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 13 công ty cho thuê tài chính và 17 công ty tài chính. (nguồn Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 31-03-2010 <http://www.sbv.gov.vn/vn/home/htTCTD.jsp>.)

Trước đây với lợi thế về vốn, tài sản và mạng lưới hoạt động, các ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN) đóng vai trò tạo lập sân chơi. Trong vài năm trở lại đây các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) đã đạt được mức tăng trưởng vượt trội về vốn, quy mô hoạt động. Các ngân hàng này liên tục mở rộng mạng lưới các chi nhánh và các văn phòng đại diện. Hiện nay, thị phần đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ giữa khối NHTMNN và khối NHTMCP. Thị phần cho vay năm 2000 của khối NHTMNN chiếm 77% nhưng năm 2006 con số này đã giảm xuống còn 55%. Thị phần cho vay năm 2000 của khối NHTMCP là 9% thì năm 2006 con số này đã tăng lên 29%. Thị phần huy động năm 2000 của khối NHTMNN đạt 77% nhưng năm 2006 thì chỉ còn 59%. Con số này đối với NHTMCP tăng từ 11% năm 2000 lên 30% năm 2006. Đến năm 2009, tỷ lệ thị phần cho vay và huy động vốn của khối các NHTM quốc doanh có giảm đôi chút. Đây cũng có thể là dấu hiệu cho thấy sức cạnh tranh ngày càng lớn từ các NHTM CP và khối các NH nước ngoài.

Bên cạnh sự lớn mạnh của hệ thống các NHTMCP, hoạt động của các ngân hàng nước ngoài đang ngày càng được mở rộng. Theo cam kết hội nhập, từ 01/04/2007 Việt Nam cho phép các ngân hàng 100% vốn nước ngoài được hoạt động và thực hiện hầu hết các nghiệp vụ như một ngân hàng nội địa – hiện đã có 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài được cấp phép thành lập là Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải và Ngân hàng Standard Chartered Bank và ngân hàng ANZ, Ngân hàng Hồng Leong Việt Nam, Ngân hàng Shinhan Việt Nam.

## **8. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành**

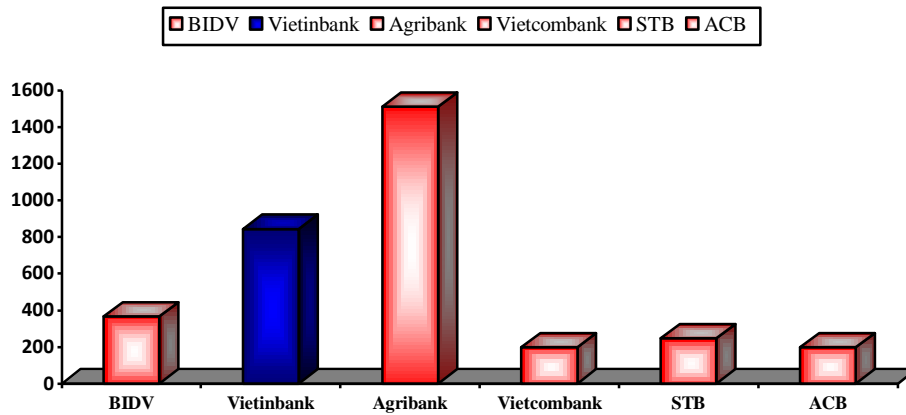
### **8.1. Vị thế của VietinBank trong ngành**

VietinBank là một trong 4 ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường hiện nay với tổng tài sản chiếm khoảng 10% tổng tài sản toàn hệ thống, thị phần huy động vốn chiếm 12%, thị phần cho vay chiếm 11,6% của toàn hệ thống, mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch đứng thứ 2 toàn quốc sau Agribank. Với thương hiệu tốt và mối quan hệ chặt chẽ với nhiều khách hàng truyền thống, cùng với nền tảng tài chính vững mạnh, VietinBank luôn là một trong những Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

#### **Về mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch**

**Hình 25: Mạng lưới hoạt động của VietinBank và các Ngân hàng khác**



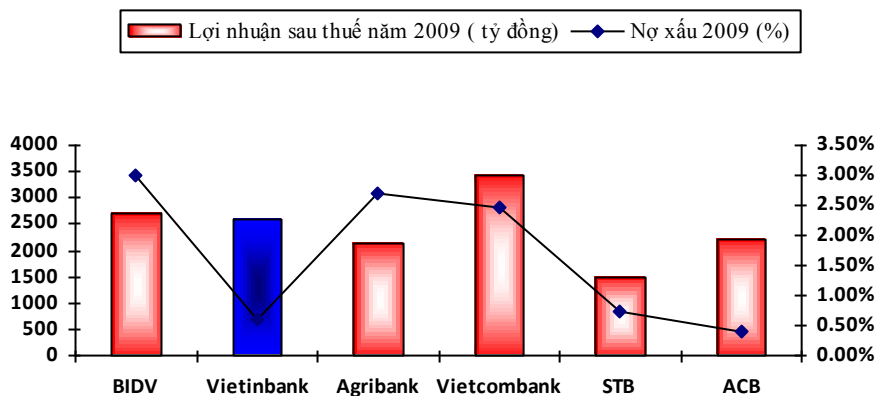


Nguồn: website và Báo cáo thường niên các ngân hàng

Tại thời điểm 31/12/2009, VietinBank có mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch đứng thứ 2 toàn quốc sau Agribank với 01 Hội sở chính; 01 Sở Giao dịch; 149 chi nhánh; 695 phòng giao dịch; 98 quỹ tiết kiệm; 1.092 máy rút tiền tự động (ATM); 02 Văn phòng đại diện; và 04 Công ty con bao gồm Công ty cho thuê tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (VietinBankSc) và Công ty Bất động sản và đầu tư tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty Bảo hiểm Ngân hàng công thương Việt Nam; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực và 01 liên doanh là Ngân hàng Indovina.

**Về hiệu quả hoạt động kinh doanh**

**Hình 26: Lợi nhuận sau thuế và tỷ tỷ lệ nợ xấu của VietinBank và các ngân hàng khác**

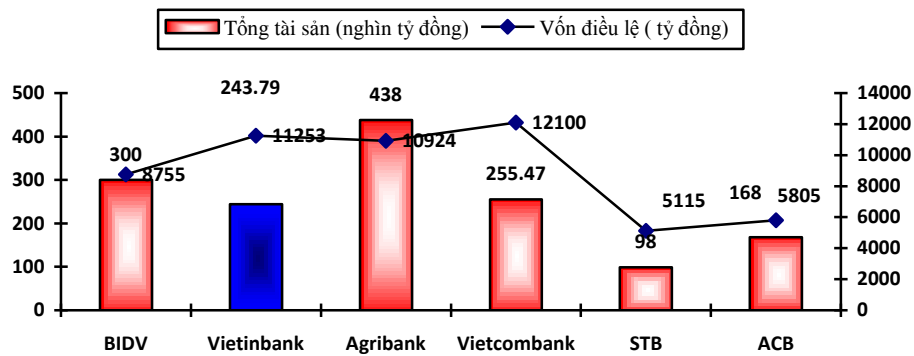


Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009 các Ngân hàng

Hiện nay, Cơ cấu dư nợ của VietinBank tương đối hợp lý; tỷ lệ dư nợ xấu thuộc loại thấp nhất trong hệ thống. VietinBank đã áp dụng thực hiện xử lý tập trung các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, học tập mô hình các ngân hàng lớn tiên tiến trên thế giới đang áp dụng, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng doanh số thanh toán xuất nhập khẩu, đồng thời là kênh huy động vốn ngoại tệ có hiệu quả.

Về Quy mô

**Hình 27: Tương quan Tổng tài sản và vốn điều lệ của VietinBank với các ngân hàng khác năm 2009**



*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2009 các Ngân hàng*

Sau khi chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần, VietinBank trở thành ngân hàng cổ phần có vốn điều lệ lớn thứ 2 trên thị trường sau Vietcombank (11.380 tỷ đồng) và trở thành công ty đại chúng, nâng cao tính minh bạch và khả năng quản trị doanh nghiệp. Với hiệu quả kinh doanh trong quá khứ tốt cùng chiến lược phát triển rõ ràng và có trọng tâm, mục tiêu của VietinBank là trở thành Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

**Về thị phần**

VietinBank là một trong những Ngân hàng lớn nhất tại Việt Nam với thị phần cho vay chiếm 11,6% của toàn hệ thống, thị phần huy động vốn chiếm 12% toàn hệ thống và là một trong những ngân hàng hàng đầu trong lĩnh vực huy động nội tệ. Trong lĩnh vực phát hành thẻ nội địa, thị phần của VietinBank chiếm khoảng 17% thị trường thẻ trong nước. Đồng thời VietinBank đang nắm giữ khoảng 11% thị phần tài trợ thương mại nhập khẩu và 8% thị phần tài trợ thương mại xuất khẩu năm 2009.

**8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Năm 2010 tiếp tục được nhận định là năm sẽ có nhiều khó khăn cho ngành ngân hàng với tăng trưởng và lợi nhuận thấp. Lãi suất trên thị trường huy động vốn thường xuyên thay đổi trong năm 2009 và dự báo tiếp tục xu hướng đó trong giai đoạn đầu năm 2010 khiến cho thu nhập của Ngân hàng phần nào bị ảnh hưởng. Suy thoái kinh tế và sụt giảm nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam dẫn đến nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp không cao. Tăng trưởng tín dụng giảm đồng nghĩa với việc các ngân hàng phải giảm bớt lợi nhuận từ hoạt động truyền thống vốn chiếm tới 60-70% thu nhập của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, nguy cơ về nợ xấu của các ngân hàng vẫn còn tiềm ẩn.

Mặc dù vậy, ngành Ngân hàng vẫn là ngành tiềm năng trong tương lai. Với dân số khoảng 87 triệu người (đứng thứ 13 trên thế giới), hiện mới chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản được mở. Tỷ lệ tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán ở Việt Nam giai đoạn năm

2009 là 17,10%, cao hơn so với nhiều nước trong khu vực ước tính khoảng 50% tiết kiệm cá nhân được giữ bên ngoài hệ thống ngân hàng chính thống dưới dạng tiền mặt, vàng và các tài sản khác. Trong các năm tới, khi nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chuyển đổi từ nền kinh tế tiền mặt sang hệ thống tài chính chính thống, tỷ lệ thâm nhập dịch vụ tài chính dự kiến sẽ có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ. Cuối năm 2006, Chính phủ đã phê duyệt đề án “Thanh toán không dùng tiền. Mục tiêu của đề án là đến năm 2020, tỷ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán là 15%, số lượng tài khoản cá nhân đạt 45 triệu, hơn 90% người lao động lĩnh lương qua tài khoản và 95% khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp được thực hiện qua ngân hàng.

Cùng với tiềm năng của ngành Ngân hàng, triển vọng nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới có nhiều lạc quan mặc dù khó có sự hồi phục nhanh chóng của kinh tế Việt Nam. Thứ nhất, kinh tế Trung quốc có thể tăng trưởng mạnh trở lại ngay trong năm nay và 2011 làm tăng mạnh nhu cầu và giá trị hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phục vụ cho nhu cầu nội địa của Trung quốc. Thứ hai, thị trường tín dụng quốc tế hồi phục nhanh chóng tạo đà cho sự khởi động lại của dòng vốn FDI vào Việt Nam khi các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục chiến lược Trung quốc + 1 bị khủng hoảng tài chính làm dang dở. Thứ ba, có sự thay căn bản về cách thức ra quyết định về phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế dựa trên hiệu quả toàn diện gắn với các nguyên tắc thị trường thay vì dựa quá nhiều vào các yếu tố phi thị trường.

**Bảng 14: Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam 2010 - 2011**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010F	2011 F
Tốc độ tăng GDP	%	6,5	7,00
Tăng lượng hàng hóa bán lẻ	%	8	8,5
Xuất nhập khẩu			
- <i>Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu</i>	%	5	6
- <i>Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu</i>	%	5	5
- <i>Thâm hụt cán cân thương mại</i>	Tỷ USD	8,58	7,45
FDI thực hiện	Tỷ USD	8,3	11
Tỷ lệ đầu tư/GDP	%	37,5	45
Tăng trưởng tín dụng	%	30	35
Tăng CPI bình quân 12 tháng	%	8,0	8,5

*Nguồn: Bộ phận phân tích Phòng Đầu tư - VietinBank*

### **8.3.Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Là Ngân hàng trong đó Nhà nước nắm phần vốn chi phối, VietinBank là một trong những doanh nghiệp hỗ trợ cho Ngân hàng Nhà nước để thực hiện các mục tiêu, chính sách tiền tệ đề ra, giúp kiểm soát và điều tiết thị trường tài chính. Mục tiêu chiến lược của VietinBank là xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam trở thành Tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, xếp hạng tiên tiến trong khu vực: đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; Quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững, ngân hàng.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng do Việt Nam có thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn và các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô đã dần phát huy tác dụng, nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá so với các nước khác trên thế giới. Theo nhiều nhận định, thế giới sẽ thoát khỏi giai đoạn trì trệ nhất vào cuối năm 2009 và bắt đầu tăng trưởng trở lại từ năm 2010. Sự phục hồi của nền kinh tế sẽ tạo động lực phát triển tốt cho ngành ngân hàng. Do vậy, để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nền kinh tế và thích ứng tốt trong tương lai, VietinBank đã và đang xây dựng mô hình của một ngân hàng đa năng và năng động. VietinBank hiện là Ngân hàng đầu tiên được Chính phủ cho phép thành lập Tập đoàn tài chính - ngân hàng theo quyết định số 1354/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam.

VietinBank đặt mục tiêu tăng trưởng tài sản hàng năm 20-22%/năm; tăng cường quản lý rủi ro, đảm bảo nợ xấu dưới 3%; phần đầu duy trì hệ số an toàn vốn lớn hơn 11%; ROE bình quân đạt trên 8%, tỷ lệ cổ tức giai đoạn 2010-2012 phần đầu ở mức 12%.

Sự phát triển của ngành ngân hàng đã có vai trò tác động tích cực trở lại tạo động lực cho sự phát triển kinh tế. Vốn ngân hàng đã và sẽ tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp, các dự án lớn của đất nước, góp phần định hướng sự phát triển kinh tế của nhiều địa phương trong cả nước.

Trong thời gian tới, VietinBank sẽ tìm kiếm và hợp tác cùng với đối tác chiến lược nước ngoài để nâng cao chất lượng và sản phẩm dịch vụ ngân hàng đạt tầm quốc tế. Định hướng phát triển của VietinBank là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành ngân hàng, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

## **9. Chính sách đối với người lao động**

### **Số lượng lao động và cơ cấu lao động**

Tính đến thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động của VietinBank là 17.758 người, được phân loại như sau:

**Bảng 15: Phân loại lao động tại thời điểm 31/12/2009**

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>1.</b>	<b><i>Phân theo trình độ:</i></b>	<b>17.758</b>	<b>100</b>
+	Đại học và trên Đại học	12.865	72.45
+	Cao đẳng và cao cấp	945	5.32
+	Trung cấp và sơ cấp	1.186	6.68
+	Khác (bao gồm cả lao động phục vụ và hợp đồng ngắn hạn)	2.762	15.55
<b>2.</b>	<b><i>Phân theo thời hạn lao động:</i></b>	<b>17.758</b>	<b>100</b>
+	Lao động không phải ký hợp đồng	32	0.18
+	Lao động không xác định thời hạn	13.956	78.59
+	Lao động có thời hạn từ 1 – 3 năm	2.179	12.27
+	Lao động có thời hạn dưới 1 năm	1.591	8.96
<b>3.</b>	<b><i>Phân loại theo đơn vị kinh doanh</i></b>	<b>17.758</b>	<b>100</b>
+	Tại Hội sở chính	1.467	8,26
+	Tại chi nhánh, Công ty trực thuộc và đơn vị sự nghiệp khác	16.291	91,74

*Nguồn: VietinBank*

VietinBank luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của hệ thống VietinBank. Thực hiện chủ trương trên, VietinBank đã không ngừng tăng cường và cải thiện cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

Hàng năm, VietinBank thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu để các đơn vị tự chủ trong hoạt động kinh doanh, tiếp cận phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, dịch vụ; thường xuyên tổ chức các đợt học tập, thực tập, khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước về các lĩnh vực then chốt như quản trị rủi ro, giải

pháp công nghệ cho ngân hàng, tài trợ thương mại, thẩm định, dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ, v.v. Đặc biệt, VietinBank chú trọng nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất và năng lực cán bộ cho sự nghiệp phát triển của Ngân hàng, quan tâm tới chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, ưu đãi tiền lương cán bộ, thu hút tuyển dụng nhân tài, đánh giá sử dụng cán bộ đúng người đúng việc để phát huy hiệu quả công tác quản trị điều hành.

### **Các chính sách với người lao động**

#### *Chế độ làm việc*

Người lao động trong hệ thống VietinBank thực hiện làm việc theo HĐLĐ đã ký kết (trừ các chức danh không thuộc đối tượng ký kết HĐLĐ gồm: Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng). Thời giờ làm việc của người lao động không quá 08 giờ/ngày hoặc 48 giờ/tuần quy định tại Điều 6 Quy chế nội quy lao động ban hành kèm theo Quyết định 010/QĐ-HĐQT-VIETINBANK1 ngày 07/01/2009 của Hội đồng quản trị VietinBank và quy định tại Điều 9 Thỏa ước lao động tập thể số 01/TUTT-VIETINBANK1/BLĐ-CD ngày 06/03/2009 của VietinBank và Công đoàn VietinBank.

#### *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Ngân hàng đã ban hành Quy chế tuyển dụng lao động, theo đó Ngân hàng thực hiện việc tuyển dụng lao động có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh và tiêu chuẩn chức danh. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Ngân hàng, VietinBank đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. VietinBank thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khoá học bên ngoài do Ngân hàng đài thọ. Ngân hàng đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho toàn hệ thống.

#### *Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động trong VietinBank căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương theo Quy chế tiền lương đã được ban hành, bao gồm:

- Lương cơ bản: Người lao động được trả lương cơ bản theo hệ thống thang bảng lương Nhà nước quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và mức lương tối thiểu Nhà nước quy định theo từng giai đoạn.
- Lương kinh doanh: VietinBank thực hiện trả lương theo vị trí công việc, theo mức độ hoàn thành kế hoạch, công việc được giao trên cơ sở các mức lương VietinBank xây dựng tại quy định trả lương trong hệ thống VietinBank ban hành kèm theo Quyết định 126.

Mức lương trung bình năm 2006 là 5.495 nghìn đồng/người/tháng, năm 2007 là 8.374 nghìn đồng/người/tháng, năm 2008 là 11.271 nghìn đồng/người/tháng và năm 2009 là 15.610 nghìn đồng/người/tháng.

## 10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. VietinBank chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của VietinBank do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VietinBank hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
- Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của VietinBank.
- Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. VietinBank không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.
- VietinBank không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

## **Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng**

### **Hội đồng quản trị**

**1. Họ và tên:** **PHẠM HUY HÙNG** – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/11/1954

CMND: 011539613 ngày cấp: 19/01/2005 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ngõ Ngẩn, Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 06/154 phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế (1995 – 1997 Đại học Tài chính Kế toán)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

1973 đến 1978	Sinh viên Đại học Tài chính Kế toán khoa Ngân hàng
02/1978 đến 09/1980	Cán bộ Vụ thương nghiệp Vật tư Bộ Tài chính
10/1980 đến 06/1988	Cán bộ Vụ Tín dụng Thương nghiệp NHNN Việt Nam
07/1988 đến 02/1990	Phó văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam
02/1990 đến 03/1992	Phó Trưởng phòng tín dụng NHCT Việt Nam
04/1992 đến 04/1993	Trưởng phòng Tiền tệ Ngân hàng Công thương Việt Nam
05/1993 đến 04/1994	Phó Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình
05/1994 đến 10/1996	Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình
11/1996 đến 04/2002	Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam
04/2002 đến 07/2002	Quyền Tổng giám đốc NHCT Việt Nam
07/2002 đến 10/2007	UVHĐQT kiêm Tổng giám đốc NHCT Việt Nam



11/2007 đến 05/2009      Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng Công thương VN  
 Bí thư Đảng uỷ Ngân hàng Công thương Việt Nam

Từ 6/2009 đến Nay      Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công  
 thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  
 Chủ tịch HĐQT Công ty đầu tư và kinh doanh vàng Việt  
 Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty:      Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Đại diện vốn Nhà nước: 450.118.912 cổ phần tương đương (40% vốn điều lệ)

- Của bản thân: 3.000 CP

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 2.600 cp

- Vợ: Phạm Thị Hòa Minh 2.600 cp

**2. Họ và tên                   : PHẠM XUÂN LẬP - Ủy viên HĐQT**

Giới tính                       : Nam

Ngày tháng năm sinh   : 01/05/1953

CMND: 011155766      ngày cấp: 17/06/2004;      nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: xã Yên Từ - huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Yên Từ - Huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: 15A7 Ngõ 20 phố Trương Định - quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế (1997 – 2002, Học viện Ngân hàng)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

1971 đến 1974	Tốt nghiệp PTTH và tham gia sản xuất tại quê
1974 đến 1980	Học chính quy Đại học Tài chính Matxcowva, Liên Xô
11/1980 đến 11/1989	Cán bộ Vụ Kinh tế Kế hoạch – NHNN Việt Nam
11/1989 đến 01/1992	Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch – NHNN Việt Nam
02/1992 đến 03/1993	Chuyên viên phòng Tín dụng – NHCT Việt Nam
04/1993 đến 03/1994	Trưởng phòng Cân đối NHCT Việt Nam
03/1994 đến 04/1996	Giám đốc Điều hành Hội sở chính NHCT
05/1996 đến 12/1996	Phó Giám đốc NHCT khu vực Chương Dương
01/1997 đến 09/1999	Giám đốc VIETINBANK Ba Đình
10/1999 đến 10/2007	Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam
11/2007 đến 5/2009	Ủy viên HĐQT NHCT Việt Nam
11/2007 đến nay	Tổng Giám đốc NHCT Việt Nam
Từ 6/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Đại diện vốn Nhà nước: 337.589.184 cổ phần tương đương (30% vốn điều lệ)
  - Của bản thân: 2.800 cổ phần
- Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 55.000 cổ phần
- Vợ Trần Mỹ Phương sở hữu 50.000 cổ phần
  - Em trai Phạm Ngọc Dũng 5.000 cổ phần

**3. Họ và tên:**           **PHẠM THỊ HOÀNG TÂM** - Ủy viên HĐQT

Giới tính:       Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/06/1958

CMND: 020588498      ngày cấp: 18/10/2002            nơi cấp: Hồ Chí Minh

Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tỉnh Bến Tre

Địa chỉ thường trú: 133 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

1977 đến 1981	Sinh viên trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
01/1982 đến 04/1984	Cán bộ tín dụng Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre
04/1984 đến 05/1987	Trưởng phòng TD Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre
06/1987 đến 07/1988	Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre
08/1988 đến 05/1991	Phó Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre
05/1991 đến 10/1991	Quyền Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre
11/1991 đến 09/1999	Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre
10/1999 đến 01/2003	Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam
02/2003 đến 08/2006	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL
9/2006 - 5/2009	Ủy viên HĐQT - Ngân hàng Công thương VN, kiêm Trưởng ban Kiểm soát từ ngày 01/09/2007.
5/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Đại diện vốn Nhà nước: 216.377.404 cổ phần tương đương (19,23% vốn điều lệ)

- Của bản thân: 12.600 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 1.700 cổ phần

- Con trai: Nguyễn Tấn Phát sở hữu 1.700 cổ phần

**4. Họ và tên : TRẦN XUÂN CHÂU - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/03/1959

CMND: 010450227 ngày cấp: 11/07/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ thường trú: 504A, số 6 Lê Thánh Tông, TP Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngân hàng – K19 Trường Kinh tế Kế hoạch.

Quá trình công tác:

1977 đến 1982	Sinh viên trường Đại học Kinh tế Kế hoạch (Nay là trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Khoa Ngân hàng)
02/1983 đến 01/1991	Cán bộ Tín dụng chi nhánh NHCT Ba Đình
Từ 1985 đến 1991	Phó bí thư – Bí thư Đoàn cơ sở NHCT Ba Đình
Từ 1989 đến 1991	Đảng ủy viên – Đảng bộ NHCT Ba Đình

02/1991 đến 07/2008	Vụ quản lý các Ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước VN
Năm 1992	Phó trưởng phòng
Năm 1993	Trưởng phòng
04/1998	Phó vụ trưởng
08/2008 đến 5/2009	Ủy viên Hội đồng Quản trị NHCT Việt Nam
Từ 6/2009 đến nay	Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.  
 Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Số lượng chứng khoán sở hữu: 2.500 cổ phần  
 Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

**5. Họ và tên: NGUYỄN HỒNG VÂN - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/12/1969

CMND: 011567149                      ngày cấp: 15/03/2009                      nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cát Nhơn – Phù Cát – Bình Định

Địa chỉ thường trú: Số 62 Trần Quốc Toản, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng (năm 2007)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

1986 đến 1990	Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
12/1990 đến 07/1995	Cán bộ phòng Kế hoạch Ngân hàng Công thương
07/1995 đến 03/2003	Phó phòng Cân đối Tổng hợp NHCT
03/2003 đến 03/2006	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Đầu tư NHCT
03/2006 đến 08/2008	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Hỗ trợ ALCO NHCT
09/2008 đến 05/2009	Ủy viên HĐQT - Ngân hàng Công thương VN
5/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT - Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương VN

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Chủ tịch HĐQT Công ty Bảo hiểm NHCT VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 1.700 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

**6. Họ và tên: TRẦN THỊ HỒNG HẠNH - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07/11/1958

CMND: 010968764 ngày cấp: 18/02/2008 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phương Sơn – Triệu Phong – Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: 61 Nguyễn Du - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Phó tiến sĩ/ Tiến sĩ năm 1997.

Quá trình công tác:

11/1975 đến 01/1980	Sinh viên trường Đại học Tài chính Kế toán
07/1980 đến 11/1990	Giáo viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng
12/1990 đến 01/1993	Thực tập sinh tại Liên Xô
02/ 1993 đến 03/1993	Cán bộ Phòng Thông tin phòng ngừa rủi ro – Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
04/1993 đến 11/1994	Phó trưởng phòng – Phòng Thông tin phòng ngừa rủi ro
12/1994 đến 04/1998	Trưởng phòng Phòng Thẩm định dự án Vụ Tín dụng
04/1998 đến nay	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
06/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam
- Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chủ tịch Công đoàn bộ phận Vụ Tín dụng;
- UVBCH Công đoàn Ngân hàng Nhà nước Trung ương;
- UVBCH Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khoá X.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

**7. Họ và tên: ĐỖ THỊ THUỶ - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/01/1960

CMND: 010442664 ngày cấp: 08/11/2004 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thôn Thông Lộ, xã Cổ Thành, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 25 ngõ 12 Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

02/1982- 07/1997	Giảng viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội)
08/1997 - 02/2001	Cán bộ Tín dụng Trụ sở chính NHCT Việt Nam
03/2001 - 03/2003	Phó phòng Tín dụng Ngắn hạn NHCT Việt Nam
04/2003 - 10/2003	Trưởng phòng Tín dụng Ngắn hạn NHCT Việt Nam
11/2003 - 05/2007	Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCT
06/2007 - 07/2008	Giám đốc chi nhánh NHCT Ba Đình
08/2008 - 5/2009	Ủy viên HĐQT – Ngân hàng Công thương VN
06/2009 – nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện: Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán NHCT VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 7.600 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 7.500 cổ phần

- Chồng Kim Đức Thịnh sở hữu 7.500 cổ phần



**Ban Điều hành**

1. **Họ và tên:** **PHẠM XUÂN LẬP** - Tổng Giám đốc (sơ yếu lý lịch xem trong phần HĐQT)

2. **Họ và Tên:** **NGUYỄN VIỆT MẠNH** - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/02/1962

CMND: 110511834 ngày cấp: 22/5/1979 nơi cấp: CA Hà Sơn Bình

Nơi sinh: Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: 98 Vọng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

4/1984 – 3/1987	Cán bộ tín dụng Ngân hàng Quảng Nam-Đà Nẵng
4/1987 – 12/1992	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Công thương Đồng Đa
01/1993 – 01/1997	Phó phòng, TP Kế toán NHCT Đồng Đa
02/1997 – 01/1999	Phó Giám đốc Ngân hàng Công Thương Đồng Đa
02/1999 – 9/1999	Giám đốc Ngân hàng Công Thương Đồng Đa
10/1999 – 3/2003	Giám đốc Ngân hàng Công Thương Ba Đình
4/2003 đến nay	Phó Tổng giám đốc NH TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng giám đốc VietinBank
- UV HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- UV HĐQT Công ty Banknet

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 2.400 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 2.400 cổ phần

- Vợ Vũ Thị Lan Hương sở hữu 2.400 cổ phần

**3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẠNH - Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1960

CMND: 012708469 ngày cấp: 24/5/2004 nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi sinh: Vụ Bản, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 38/160 Phố Hào Nam, quận Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

04/1982 – 04/1985 Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Thị xã Hồng Gai

05/1985 – 3/1991 Cán bộ kế toán Ngân hàng Hà Nam Ninh

04/1991 – 8/1994 Phó phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Việt Nam

09/1994 – 01/1996 Chánh văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam

02/1996 – 9/1999 Trưởng phòng Quản lý tài chính VietinBank

Từ 10/1999 đến nay Phó tổng Giám đốc VietinBank

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó tổng Giám đốc VietinBank
- UV HĐQT Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 2.600 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 4.600 cổ phần

- Vợ Đỗ Thị Kim Thoa nắm giữ 4.600 cổ phần

**4. Họ và tên:** NGUYỄN VĂN DU – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/6/1962

CMND:Số 010311024 ngày cấp: 09/12/2002 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 12A02, Nhà 24T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.394211200

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

3/1986-7/1987	Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHNN huyện Thanh Trì, Hà Nội
8/1987-02/1991	Cán bộ Phòng Tín dụng Chi nhánh VietinBank Đống Đa
3/1991-3/1995	Cán bộ Phòng Kinh tế Đối ngoại VietinBank
4/1995-6/1995	Phó trưởng Phòng Kinh tế đối ngoại VietinBank
7/1995-3/1996	Quyền Trưởng phòng Khai thác vốn quốc tế VietinBank
4/1996-3/2003	Trưởng phòng Quan hệ đại lý và khai thác vốn quốc tế VietinBank

4/2003-7/2008 Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo VietinBank

8/2008-Nay Phó Tổng giám đốc VietinBank

Chức vụ công tác hiện nay:

5/1997-nay Ủy viên Hội đồng quản trị NHLĐ Indovina

2004-nay Ủy viên Thường vụ Đảng ủy VietinBank

2007-nay Chủ tịch Công đoàn Trụ sở chính VietinBank

2008-nay Chủ tịch Công đoàn VietinBank

8/2008 – Nay Phó Tổng giám đốc VietinBank

2009 - Nay Ủy viên Ban chấp hành TW Hiệp hội Kinh doanh Vàng VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 12.200 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 400 cổ phần

- Anh Trai Nguyễn Cao Khánh nắm giữ 400 cổ phần

**5. Họ và tên: PHẠM ANH TUẤN - Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/4/1966

CMND: 021744805 ngày cấp: 23/02/2006 nơi cấp: CA TP HCM

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 157/23/2B Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

8/1990-1/1994	CB Trung tâm tính toán NH TP Hồ Chí Minh, Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương Việt Nam
02/1994 – 2/1995	Phó trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II VietinBank
3/1995 – 9/1997	Trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II
10/1997 – 4/1999	Phó phòng TTĐT Sở giao dịch II VietinBank
5/1999 – 5/1999	Phó phòng TTĐT Văn phòng Đại diện
6/1999 – 7/2008	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin VietinBank
8/2008 đến nay	Phó tổng giám đốc VietinBank

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

Số lượng chứng khoán nắm giữ của cá nhân: 51.800 cp

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 6.700 cp

- Vợ Đoàn Thị Thu Hà nắm giữ 6.700 cổ phần

**6. Họ và tên:**                    **BÙI NHƯ Ý – Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/4/1962

CMND: 011706614    ngày cấp: 25/7/2007                    nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Bắc, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Nhà 24 Ngõ 81 đường Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

11/1984 - 4/1990	Cán bộ Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng
5/1990 - 3/1993	Cán bộ tín dụng NHCT Hà Nội
4/1993 - 4/1995	Cán bộ tín dụng NHCT Việt Nam
05/1985 - 9/1997	Phó phòng XD&QLDA đầu tư NHCT VN
10/1997- 10/2003	Phó phòng QLDA&TDTH NHCT VN
11/2003 - 2/2006	Trưởng phòng Quản lý tín dụng NHCT VN
3/2006 - 5/2007	Trưởng phòng Chế độ tín dụng, đầu tư NHCT VN
06/2007 - 7/2008	Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn NHCT
8/2008 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc NHCT VN

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 11.985 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

**7. Họ và tên:** **VÕ MINH TUẤN** – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/10/1967

CMND: 022835428 ngày cấp: 24/10/2008 nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh

Nơi sinh: Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: 160 Ông Ích Khiêm, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)

Quá trình công tác:

01/1990 - 02/1998	Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHCT chi nhánh TP.HCM
03/1998 - 07/2001	Phó Phòng Thanh toán Quốc tế NHCT Chi nhánh TP. HCM
08/2001 - 09/2005	Trưởng phòng Kế toán tài chính NHCT Chi nhánh TP.HCM
10/2005 - 01/2008	Phó Giám đốc NHCT Chi nhánh TP.HCM
02/2008 - 03/2010	Giám đốc NHCT Chi nhánh 1 TP.HCM
04/2010 - nay	Phó Tổng Giám đốc NHCT VN

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc NHCTK VN

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 4.300 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 2.061 cổ phần

- Vợ Trần Kim Thu nắm giữ 2.061 cổ phần

**8. Họ và tên:**           **LÊ ĐỨC THỌ** – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/7/1970

CMND: 012942814    ngày cấp: 11/4/2007            nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: P108, Nhà C3, Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

11/1991 - 12/1992	Cán bộ Phòng Kế toán NHCT chi nhánh Vĩnh Phú
01/1993 - 03/1995	Cán bộ Phòng Thông tin điện toán NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú
04/1995 - 08/1996	Cán bộ Phòng Tín dụng NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú
09/1996 - 12/1996	Tổ trưởng tổ thẩm định thuộc Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú
01/1997- 04/2002	Phó Trưởng Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Phú Thọ
05/2002 – 05/2003	Cán bộ Phòng Tín dụng Trung dài hạn và QL Dự án NHCT VN
06/2003 - 10/2003	Phó Trưởng Phòng Cân đối tổng hợp NHCT VN
11/2003 – 02/2006	Phó Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp và Đầu tư NHCT VN
03/2006 – 03/2010	Trưởng Phòng Đầu tư NHCT VN
04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần PCB

Ủy viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán NHCT

Ủy viên HĐQT, Trưởng BKS Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vàng Việt Nam

Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không



Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 15.700 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 5.000 cổ phần

- Vợ Trần Thị Minh Vỹ nắm giữ 5.000 cổ phần

**Họ và tên:** NGUYỄN VĂN CHUNG – Kế toán trưởng

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 10/01/1956

**CMND:** 011700004 ngày cấp: 24/10/2005 nơi cấp: CA Hà Nội

**Nơi sinh:** Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Tây

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Tây

**Địa chỉ thường trú:** 59 Ngõ 7 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, TP Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:**

**Trình độ văn hóa:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế (Đại học Tài chính)

**Quá trình công tác:**

02/1975-7/1980 Bộ đội Trung đoàn 559 BCH QS An Giang

8/1980 – 02/1985 Chuyển ngành đi học

3/1985- 3/1990 Cán bộ, Trưởng phòng NHĐTư Hà Sơn Bình

4/1990- 3/1992 Cán bộ kế toán NHCT VN

4/1992- 3/1994 Phó phòng Kế toán Thanh toán Quốc tế NHCT VN

4/1994 – 3/1998 Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế NHCT VN

4/1998 đến nay Kế toán trưởng NHCT VN

**Chức vụ công tác hiện nay:** Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):** Không

**Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:** Không

**Các khoản nợ đối với Công ty:** Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 53.300 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 13.223 cổ phần

- Vợ Nguyễn Thị Đào nắm giữ 1.900 cổ phần
- Con gái Nguyễn Thanh Hằng nắm giữ 4.123 cổ phần
- Con trai Nguyễn Tiến Dũng nắm giữ 5.200 cổ phần
- Em trai Nguyễn Văn Thức nắm giữ 2.000 cổ phần

### **Ban kiểm soát**

**1. Họ và tên:**                   **TRẦN THỊ LỆ NGA** - Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính:       Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07/09/1961

CMND: 010479290      ngày cấp: 18/06/2001            nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Diệu, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 150 Tổ 4, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, khoá 11 trường ĐHKT Quốc Dân

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

1979 - 1983	Sinh viên trường Cao đẳng Ngân hàng
04/1984 - 08/1988	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước huyện Gia Lâm
09/1988 - 04/1994	Cán bộ Tín dụng Chi nhánh NHCT Chương Dương
05/1994 - 11/1994	Phó phòng Kinh doanh chi nhánh NHCT Chương Dương
12/1994 - 05/2001	Trưởng phòng Kinh doanh ĐN - NHCT Chương Dương
06/2001 - 03/2003	Phó Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương
04/2003 - Nay	Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương

06/2009 – Nay                      Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần  
 Công Thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần  
 Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 20.325 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 430 cổ phần

- Em trai Trần Công Thành nắm giữ: 430 cổ phần

**2. Họ và tên                      : PHAN THỊ QUÝ - Ủy viên Ban kiểm soát**

Giới tính:            Nữ

Ngày tháng năm sinh: 24/09/1954

CMND: 011090342            ngày cấp: 28/10/2008            nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tỉnh Hà Tây ( nay là thành phố Hà Nội)

Địa chỉ thường trú: Phòng 501A, D3 tổ 78, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- |                   |  |
|-------------------|--|
| 01/1974 - 02/1978 | Sinh viên trường Đại học Tài chính   |
| 02/1978 - 06/1979 | Làm công tác cải tiến quản lý Tài chính của Bộ Tài chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.  |
| 06/1979 - 12/1980 | Giáo viên trường Trung học Ngân hàng miền núi Bắc Thái tại Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên |

01/1981 - 07/1994	Giáo viên trường Trung học Ngân hàng 4 tại Sơn Tây, Hà Tây
07/1994 - 08/1998	Cán bộ Tín dụng tại chi nhánh NHCT Khu vực Ba Đình
09/1998 - 05/2005	Cán bộ Tín dụng tại phòng Tín dụng ngắn hạn phòng Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Trụ sở chính NHCT
06/2005 - 12/2007	Kiểm tra viên tại Ban Kiểm tra kiểm soát Nội bộ NHCT
01/2008- 5/2009	Thành viên Ban Kiểm soát HĐQT – Ngân hàng công thương Việt Nam
06/2009 - Nay	Ủy viên Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 6.000 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 1.500 cổ phần

- Con gái Nguyễn Thu Trà nắm giữ 1.500 cổ phần

**3. Họ và tên: PHẠM THỊ THOM** - Ủy viên Ban kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/02/1969

CMND: 012468828 ngày cấp: 10/09/2001 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Xã Yên Từ - huyện Yên Mô – tỉnh Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Yên Từ - huyện Yên Mô – tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Số nhà 33 ngõ 12 - Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

10/1986 đến 10/1990	Sinh viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội)
03/1991 đến 09/2001	Nhân viên Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hà Nội
10/2001 đến 09/2003	Phó phòng Kế toán Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hà Nội
10/2003 đến 12/2005	Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng No&PTNT chi nhánh HN
01/2006 đến 10/2006	Chuyên viên phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN
11/2006 đến 12/2008	Phó phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN
Từ 01/2009 đến nay	Trưởng phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN
06/2009 đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam
- Trưởng phòng Chế độ Vụ Tài chính – Kế toán NHNN VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VietinBank**

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Quy mô vốn				

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
- Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	5.637.625	10.646.529	12.336.159	12.572.078
- Tổng tài sản Có (triệu đồng)	135.442.520	166.112.971	193.590.357	243.785.208
- Tỷ lệ an toàn vốn Car	5,18%	11,62%	12,02%	8,06%
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Số dư huy động vốn (triệu đồng)	126.625.018	151.366.517	174.905.680	220.591.438
- Số dư cho vay (triệu đồng)	80.142.030	102.190.640	120.752.073	163.170.485
- Nợ nhóm 2 (triệu đồng)	4.048.956	1.222.461	3.968.311	1.660.011
- Nợ xấu (triệu đồng)	1.128.278	1.030.707	2.187.345	1.000.809
- Hệ số sử dụng vốn				
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	15,61%	18,78%	21,2%	20,66%
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,48%	0,76%	1,00%	1,54%
- Tỷ lệ nợ nhóm 2/ Dư nợ cho vay	5,00%	1,19%	3,28%	1,02%
- Tỷ lệ nợ xấu/ Dư nợ cho vay	1,40%	1,01%	1,81%	0,61%
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Khả năng thanh toán ngay (%) <sup>(*)</sup>	30,7%	31,1%	25,7%	29,27%
- Khả năng thanh toán chung (%) <sup>(**)</sup>	52,8%	53,9%	55,9%	58,70%

(Nguồn: VietinBank)

$$(*) \text{ Khả năng thanh toán ngay} = \frac{\text{Tài sản Có có thể thanh toán ngay}}{\text{Tài sản Nợ phải thanh toán ngay}}$$

$$(**) \text{ Khả năng thanh toán chung} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn}}{\text{Nguồn vốn dùng để cho vay trung, dài hạn}}$$

## 12. Tài sản

Bảng chỉ tiêu trên cho thấy trong giai đoạn 2006-2009, VietinBank đã có sự tăng trưởng cả về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

Về quy mô, tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu năm 2007 đạt 88,8%, năm 2008 tăng 15,8%; đến năm 2009 tỷ lệ này không có biến động nhiều. Tốc độ tăng trưởng tài sản có năm 2007 đạt 22,6%, năm 2008 đạt 16,5%, năm 2009 đạt 25,90%. Tỷ lệ an toàn vốn Car đã có sự cải thiện rõ rệt từ 5,18% năm 2006 lên 11,62% năm 2007 và 12,02% năm 2008, năm 2009 là 8,06% cao hơn so với quy định của NHNN.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tốc độ tăng trưởng huy động vốn năm 2007 là 19,5%, năm 2008 là 9,6%, năm 2009 là 26,10%; tốc độ tăng trưởng số dư cho vay năm 2007 là 25,3%, năm 2008 đạt 18,03%, năm 2009 là 35,10%. Tỷ lệ nợ nhóm 2/Dư nợ cho vay

cũng có xu hướng giảm dần từ 5,00% năm 2006 xuống còn 1,19% năm 2007 và 3,28 % năm 2008; tỷ lệ nợ xấu từ 1,4% năm 2006 xuống còn 1,01% năm 2008. Trong năm 2009, tỷ lệ nợ xấu của VietinBank chỉ có 0,61%. Trong giai đoạn 2006-2009, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu liên tục được cải thiện. ROE năm 2009 đạt 20,6%.

**13.1. Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2009**

**Bảng 17: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2009**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>3.699.517</b>	<b>1.924.273</b>	<b>1.775.244</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	835.803	363.336	472.467
Máy móc thiết bị	2.216.774	1.193.954	1.022.820
Phương tiện vận chuyển	446.709	235.107	211.602
Tài sản cố định khác	200.231	131.876	68.355
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.756.616</b>	<b>234.330</b>	<b>1.522.286</b>
Tiền thuê đất	849.888	84.988	764.900
Quyền sử dụng đất	681.362	36.669	644.693
Phần mềm kế toán	215.460	111.573	103.887
Tài sản vô hình khác	9.906	1.100	8.806

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2009 VietinBank*

**13.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất**

Tổng diện tích đất VietinBank hiện đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm 30/04/2010 là: 652.946 m<sup>2</sup>, được chi tiết như sau:

**Bảng 18: Tình hình quản lý và sử dụng đất**

Nội dung	Diện tích (m2)
<b>I. Phân theo hình thức sử dụng đất</b>	<b>652.946</b>
- Đất thuê	327.554
- Đất giao có thu tiền hoặc nhận chuyển nhượng	251.962
- Chưa xác định được hình thức sử dụng đất	73.430

*Nguồn: VietinBank*

**Bảng 19: Một số khu đất chính do VietinBank đang sở hữu**

<b>Đơn vị quản lý, sử dụng</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích (m2)</b>
Trường đào tạo&PTNNL	Khu đất tại số 133 đường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.	918
Trung tâm CNTT	Khu đất tại số 46A Tăng Bạt Hổ, Hà Nội.	300
Trung tâm CNTT	75-79 Châu Văn Liêm, P.14, Q.5, TP HCM	418
Cty KTTS	Trụ sở chính tại 76 Nguyễn Văn Cừ, Q.1	356
Cty CTTC	Khu đất tại số 16 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội.	486
Cty CTTC	Trụ sở chính: 153 Hàm Nghi, quận 1, Tp. HCM	81
NHCT VN	Khu đất tại số 108 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	1.023
NHCT VN	Đất thuê tại Ciputra	29.932
NHCT VN	Khu đất tại số 18 Phan Đình Phùng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	62
NHCT VN	25 Lý Thường Kiệt	2.850
VP HCM	Đất B5 P.Tân Tiến Biên Hoà Đồng Nai	46.027
VP Mien Trung	Trụ sở chính - số 36 Trần Quốc Toản - P. Hải Châu 1 - Q. Hải Châu - Tp. Đà Nẵng	1.404
Hoàn Kiếm	35 Hàng Bò	179
Ba Đình	Khu đất tại số 126 đường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.	1.077
Đống Đa	Khu đất trụ sở chính 187 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	1.167
Thanh Xuân	Khu đất tại khu Nội chính - Thanh Xuân TSC VIETINBANK	1.500
Chương Dương	Khu đất tại 32/298 đường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	4.315
Bắc Hà Nội	Trụ sở - 441 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.	1.659
Đông Hà Nội	Khu đất tại số 284 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.	1.314



<b>Đơn vị quản lý, sử dụng</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
Hoàng Mai	Quyền sử dụng đất đấu giá, tại khu đô Đền Lừ	4.680
Nam Thăng Long	Khu đất tại số 117A đường Hoàng Quốc Việt.	887
Hai Bà Trưng	Trụ sở chính tại số 285 đường Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	1.485
Đông Anh	TS CN Khu đất tại Khối I, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.	762
Tây Hà Nội	Khu đất tại số 72 đường Hồ Tùng Mậu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	143
Hải Phòng	Trụ sở giao dịch số 36 đường Điện Biên Phủ, Thành phố Hải Phòng.	850
Tô Hiệu	Trụ sở giao dịch, số 116 đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.	473
Đồ Sơn	Giá trị quyền sử dụng đất tại 193 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, Hải Phòng	4.305
Lê Chân	Giá trị quyền sử dụng đất tại 124 Nguyễn Đức Cảnh	2.871
Hồng Bàng	Giá trị quyền sử dụng đất tại 90 Trần Quang Khải	845
Kiến An	Phòng giao dịch Kiến An, số 83 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An	3.149
Bắc Kạn	Trụ sở CN, 15 đường Trường Chinh, Tx Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.297
Lào Cai	Trụ sở chính 007 Hoàng Liên, P.Cốc Lếu, Lào Cai	885
Cao Bằng	Trụ sở CN, 064 đường Hoàng Đình Giông, phường Hợp Giang, TX Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	1.104
Sơn La	Ngã tư Nguyễn Lương Bằng phố 3/2 - TP.Sơn La	2.190
Lạng Sơn	Trụ sở chính tại 51 Lê Lợi, P.Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	1.703
Thái Nguyên	Trụ sở chính số 62 Hoàng Văn Thụ	1.500
Sông Công	Trụ sở chính số 1 đường Thắng Lợi, phường Mỏ Chè, TX Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.	3.316
Lưu Xá	Trụ sở chính số 656/1đường CMT8, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên.	2.087

<b>Đơn vị quản lý, sử dụng</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích (m2)</b>
Phú Thọ	Trụ sở chính 1514 Hùng Vương	2.288
Nam Việt Trì	Trụ sở chính, 806 đại lộ Hùng Vương, P. Thanh Miếu, TP Việt Trì	1.342
TX Phú Thọ	Trụ sở chính tại số số 01 Phú An, phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ	4.951
Vĩnh Phúc	Trụ sở chính số 4 Ngô Quyền Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	4.433
Đền Hùng	Trụ sở chính tại xã Vân Phú, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2.493
Hòa Bình	Số 186 đường Cù Chính Lan, phường Phương Lâm, Hoà bình	1.042
Phúc Yên	Trụ sở chính vị trí 1	920
Phúc Yên	Trụ sở chính vị trí 2	369
Bình Xuyên	Trụ sở chính tại thị trấn Hương Canh Bình Xuyên	2.913
Quang Minh	Trụ sở chính tại xứ đồng Mé Tây (Khu công nghiệp Quang Minh) - xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc	2.160
Bắc Giang	Trụ sở chính số 45 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang.	2.465
Bắc Ninh	Trụ sở chính số 31 đường Nguyễn Đăng Đạo	2.225
Tiên Sơn	Trụ sở chính tại Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh.	2.476
KCN Tiên Sơn	Trụ sở tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	2.367
KCN Tiên Sơn	Trụ sở CN và TT lưu trữ tại xã Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	11.455
Quế Võ	Đất trong khu công nghiệp Quế Võ	3.000
Quảng Ninh	Trụ sở mới 25/4 TP. Hạ long, Q.Ninh	1.509
Quảng Ninh	Trụ sở giao dịch cũ (Cánh Buồm) số 120 Lê Thánh Tông	457
Cẩm Phả	Khu Đất tại 376 Trần Phú, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh	2.351
Uông Bí	Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Công thương Uông Bí	2.288

<b>Đơn vị quản lý, sử dụng</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
	tại 446 Quang Trung, Thị xã Uông Bí	
Bãi Cháy	Trụ sở tại đường Hạ Long, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh.	1.461
Móng Cái	Nhà làm việc 3 tầng - Trụ sở chính tại địa chỉ số 01 Hữu Nghị	982
Móng Cái	Trụ sở CN, 01 Vân Đồn, Trần Phú, phường Trần Phú, thị xã Mong Cai, Quảng Ninh	318
Hà Tây	Trụ sở chính 269 đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Tây	1.000
Sông Nhuệ	Trụ sở chính - số 10 Ngô Quyền, Hà Đông, Hà Tây	1.060
Quang Trung	Khu đất tại số 104 đường Trần Phú, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Tây.	574
Láng Hòa Lạc	Trụ sở chính Số 3 khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai - huyện Chương Mỹ - Hà Nội (Hà Tây)	594
Láng Hòa Lạc	Lô A1 - THCT1 Khu đô thị Lê Trọng Tấn - GELEXIMCO	8.053
Hải Dương	Trụ sở giao dịch số 1 đường Hồng Quang, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương	1.781
Hung Yên	Trụ sở giao dịch, số 1 đường Điện Biên, phường Lê Lợi, Thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.	1.257
Mỹ Hào	Khu đất thuê tại Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào	3.476
Mỹ Hào	Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Công thương Mỹ Hào, Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào	630
Nhị Chiểu	Trụ sở giao dịch tại đường 388, Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	2.159
KCN Hải Dương	TS CN kiêm kho Đường Đức Minh, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	2.960
Thái Bình	Trụ sở giao dịch số 190 đường Hai Bà Trưng, Thành phố Thái Bình	1.699
Diêm Điền	Trụ sở làm việc 3 tầng tại khu 5 Thị trấn Diêm Điền	383
Nam Định	Trụ sở chính tại 119 đường Quang Trung, phường	2.927

<b>Đơn vị quản lý, sử dụng</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
	Quang Trung, Thành phố Nam Định	
TP Nam Định	Trụ sở chính tại 01 Máy Tơ, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định	1.012
Hà Nam	Trụ sở mới tại đường Lê Hoàn (Quốc lộ 1A), phường Quang Trung, Thị xã Phủ Lý	2.508
Ninh Bình	Trụ sở chính tại đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 1A), phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình	1.543
Tam Điệp	Trụ sở CN, 17 P.Trung Sơn	1.579
Tam Điệp	Trụ sở chính - nhà hát cũ Bắc Sơn	3.372
Thanh Hóa	Trụ sở chính tại số 17 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa	4.661
Sầm Sơn	Trụ sở chính Phố Tài Lộc Phường trường Sơn	1.171
Bỉm Sơn	Trụ sở chính tại 169 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn	5.434
Hà Tĩnh	Trụ sở chính, 82 Phan Đình Phùng, TP Hà Tĩnh	1.981
Nghệ An	Trụ sở chính tại số 7 Nguyễn Sỹ Sách, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh	2.606
Cửa Lò	Trụ sở chính	4.900
Bến Thủy	Trụ sở chính 229 Lê Duẩn	2.468
Bắc Nghệ An	Trụ sở chính - Xá Quỳnh Vinh, Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	3.809
Quảng Trị	Trụ sở chính - 236 H.Vương - Đông Hà Quảng Trị	1.860
Quảng Trị	Khu đất bên cạnh trụ sở	290
Huế	Trụ sở chính tại số 2 Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, Thành phố Huế	2.887
Phú Bài	Trụ sở chính, khu 8 TT Phú Bài, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	2.987
Quảng Bình	Trụ sở chính 50 Lý thường Kiệt	3.845
Đà Nẵng	Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Công thương Đà Nẵng - Số 172 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng	1.959
Quang Nam	Trụ sở chính - Số 22 Phan Bội Châu, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	3.198
Hội An	Trụ sở chính - số 4 Hoàng Diệu - Hội An	2.001

<b>Đơn vị quản lý, sử dụng</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
Ngũ Hành Sơn	Chi nhánh VIETINBANK Ngũ Hành Sơn - Số 49 Ngũ Hành Sơn - Tp. Đà Nẵng	1.497
Liên Chiểu	381 Nguyễn Lương Bằng, Q.Liên Chiểu. Đà Nẵng	5.289
Gia Lai	Trụ sở làm việc - số 01 Trần Hưng Đạo - Tp. Pleiku - tỉnh Gia Lai	1.252
Gia Lai	PGD An Khê, đường Quang Trung - P. An Phú - TX. An Khê - Tỉnh Gia Lai	1.687
Đắk Lắk	Trụ sở làm việc - số 35 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột	3.427
Bình Phước	Trụ sở chính 622 Quốc lộ 14 - Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	3.640
Kon Tum	Trụ sở CN số 92 Trần Phú, phường Thắng Lợi, tỉnh Kontum	1.013
Kon Tum	Giao lộ Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Huệ, Phường Quyết Thắng, KonTum	2.448
Quảng Ngãi	Trụ sở giao dịch chính - Số 97 Hùng Vương - P. Trần Hưng Đạo - Tp. Quảng Ngãi	1.339
Bình Định	Hội sở - số 257 Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn	550
Bình Định	Lô đất đường Lê Duẩn, P. Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn	2.494

(Nguồn: VietinBank)

### **13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010-2012**

#### **14.1. Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam**

##### **14.1.1. Mục tiêu chiến lược tổng thể:**

Xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, xếp hạng tiên tiến trong khu vực: đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; Quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững.

##### **14.1.2. Mục tiêu chiến lược cụ thể:**

###### *Chiến lược Tài sản và Vốn*

- Tăng quy mô tài sản hàng năm trung bình 20-22%

- Tăng vốn chủ sở hữu bằng lợi nhuận để lại và phát hành thêm cổ phiếu phù hợp với quy mô tài sản và đảm bảo hệ số an toàn vốn
- Đa dạng hóa cơ cấu sở hữu theo nguyên tắc Nhà nước sở hữu 51% trở lên, thu hút cổ đông chiến lược có uy tín trong và ngoài nước theo kế hoạch phê duyệt cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ.

#### *Chiến lược Tín dụng và đầu tư*

- Tín dụng là hoạt động kinh doanh chủ lực, cạnh tranh theo nguyên tắc thị trường.
- Điều chỉnh cơ cấu tín dụng hợp lý, phù hợp với thế mạnh của VietinBank
- Tăng cường rủi ro tín dụng, bảo đảm nợ xấu chiếm dưới 3%
- Đa dạng hóa các hoạt động đầu tư tín dụng trên thị trường tài chính, giữ vai trò định hướng trong thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và quản lý thanh khoản của ngân hàng.

#### *Chiến lược dịch vụ*

- Phát triển đa dạng các dịch vụ ngân hàng thu phí, xác định nhóm dịch vụ mũi nhọn để tập trung phát triển.
- Dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để phát triển dịch vụ, lấy mức độ thỏa mãn nhu cầu khách hàng là định hướng phát triển.

#### *Chiến lược nguồn nhân lực*

- Tiêu chuẩn hóa nguồn lực, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực trình độ của cán bộ.
- Hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động và cơ chế trả lương
- Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và chuyên nghiệp

#### *Chiến lược công nghệ*

- Coi ứng dụng công nghệ thông tin và yếu tố then chốt, hỗ trợ mọi hoạt động phát triển kinh doanh
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, an toàn, có tính thống nhất - tích hợp - ổn định cao.

#### *Chiến lược bộ máy tổ chức và điều hành*

- Điều hành bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp rõ ràng, hợp lý
- Phát triển và thành lập mới các công ty con theo định hướng cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tài chính ra thị trường.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, thành lập mới chi nhánh, phát triển mạnh mẽ mạng lưới các phòng giao dịch, phủ sóng toàn bộ các tỉnh thành phố trong toàn quốc.
- Phát triển mạnh hệ thống ngân hàng bán lẻ

### **15. Lộ trình thực hiện**

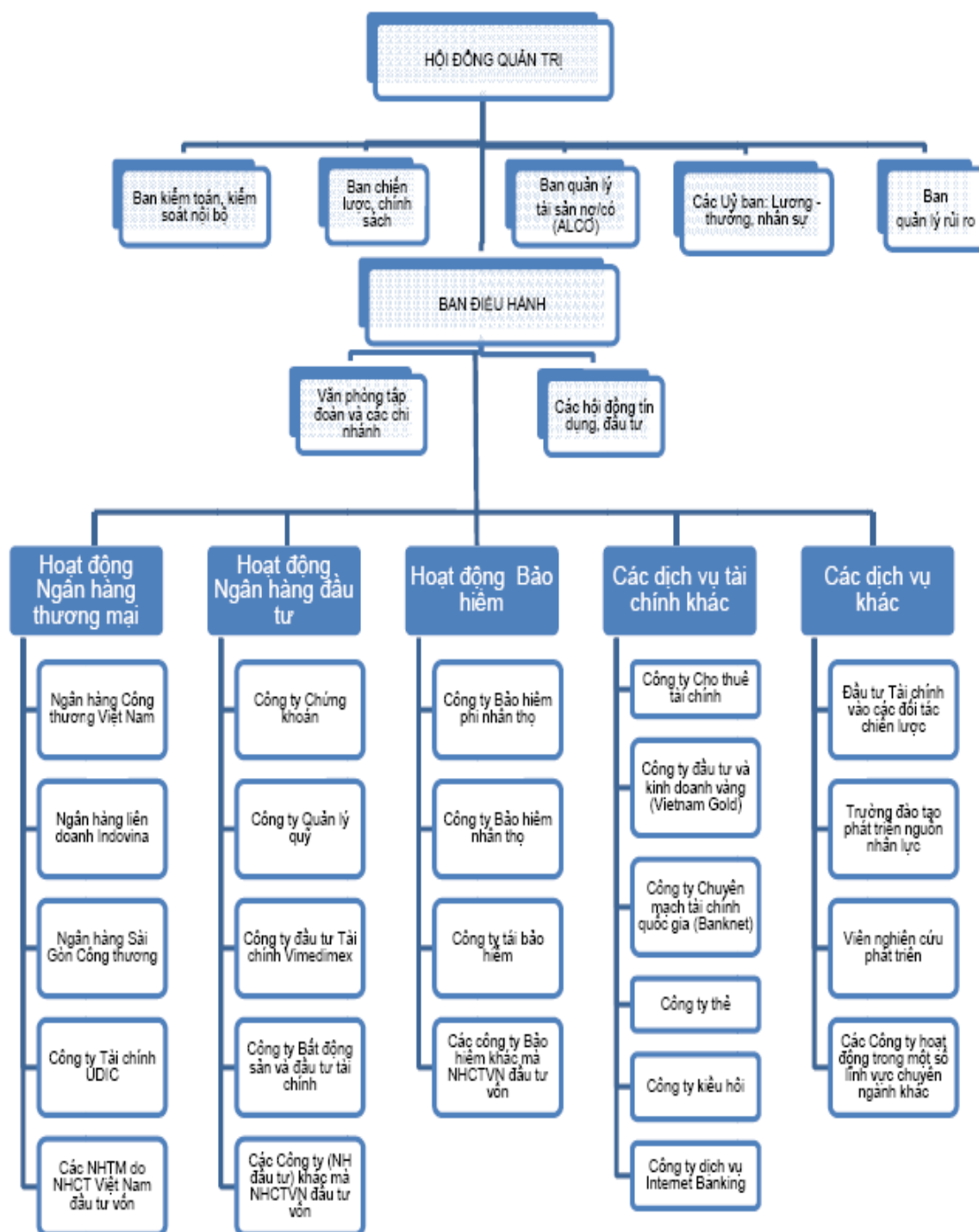
#### *Năm 2010*

- Thực hiện việc tăng Vốn điều lệ của VietinBank
- Tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài phù hợp và bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.
- Triển khai Dự án Hiện đại hóa giai đoạn 2, đầu tư mua sắm giải pháp công nghệ cho 12 Module nghiệp vụ trên hầu hết các lĩnh vực quản trị ngân hàng và phát triển sản phẩm mới.
- Mở văn phòng đại diện, chi nhánh tại một số nước.

#### *Năm 2011*

- Hoàn thiện tổ chức Tập đoàn tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam: hoạt động theo mô hình Tập đoàn Tài chính ngân hàng.
- IPO quốc tế và niêm yết quốc tế vào thời điểm thích hợp.

**Hình 28: MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



Nguồn: VietinBank

Từ năm 2011 đến 2015



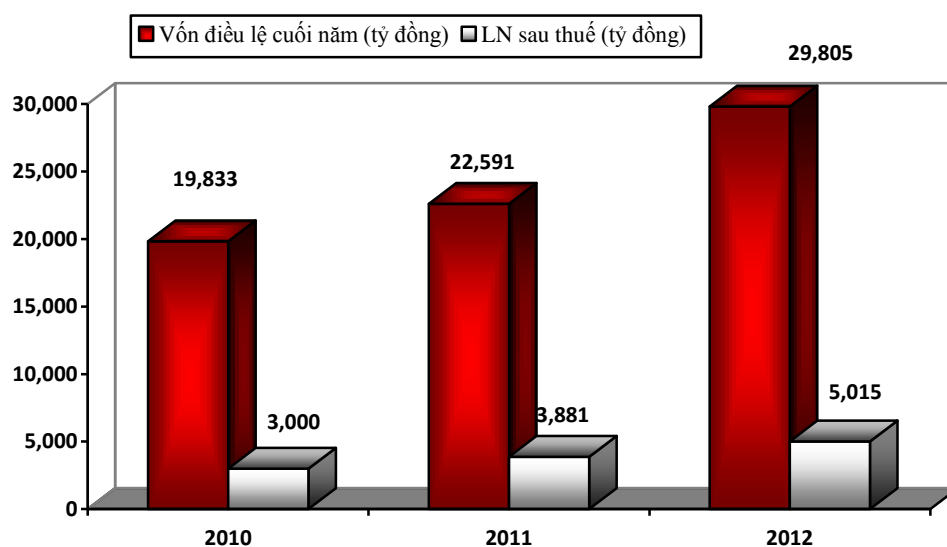
Tiếp tục mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động thông qua việc phát triển mạng lưới, thành lập và liên kết thành lập các công ty con kinh doanh trên lĩnh vực tài chính tiền tệ.

- Phân đầu trở thành một Tập đoàn Tài chính Ngân hàng mạnh trong khu vực vào năm 2015

**15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank trong giai đoạn 2010-2012 như sau:**

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức này được dựa trên những điều kiện thực tế và tình hình mới sau cổ phần hóa

**Hình 29: Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của VietinBank giai đoạn 2010-2012**



*Nguồn: VietinBank*

**Bảng 20: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức VietinBank 2010-2012**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2010		2011		2012	
	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2009	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2010	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2011
Vốn điều lệ đầu năm	12.252.973	n.a	19.833.000	42,03%	22.590.564	29,81%
Vốn điều lệ cuối năm (**)	19.833.000	61,86%	22.590.564	29,81%	29.805.369	31,94%
Vốn điều lệ bình quân	16.042.987	30,93%	19.996.952	34,86%	26.197.966	31,01%
Thu nhập trước dự phòng	5.523.000	47,50%	7.197.000	35,80%	9.233.000	28,30%
Chi phí dự phòng	-1.523.000	52,30%	-2.023.000	32,80%	-2.547.000	25,90%
Lợi nhuận trước thuế	4.000.000	45,68%	5.174.000	37,02%	6.686.000	29,22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	-944.000	45,60%	-1.294.000	37%	-1.671.000	29,10%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.056.000	45,68%	3.880.000	37,01%	5.015.000	29,25%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân(%)	19,05%	15,47%	19,40%	1,59%	19,14%	-1,34%
Tỷ lệ cổ tức (%)	14	39,21%	15	0%	15	0%

*(Nguồn: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam)*

**Ghi chú:**

(\*\*) Chi tiết về kế hoạch tăng vốn:

**Bảng 21: Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2010-2012**

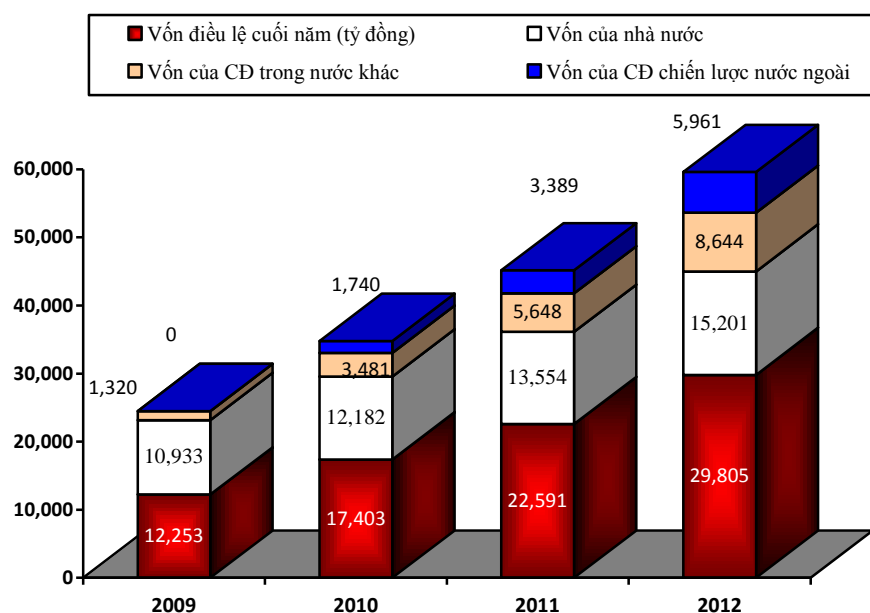
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Khoản mục	2010	2011	2012
Vốn điều lệ đầu năm	12.252.973	19.833.000	23.062.183
Tăng từ lợi nhuận để lại và các quỹ	769.000	1.960.000	2.744.000
Phát hành thêm ra công chúng cho cổ đông trong nước và đối tác chiến lược	6.811.027	3.227.223	4.470.805
Vốn điều lệ đến cuối năm	19.833.000	23.062.183	30.276.988
Tỷ lệ sở hữu nhà nước	70,00%	60,00%	51,00%
Tỷ lệ sở hữu cổ đông khác	20,00%	25,00%	29,00%
Tỷ lệ sở hữu cổ đông chiến lược nước ngoài	10,0% - 15,0%	15,00%	20,00%
Giá trị vốn của nhà nước	13.883.100	13.837.309	15.441.264
Giá trị vốn của cổ đông trong nước	2.766.600	5.765.545	8.780.327
Giá trị vốn của cổ đông chiến lược nước ngoài	1.983.300	3.459.327	6.055.398

*(Nguồn: VietinBank)*

**Tăng từ lợi nhuận để lại và các quỹ:** kế hoạch này được xây dựng căn cứ trên lợi nhuận để lại sau khi đã trả cổ tức hàng năm và dành một phần chi khen thưởng và phúc lợi... Theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua, tổng lợi nhuận và các quỹ để lại có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ là 769 tỷ đồng trong năm 2009. Do vốn điều lệ được bổ sung hàng năm nên tốc độ tăng của nguồn này dự kiến khoảng 40%/năm.

**Tăng từ việc phát hành thêm cổ phiếu:** việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông trong nước và cho đối tác chiến lược nước ngoài theo lộ trình đến năm 2012, tỷ lệ sở hữu của nhà nước sẽ giảm xuống còn 51%, tỷ lệ sở hữu của cổ đông trong nước là 29% và tỷ lệ sở hữu của cổ đông chiến lược nước ngoài là 20%.

**Hình 30: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ VietinBank giai đoạn 2010-2012**

**Bảng 22: Báo cáo thu nhập dự kiến giai đoạn 2010-2012**

	Khoản mục	2010	2011	2012
I	Lãi và thu nhập từ lãi	27.618	31.577	38.245
II	Lãi và chi phí từ lãi	(17.098)	(21.024)	(25.226)
III	<b>Lãi và thu nhập lãi ròng (I+II)</b>	<b>10.520</b>	<b>10.553</b>	<b>13.019</b>
	Phí, hoa hồng và các khoản thu nhập ngoài lãi ròng	1.716	2.264	3.026
	Các khoản thu nhập từ hoạt động khác	921	950	1.010
IV	<b>Thu nhập ngoài lãi ròng</b>	<b>2.877</b>	<b>3.214</b>	<b>4.036</b>
	Chi phí lương và các chi phí cho cán bộ khác	(3.517)	(3.710)	(4.322)
	Khấu hao và các chi phí hoạt động khác	(2.341)	(2.860)	(3.500)
V	<b>Tổng chi phí ngoài lãi</b>	<b>(5.858)</b>	<b>(6.570)</b>	<b>(7.822)</b>
VI	<b>Thu nhập hoạt động trước dự phòng (III+IV+V)</b>	<b>5.323</b>	<b>7.197</b>	<b>9.233</b>
VII	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>(1.523)</b>	<b>(2.023)</b>	<b>(2.547)</b>
VIII	<b>Thu nhập trước thuế (VI+VII)</b>	<b>4.000</b>	<b>5.174</b>	<b>6.686</b>

(Nguồn: VietinBank)

## 15.2. Căn cứ để đạt kế hoạch cổ tức, lợi nhuận trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2010 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua, theo đó lợi nhuận trước thuế dự kiến là 4.000 tỷ đồng. VietinBank quyết tâm sẽ hoàn thành và vượt kế hoạch này.

Trong các năm qua, VietinBank luôn đạt mức tăng trưởng cả về quy mô nguồn vốn cũng như các chỉ tiêu hoạt động, cụ thể:

- Nguồn vốn luôn tăng trưởng qua các năm. Giai đoạn 2007-2009 mức tăng trưởng nguồn vốn bình quân là 18,5%.
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2007-2009 đạt khoảng 67%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 63,15%.
- Các chỉ tiêu tài chính cũng ngày càng được cải thiện, tỷ lệ an toàn vốn Car tăng từ 5,18% năm 2006 lên 11,62% năm 2007 và đạt 12,02% năm 2008, năm 2009 là 8,06%.
- Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp, trung bình 1,18% trong giai đoạn 2006-2008. Năm 2009, tỷ lệ nợ xấu là 0.6%.

Với tiềm năng của ngành ngân hàng còn lớn, VietinBank có nhiều cơ hội để phát triển và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trong cả mảng dịch vụ truyền thống và các mảng dịch vụ mới. Kế hoạch thực hiện đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua với các nội dung chính sau đây:

### Kế hoạch tín dụng

Với chủ trương cơ cấu lại danh mục tín dụng theo hướng an toàn, song song với việc ban hành hệ thống chính sách quy định về công tác tín dụng, đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng, trong các năm trở lại đây, tăng trưởng bình quân tín dụng của VietinBank ở mức 17-18%/năm - ở mức độ thấp hơn bình quân toàn ngành.

Chủ trương sang năm 2010, VietinBank tiếp tục xây dựng và duy trì cơ cấu tín dụng phù hợp với định hướng của NHNN và nguồn lực của VietinBank; tìm kiếm và tiếp cận các khách hàng có tiềm lực tài chính lành mạnh, các dự án khả thi, hiệu quả cao, bảo đảm khả năng trả nợ; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tín dụng trong các lĩnh vực được nhà nước khuyến khích như cho vay thu mua, chế biến lương thực, nông sản, thủy hải sản, đáp ứng nhu cầu vốn cho xuất khẩu; chú trọng hơn nữa mảng cho vay tiêu dùng; cung cấp các dịch vụ trọn gói có tính đặc thù phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Một số dự án tín dụng lớn VietinBank đã ký kết và kế hoạch giải ngân trong năm 2009 bao gồm; Nhà máy Lọc Dầu Dung quất, dự án Boxit nhôm Lâm Đồng, dự án điện Nhiệt điện Quảng Ninh, nhiệt điện Hải Phòng, Thép Việt Tp Hồ Chí Minh, dự án cao ốc Bitexco Tp Hồ Chí Minh...

**Đầu tư vào giấy tờ có giá**

Chủ động phân tích dự báo diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ để nắm bắt kịp thời cơ hội; tập trung phát triển hoạt động kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng, thị trường trái phiếu, giữ vững vai trò là một trong những ngân hàng tạo lập thị trường và có ảnh hưởng trên thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu Việt Nam. Đa dạng hóa danh mục đầu tư trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ. Tăng tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty lớn, có độ thanh khoản và hiệu quả cao.

**Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm hoạt động đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác. Những hoạt động này nằm trong chiến lược phát triển Tập đoàn VietinBank và triển khai theo khả năng tài chính từng năm, riêng năm 2009, VietinBank dự kiến tăng 1.056 tỷ đồng bao gồm góp vốn bổ sung vào ngân hàng Indovina (dự kiến 450 tỷ đồng); thành lập liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ (dự kiến vốn tham gia 300 tỷ đồng); góp vốn vào Công ty liên doanh kinh doanh vàng (100 tỷ đồng); góp vốn vào Công ty Gang thép Thái Nguyên (100 tỷ đồng) và một số khoản đầu tư dài hạn khác.

**Đầu tư vào công ty con**

Đến 31/12/2009, tổng số vốn góp đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác là gần 1.464 tỷ đồng, tăng 61,3% so với năm 2008. Vốn góp đầu tư được tập trung vào một số Tổ chức tín dụng và Tổ chức kinh tế uy tín và có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo hiệu quả đầu tư của VietinBank.

**Kế hoạch phát triển mạng lưới**

Năm 2009, VietinBank đặc biệt chú trọng phát triển mở rộng mạng lưới, đã khai trương hoạt động 6 chi nhánh mới tại Cao Bằng, Bắc Kạn, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Tuyên Quang thành lập thêm 204 phòng giao dịch nâng tổng số đơn vị mạng lưới của VietinBank lên 150 chi nhánh, 1 Sở giao dịch, 2 Văn phòng Đại diện, 793 Phòng giao dịch và Quỹ tiết kiệm, 3 đơn vị sự nghiệp, 4 công ty trực thuộc và 1 ngân hàng liên doanh.

Tiếp tục chiến lược mở rộng mạng lưới bằng việc thành lập thêm chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch tại các địa bàn tiềm năng, tại các khu đô thị, thương mại, khu công nghiệp mới; nâng cao hiệu quả hoạt động của các Chi nhánh, Phòng giao dịch. Phát triển các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế, phát triển ngân hàng quốc tế, mở rộng hoạt động kinh doanh của NH TMCP CTVN ra thị trường nước ngoài. Trong năm 2010, VietinBank sẽ thúc đẩy nghiên cứu thành lập văn phòng đại diện/chi nhánh tại các nước có quan hệ thương mại chặt chẽ với Việt Nam. Dự kiến trong thời gian tới sẽ thành lập Văn phòng đại

diện và nâng cấp lên Chi nhánh VietinBank tại Frankfurt và Berlin (Đức), xúc tiến thành lập liên doanh ngân hàng Hồi giáo với 1 ngân hàng lớn tại vùng Trung Đông.

#### **14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

#### **15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có

### **V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

#### **1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

#### **2. Mệnh giá cổ phiếu**

10.000 (mười nghìn) đồng/1 cổ phiếu

#### **3. Tổng số cổ phần chào bán**

Tổng số cổ phần chào bán: 392.000.000 cổ phần (Ba trăm chín mươi hai triệu cổ phần)

#### **4. Đối tượng chào bán**

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: nhà đầu tư có tên trong danh sách cổ đông của VietinBank tại ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức và quyền mua cổ phần phát hành thêm.

#### **5. Giá chào bán**

- Phát hành 76.900.000 cổ phần để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 6,83%.
- Chào bán 315.100.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 28% với giá 10.000/cổ phần (bằng mệnh giá).

#### **6. Nguồn phát hành cổ phiếu trả cổ tức**

VietinBank sẽ sử dụng 769 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2009 và sau khi trích lập các quỹ theo quy định hiện hành để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.

#### **7. Phương pháp tính giá**

Giá chào bán được xác định căn cứ vào giá thị trường niêm yết của cổ phiếu, giá trị nội tại của công ty, số lượng cổ phần chào bán và số lượng vốn cần huy động, bảo đảm lợi ích của cổ đông, phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Thủ tục thông qua giá chào bán thực hiện theo quy định hiện hành.

#### **8. Phương thức phân phối**

Ngân hàng TMCP Công thương tự thực hiện phân phối cổ phiếu.

#### **9. Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến**

Ngân hàng sẽ thực hiện đợt chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng của công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Dự kiến như sau:

- ✓ Công bố báo chí: Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày được UBCK NN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, Công ty sẽ công bố Bản thông báo phát hành trên 1 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 3 số liên tiếp.
- ✓ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp, VietinBank gửi thông báo đề nghị tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán, SGDC TP.HCM phối hợp xác định danh sách sở hữu chứng khoán cuối cùng, ngày giao dịch không hưởng quyền; lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong 10 ngày làm việc.
- ✓ Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng Trung tâm lưu ký Chứng khoán phân bổ và thông báo quyền mua đến các thành viên lưu ký và cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.
- ✓ Trên cơ sở danh sách phân bổ quyền nhận cổ tức và mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách phân bổ quyền.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Quyền mua cổ phần được chuyển nhượng trong vòng 18 ngày làm việc kể từ ngày thông báo danh sách phân bổ quyền thông qua thành viên lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Nếu quá thời hạn trên mà cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phiếu mà không nhận được sự đền bù nào của Công ty.
- Xử lý số cổ phiếu lẻ dôi dư: Trên cơ sở tổng hợp quyền mua của các cổ đông hiện hữu, lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thực hiện xử lý số cổ phần còn dư.

#### **10. Đăng ký mua cổ phiếu**



Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu thì cổ tức và quyền mua cổ phần (chuyên nhượng quyền mua) được thực hiện tại các công ty chứng khoán mà cổ đông mở tài khoản.

Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì thực hiện quyền mua cổ phiếu (chuyên nhượng quyền mua) và nhận cổ phiếu trả cổ tức tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (cổ đông mang theo sổ chứng nhận cổ đông).

## 11. Phương thức thực hiện quyền

### *Cổ tức*

Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được chia cổ tức là 6,83 cổ phần. Tổng số cổ phần được chia của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ sẽ được chi trả bằng tiền mặt trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Ví dụ: Cổ đông A tại ngày chốt cuối cùng để chi trả cổ tức sở hữu 100 cổ phần thì được nhận cổ phiếu thưởng như sau:  $100 \times 6,83\% = 6,83$  cổ phần, làm tròn đến hàng đơn vị là 6 cổ phần và được trả bằng tiền mặt  $0,83 \times 10.000 = 8.300$  đồng. Như vậy cổ đông A được quyền nhận cổ tức năm 2009 là 6 cổ phần và 8.300 đồng.

Quyền nhận cổ tức không được chuyển nhượng.

Cổ phiếu chi trả cổ tức được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

Các cổ đông có cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu.

### *Chào bán*

Cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ nhận được quyền mua 28 cổ phần mới. Tổng số cổ phần được quyền mua của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A tại ngày chốt cuối cùng để chào bán cổ phần phát hành thêm sở hữu 151 cổ phần thì được nhận  $151 \times 28\% = 42,28$  cổ phần mới, làm tròn xuống hàng đơn vị là 42 cổ phần. Số tiền mà cổ đông phải nộp để mua cổ phiếu là  $42 \times 10.000 = 420.000$  đồng.

Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa một lần.

### *Xử lý cổ phiếu lẻ dôi dư*

Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu và quyền mua cổ phần mà cổ đông từ chối thực hiện sẽ do HĐQT VietinBank quyết định chào bán với các điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.

## 12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ vào Điều 4 Nghị định của Chính phủ số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Tính đến thời điểm ngày 13/5/2010, tổng số lượng cổ phần VietinBank do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 10.361.836 cổ phần, chiếm 0,92% vốn điều lệ (Nguồn: Sổ Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

## 13. Các loại thuế có liên quan

### 13.1. Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Kể từ ngày 01/01/2009, các tổ chức và cá nhân phải nộp thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và được lựa chọn 02 phương pháp tính thuế thu nhập như sau:

#### Cách 1:

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x thuế suất, Trong đó:

- Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Với chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm: phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, chi phí ủy thác chứng khoán và các khoản chi phí khác.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính

thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

**Cách 2:**

Đối với các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, áp dụng thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

**13.2. Đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng**

**Bảng 23: Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2009**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	03/7 – 31/12/2009
<b>1</b>	<b>Thu nhập chịu thuế TNDN của Hệ thống NHNN</b>	<b>1.662.681</b>
	Chi phí Thuế TNDN của hệ thống NH theo thuế suất 25%	415.670
	Chi phí Thuế TNDN của công ty con	22.794
<b>2</b>	<b>Thuế thu nhập trong năm tài chính</b>	<b>438.464</b>
<b>3</b>	<b>Thuế thu nhập phải trả đầu kỳ</b>	<b>0</b>
<b>4</b>	<b>Nhận chuyển giao từ doanh nghiệp trước cổ phần hóa</b>	<b>435.319</b>
<b>5</b>	<b>Thuế TNDN đã trả trong kỳ</b>	<b>(284.592)</b>
<b>6</b>	<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>589.191</b>

*(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2009 cho giai đoạn từ 03/7/2009 đến 31/12/2009)*

**13.3. Các loại thuế khác**

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, VietinBank phải thực hiện nộp các loại thuế khác bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà đất...

**14. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành từ việc chia cổ tức và chào bán cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

Cổ phiếu phát sinh từ việc chia cổ tức và chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng, bao gồm: Cổ đông chiến lược trong nước, cổ đông là Tổ chức Công đoàn VietinBank, cổ đông chủ chốt (thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

#### **15. Niêm yết cổ phiếu phát hành và chào bán thêm**

Ngân hàng sẽ thực hiện niêm yết toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông ngoài Nhà nước tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông Nhà nước sẽ không được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **16. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Tên tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Số tài khoản: 1200204000296

Ngân hàng: Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội

## **VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Căn cứ Phương án phát hành đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua, mục đích chào bán gồm:

Việc tăng vốn điều lệ Đợt 1 trong năm 2010 là cơ sở để VietinBank nâng cao năng lực hoạt động, hỗ trợ khả năng chống đỡ những biến động rủi ro, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng vốn các giai đoạn tiếp theo, nâng cao lợi ích cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, việc tăng vốn điều lệ của VietinBank sẽ hỗ trợ ngân hàng thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược kinh doanh trong những năm tới; giữ vững đà tăng trưởng cao cả về quy mô và hiệu quả kinh doanh trong những năm vừa qua với mục đích cuối cùng là mang lại giá trị ngày càng cao cho phần vốn góp của mỗi cổ đông. Tăng vốn điều lệ giúp VietinBank tiếp tục giữ vững vai trò chủ lực trên thị trường tài chính Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ vào kế hoạch tăng và sử dụng vốn điều lệ, VietinBank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chính của năm 2010 như sau:

**Bảng 24: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2010**

*Đơn vị: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Tăng trưởng	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Tổng Tài sản	243.785	292.500	48.715	20%
2	Tổng nguồn vốn huy động	220.591	265.000	44.409	20%
3	Tiền gửi và vay TCTD khác	15.000	15.000	0.00	0,0%
4	Tổng dư nợ	163.170	204.000	40.830	25%
5	Tỷ lệ nợ xấu	0,61%	<2,5%		
6	Lợi nhuận trước thuế	3.373	4.000	627	18,6%
7	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	13,67%	14%	n/a	n/a
8	Tỷ lệ ROE	20,6%	>18%	n/a	n/a
9	Tỷ lệ ROA	1,39%	>1,53%	n/a	n/a
10	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	8,06%	>10%	n/a	n/a

## VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

### Tăng cường tín dụng: dự kiến 1.834 tỷ đồng

Thu xếp vốn tín dụng đầu tư vào các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt, hoạt động an toàn, hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ tốt cho ngân hàng: dự kiến khoảng 700 tỷ đồng

Hỗ trợ các dự án đầu tư trung, dài hạn có tính khả thi và hiệu quả cao, chủ đầu tư có năng lực quản lý và tình hình tài chính ổn định: dự kiến 1.234 tỷ đồng.

### Mở rộng mạng lưới: dự kiến 262 tỷ đồng

Mở rộng quy mô, mạng lưới kinh doanh, phủ khắp các địa bàn kinh tế phát triển trên phạm vi cả nước; xúc tiến thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài.

- Mở rộng thêm chi nhánh tại một số tỉnh thành trên phạm vi cả nước, trong đó ưu tiên các khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nam bộ: dự kiến 130 tỷ đồng.
- Xúc tiến thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài: Trong năm 2010 và đầu năm 2011, VietinBank triển khai việc thành lập chi nhánh tại Đức, VietinBank dự kiến sẽ sử dụng khoảng 132 tỷ đồng trong tổng số vốn điều lệ tăng thêm trong Đợt tăng vốn này vào kế hoạch mở rộng chi nhánh ngân hàng tại Cộng hòa Liên bang Đức.

**Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển dịch vụ mới: dự kiến 524 tỷ đồng**

Đầu tư các dự án hiện đại hoá, nâng cao năng lực quản trị ngân hàng; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nâng cao tiện ích cho khách hàng, nâng cao tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập.

- Đầu tư vào các dự án hiện đại hóa, nâng cao năng lực quản trị ngân hàng: dự kiến khoảng 224 tỷ đồng.
- Đầu tư vào công nghệ, tăng cường các sản phẩm dịch vụ hiện đại: dự kiến 300 tỷ đồng.

**Mở rộng hoạt động đầu tư, liên doanh, góp vốn: dự kiến 1.300 tỷ đồng**

Tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư và kinh doanh Giấy tờ có giá, đầu tư trên thị trường liên ngân hàng; tiếp tục đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực có tiềm lực phát triển và hiệu quả sinh lời cao như thành lập Công ty Bảo hiểm nhân thọ, Công ty kinh doanh vàng, Quản lý quỹ, đầu tư và khai thác tài sản,... theo chiến lược phát triển mô hình tập đoàn hoạt động đa dạng trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính.

Ngân hàng dự kiến sẽ sử dụng khoảng từ 800 đến 1.000 tỷ đồng để đầu tư vào việc thành lập các công ty con như Công ty bảo hiểm nhân thọ, Công ty Quản lý Quỹ và Công ty Kinh doanh vàng.

Số vốn điều lệ còn lại sẽ được VietinBank tiếp tục đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh trên thị trường vốn, trong đó ưu tiên đầu tư vào Giấy tờ có giá và cho vay trên thị trường liên ngân hàng.

**VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**

**1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại : 04.39741865 Fax : 04.39745601

Chi nhánh : Lầu 1 số 63 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08.39140200 Fax : 08.39140201

Chi nhánh Hà Nội: 65 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04.35562875 Fax: 04.35562874

**2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH ERNST YOUNG VIỆT NAM (E&Y)**

Địa chỉ: 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 38315100 Fax: 04. 38315090

Điện thoại: 04.35562875

Fax: 04.35562874

**2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH ERNST YOUNG VIỆT NAM (E&Y)**

Địa chỉ: 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 38315100

Fax: 04. 38315090

**IX. PHỤ LỤC**

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu, Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ phát hành thêm cổ phiếu và các giấy tờ pháp lý liên quan của Công ty
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục VI:** Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2008 và 2009
4. **Phụ lục VII:** Báo cáo tài chính Quý I/2010
5. **Phụ lục VIII:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS.

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**Phạm Xuân Lập**

**Nguyễn Văn Chung**

**Trần Thị Lệ Nga**